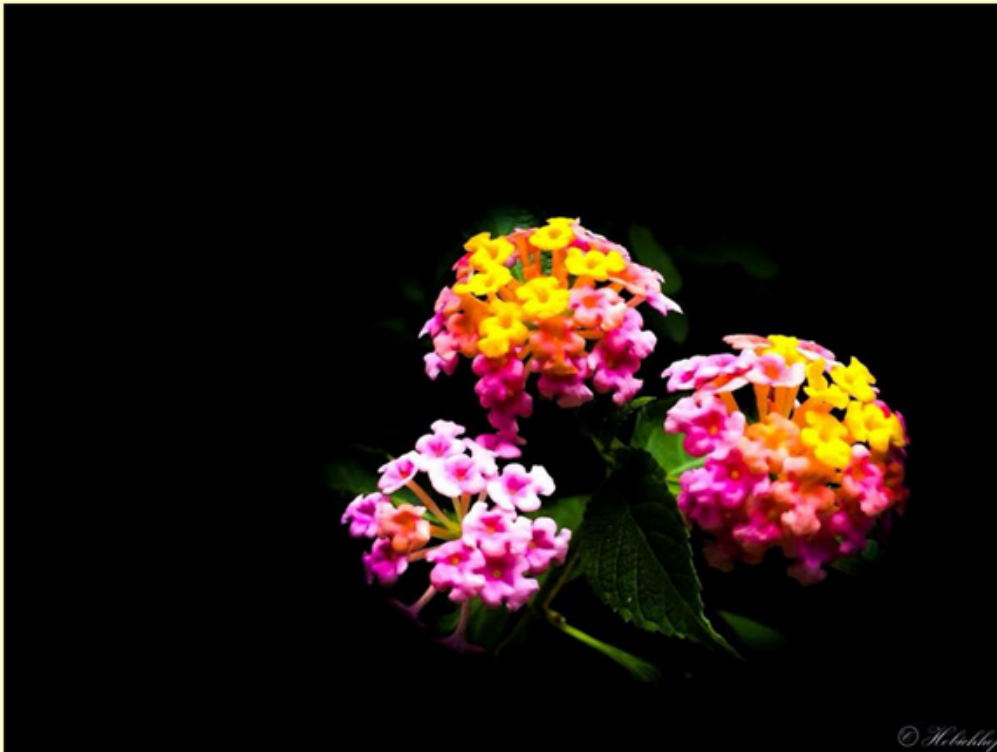




CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



"Như thứ hoa đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành thì chẳng đem lại lợi ích."

(Kinh Pháp Cú, Câu 51)

**As a flower that is lovely and beautiful
but is scentless,
even so fruitless is the well-spoken word
of one who does not practise it.**

(Dhammapada, Verse 51)



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Hồ Bích Hợp

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file (từ MS. document / PDF) qua email: baivochanhphap@gmail.com.
Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **CỦ ĐI MỚI LẠI XOAY VẦN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ **THIỆN PHÂN TÍCH ĐỂ TRỪ SÂN HẠN** (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 12
- ♦ **ĐƯỜNG MÂY** (thơ Mặc Phương Tử), tr. 15
- ♦ **NƠI NÀO CÔI TỊNH** (Mặc Không Tử), trang 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **ÁNH TRĂNG VỚI Ý NGHĨA CHÂN LÝ TRONG ĐÊM THÀNH ĐẠO** (Thích Tâm Tôn), trang 18
- ♦ **NỀN TẢNG CỦA SỰ XUẤT HIỆN THẾ GIỚI** (Nguyễn Thế Đăng), trang 22
- ♦ **TIỂU SỬ HT. THÍCH THIÊN HOA** (Ht. Thích Thắng Hoan), trang 24
- ♦ **MÙA THU ĐỢI CHỜ** (thơ Hoàng Thụy Dung), trang 28
- ♦ **DR. EDWARD CONZE** (HT. Thích Trí Chơn), trang 29
- ♦ **NƠI ẤY** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 31
- ♦ **NHÂN NHỤC – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **MẶT NẠ CỦA CÁI ÁC** (thơ Bertolt Brecht – Pháp Hoan dịch), trang 34
- ♦ **SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **BÓN PHƯƠNG QUÊ NHÀ** (thơ TN Tịnh Quang), trang 38
- ♦ **TRĂNG HẠT** (Sakya Minh Quang), tr. 39
- ♦ **SINH NHẬT** (thơ TN Thanh Yên), trang 41
- ♦ **NI GIỚI HOA KỲ GẶP GỠ, TRAO ĐỔI...** (Việt Báo), trang 42
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 2 – KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8** (HT. Thích Thông Hải), trang 43
- ♦ **VUI TRONG ĐAU KHÓ, ÔNG PHẬT MŨI ĐEN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 47
- ♦ **MỘT QUỐC HỘI TÌNH THỰC** (Nguyễn Giác), trang 48
- ♦ **MỘT LẠY, MUÔN KÍNH THƯƠNG** (thơ TN Hạnh Chi), trang 50
- ♦ **NGHĨ VỀ NGÀY THÀNH ĐẠO** (TN Diệu Phúc), trang 51
- ♦ **SÚP-LƠ XANH** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ **ĐỌC KINH PHÁP CÚ, NGÀN THU KHƠI SẮC...** (thơ Nguyễn Ngộ), tr. 53
- ♦ **TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỮ** (Steven N.), trang 54
- ♦ **THƯ CẢM TẠ VÀ THÔNG BÁO CỦA TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI** (HT. Thích Thông Hải), trang 55
- ♦ **HẢI HOA CÙNG DƯƠNG, GIỮA DÒNG SINH DIỆT** (thơ Đồng Thiện), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: GÒI XOÀI** (Cookpad), trang 57
- ♦ **THOÁT KHỎ, THOÁT LUẬN HỒI** (Lê Khắc Thanh Hoài), trang 58
- ♦ **KỶ ỨC MỘT THỜI** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 62
- ♦ **STORY OF JUDGE** (Daw Mya Tin), trang 63
- ♦ **LỄ TƯỜNG NIỆM CÔ HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC CHƠN...** (Binh Sa), tr. 64
- ♦ **NHỚ ÒN** (thơ TTTT), trang 66
- ♦ **MỤT GHÉ NÓI TIẾNG NGƯỜI** (Thích Minh Chiêu soạn), trang 67
- ♦ **TRÁCH NHIỆM CỦA HÀNG THÍCH NỮ** (TN. Giới Châu), trang 69
- ♦ **VÀI GÓP Ý VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NI GIỚI VIỆT NAM TẠI HOA KỲ** (Cư sĩ Tâm Quang), trang 71
- ♦ **ĐI THĂM DHARAMSALA...** (Bạch Xuân Phê), trang 72
- ♦ **PHẨM VẬT CÙNG DƯƠNG** (TN. Huệ Trân), trang 74
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 4** (Vĩnh Hào), trang 76
- ♦ **LỜI CUỐI NĂM, NĂM MỚI CHƯA VÈ** (thơ Duy Toàn), trang 79



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 74 (tháng 01.2018) do Thiền Tịnh Đạo Trảng (Garden Grove, California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Những ngày cuối năm không hẳn là những ngày được nghỉ ngơi, thư giãn.

Dù là dịp lễ, được nghỉ nhiều ngày trước năm mới, vẫn là những ngày bận rộn nhất của những người nhiều trách nhiệm.

Ai ở đời cũng có trách nhiệm liên đới với xã hội, đất nước và nhân loại – trực tiếp hay gián tiếp. Nếu vô trách nhiệm với đời, ít ra cũng phải biết trách nhiệm với gia đình, hoặc trách nhiệm với chính mình.

Không trách nhiệm được ngay cả với chính mình thì đời này xem như bỏ đi.

Hãy tự gánh cho mình trách nhiệm làm con người đàng hoàng, ngay thẳng, sống không dối trá dùa nịnh trước kẻ giàu sang quý phái, không khúm núm luồn cúi trước những kẻ chức trọng quyền cao; yêu người, yêu đời, không ngại khó khăn gian khổ, thấy việc lợi ích cho người thì sẵn sàng đưa vai gánh lấy.

Nghèo không mang lại lợi lộc vật chất cho ai thì hãy làm người nghèo tốt bụng, đem trí tuệ, kiến thức, thời gian và công sức của mình ra mà làm lợi ích cho người.

Không có tài năng đóng góp được gì cho đời thì hãy làm người vô danh với từ tâm, rộng lượng, cho đi những gì có thể cho được.

Người sống có trách nhiệm là người biết cho đi, bởi khi sinh ra đã nhận được từ cuộc đời vô vàn điều kiện thuận lợi dành sẵn; và bởi ai trong đời cũng có nhu cầu thu nhận, hoạch đắc những gì họ thiếu, hoặc chưa có; ai trong đời cũng tìm kiếm, đuổi bắt những gì họ tin là có thể mang lại hạnh phúc cho họ.

Những ngày cuối năm, bước qua đầu năm, ở phương đông hay phương tây, thường là cơ hội để cho đi—và cũng là cơ hội để nhận vào.

Mà kỳ thực, nhu cầu (hay lòng tham?) của con người luôn thúc bách hàng ngày, hàng giờ, không đợi đến cuối năm đầu năm. Nỗi thống khổ của thế gian cũng diễn ra triền miên bất tận ở khắp nơi trên địa cầu, không phải chờ đến đầu năm, cuối năm để giải trừ, cứu giúp.

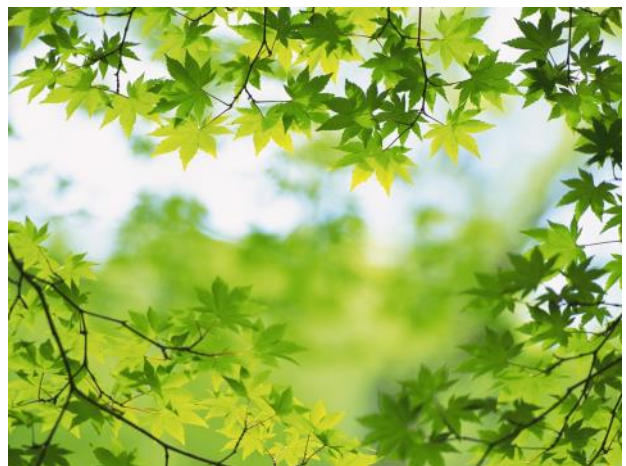
Ngày tháng qua đi. Năm cũng hết. Nhưng trong chuỗi dài sinh-tử, tử-sinh của một sinh thể, chẳng có ngày nào là ngày cuối cùng; và cũng chẳng có ngày nào là ngày đầu tiên. Có chăng thì ngày đầu tiên của người đau khổ là ngày hết khổ, được vui; và ngày cuối cùng của người hạnh phúc là ngày hết vui, bị khổ.

Người ta có thể sản xuất ra hàng loạt những cuốn lịch xác định ngày nào cuối năm, nhưng không ai có thể tiên liệu chính xác ngày nào là ngày cuối cùng của đời mình.

Vì vậy, hãy bắt đầu cho ngày mai, cho ngày mới nhất, bằng thái độ và hành động buông xả, cho đi. Ngày ấy, ít nhất có hai người hạnh phúc: người đón nhận và người trao tặng.

Đừng chờ đến cuối ngày, cuối năm, hay cuối đời mới trao đi hạnh phúc cho người. Hãy cho khi còn cơ hội để cho, và hãy cho khi người nhận vẫn còn cơ hội để nhận.

Dù sao, cây phong ở sân trước cũng đã trút sạch những lá vàng, và đang ươm những lộc mới đón xuân sang. Ước mơ có thể gửi đến muôn người muôn vật niềm hạnh phúc an vui như trùng trùng lá non đâm chồi.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ÚC ĐẠI LỢI: Chùa Phật Quang Sơn ở Maylands tặng Phòng Trưng bày Nghệ thuật bang Tây Úc cuốn Bách khoa Toàn thư về Nghệ thuật Phật giáo

Cuối tháng 10 năm 2017, Chùa Phật Quang Sơn Maylands đã tặng Phòng Trưng bày Nghệ thuật Tây Úc cuốn Bách khoa Toàn thư về Nghệ thuật Phật giáo của mình sau hơn 10 năm sưu tập những tác phẩm xuất sắc nhất của nghệ thuật Phật giáo.

Bách khoa Toàn thư của Chùa Phật Quang Sơn bao gồm 20 chương về kiến trúc, điêu khắc, hang động, điêu khắc trên đá, thư pháp và tranh vẽ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Bắc Hàn, châu Âu, châu Mỹ và châu Úc. Cuốn Bách khoa Toàn thư này có những tác phẩm nghệ thuật được sưu tập bởi Đại sư Hsing Yun của Phật Quang Sơn từ những chuyến đi của ông vào thập niên 1940.

Các nhà biên soạn bắt đầu phiên bản Hoa ngữ trước tiên vào năm 2001, và phải mất 12 năm để biên dịch tất cả các bức ảnh và từ ngữ trước khi 300 học giả nói tiếng Anh dịch nó. Cuốn sách này có hơn 10.000 bài tuyển chọn, hơn 14.000 hình ảnh và khoảng 3.5 triệu từ ngữ.

(tipitaka.net – November 3, 2017)

Các vị chức sắc tham dự lễ trao tặng cuốn Bách khoa toàn thư Nghệ thuật Phật giáo tại Phòng Trưng bày Nghệ thuật Tây Úc
Photo: communitynews.com.au



ĐÀI LOAN: Đại diện Vatican tham dự diễn đàn Phật giáo-Thiên Chúa giáo

Đài Bắc, Đài Loan – Ngày 15-11-2017, Đức Hồng Y Jean-Louis Tauran của Vatican đã đến Đài Loan để tham dự một diễn đàn Phật giáo – Thiên Chúa giáo hàng năm. Diễn đàn năm nay tập trung về chủ đề phi bạo lực.

Hội thảo Phật giáo- Thiên Chúa giáo lần thứ 6 được tổ chức tại thành phố Tân Tân với chủ đề “Tín đồ Thiên Chúa giáo và Phật tử cùng đi trên con đường bất bạo động”.

Hội đồng Giám mục về Đối thoại Liên tôn giáo do Hồng Y Tauran đứng đầu đã đồng tổ chức hội thảo nói trên, cùng với Hội nghị Giám mục Khu vực Trung Hoa có trụ sở tại Đài Loan và Hội Phật giáo Ling Jiou Mountain. Các đại biểu từ 18 quốc gia đã tham dự sự kiện này.

(focustaiwan.tw – November 15, 2017)



Diễn đàn Phật giáo-Thiên Chúa giáo lần thứ 6 tại Đài Loan—Photo: CNA

TRUNG QUỐC: Khám phá di tích tu viện Phật giáo tại tỉnh Cam Túc

Kính Xuyên, Cam Túc – Một cuộc khai quật ở tỉnh Cam Túc, tây bắc Trung Quốc, đã phát hiện một hộp bằng gỗ 1,000 năm tuổi có chứa tro cốt được cho là của Đức Phật.

Chữ khắc trên hộp giải thích rằng 2 nhà sư tên là Yunjiang và Zhiming của chùa Manjusri thuộc Tu viện Longxing đã thu thập hơn 2,000 mảnh tro cốt - bao gồm răng và xương - trong suốt 20 năm, và đem chôn trong chùa vào ngày 22-6-1013, như một cách tu tập và truyền bá Phật giáo.

Hơn 260 tượng Phật giáo, cùng với di tích một tòa nhà – vốn có thể là một phần của khu tu viện này – cũng đã được tìm thấy.

Một số tượng nói trên có chiều cao hơn 6 feet, miêu tả Đức Phật, chư bồ tát, la hán và các thần. Rất ít tượng có chữ khắc, nhưng người ta cũng tìm lại được những tấm bia khắc.

(News Now – November 15, 2017)



Di tích tu viện Phật giáo tại tỉnh Cam Túc
Photo: News Now

HÀN QUỐC: Triển lãm tranh La Hán thời Goryeo

Bốn bức “tranh La Hán” thuộc triều đại Goryeo được công bố từ ngày 15-11-2017 trong một cuộc triển lãm tại Bảo tàng Đại học Dongguk. Những tranh này có ý nghĩa rất quan trọng vì thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của triều đại Goryeo để chống lại cuộc xâm lược của Mông Cổ vào

năm 1235, sau khi dời đô đến đảo Ganghwa.

Tranh La Hán là tài sản văn hóa có giá trị cao vì hiện nay chỉ có khoảng 10 tranh trong số đó còn tồn tại ở các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

La Hán là nhà sư hóa Phật và được miêu tả như là một vị hộ pháp trong Phật giáo. Có 2 bộ tranh gồm "tranh 500 La Hán" vẽ năm 1235 và "tranh 16 La Hán" được vẽ năm 1236. Trên bộ "tranh 500 La Hán" có ghi một bài viết thể hiện khát khao đánh bại giặc Mông của triều đại Goryeo với sự phò hộ của Đức Phật.

(donga.com - November 15, 2017)



Tranh La Hán từ triều đại Goryeo

Photos: Sang- Un Kim

PAKISTAN: Công bố pho tượng Phật nằm có niên đại 1,700 năm tuổi

Haripur, Khyber Pakhtunkhwa - Ngày 15-11-2017, Pakistan đã trưng bày di tích một pho tượng Phật nằm có niên đại 1700 năm tuổi, là một phần của sáng kiến để thúc đẩy du lịch và dự án hòa hợp tôn giáo trong khu vực gặp khó khăn này.

Phản ánh lịch sử và văn hóa đa dạng của đất nước Pakistan, di tích Phật giáo cổ đại ở bảo tháp Bhamala, tọa lạc tại Haripur thuộc tỉnh Khyber Pakhtunkhwa đã được khám phá lần đầu tiên vào năm 1929.

Trong 88 năm sau đó, các cuộc đào tìm được tiếp tục và pho tượng Phật bằng đá Kanjur nói trên đã được khai

quật.

"Tượng này có từ thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, là di tích tượng Phật nằm cổ xưa nhất của thế giới", Abdul Samad, giám đốc ban khảo cổ học và bảo tàng của Bhamala, nói.

"Chúng tôi đã phát hiện hơn 500 hiện vật Phật giáo cùng với pho tượng Phật nằm dài 48 feet này", ông nói thêm.

(Big News Network - November 16, 2017)



Bảo tháp Bhamala (Pakistan)
Photo: Reuters

ĐÀI LOAN: Các tình nguyện viên di chuyển ngôi chùa bị sập để cứu bức bích họa lịch sử

Ngày 18-11-2017, tại thị trấn Lieyu của quận Kim Môn, các tình nguyện viên đã di chuyển được 3 mét một ngôi chùa đang sụp đổ để bảo vệ bức bích họa lịch sử của chùa này.

Các tình nguyện viên đã kéo những sợi dây thừng theo nhịp trống để di chuyển ngôi chùa theo các đường ray đặt trên mặt đất.

Ban trị sự chùa nói rằng họ phải hành động nhanh chóng sau khi phát hiện nền móng của ngôi chùa đã bị xói mòn. Và trong vài ngày tới họ sẽ sử dụng thiết bị công nghiệp để di chuyển chùa thêm 92 mét đến một vị trí tạm thời.

Bức bích họa nói trên được vẽ vào năm 1914 bởi họa sĩ Lin Tian-chu, một họa sĩ nổi tiếng trong nước có những tác phẩm có thể tìm thấy trong toàn quốc.

Bức bích họa được đặc biệt công nhận về giá trị nghệ thuật của nó, vì bề mặt xốp của các bức tường bằng đá

vôi của ngôi chùa có nghĩa là tranh này đã được hoàn thành trong một buổi duy nhất.

(Taipei Times - November 20, 2017)



Các tình nguyện viên kéo dây thừng để di chuyển ngôi chùa theo các đường ray
Photo: Wu Cheng-ting

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma nhận Giải thưởng Nhân đạo 2017

Bhubaneswar, Odisha - Ngày 21-11-2017, nhà lãnh đạo Tây Tạng Đạt lai Lạt ma đã nhận Giải thưởng Nhân đạo 2017 do Học viện Khoa học Xã hội Kalinga (KISS) trao tặng, trước cử tọa gồm 27,000 sinh viên bản địa của học viện và nhiều quan chức.

Diễn văn của lễ trao giải thưởng cho Đức Đạt lai Lạt ma đã công nhận "mối quan tâm của ngài đối với những người bị áp bức đang cần đến lòng từ bi trên khắp thế giới".

Trong bài phát biểu khi nhận giải của mình, Đức Đạt lai Lạt ma đã kêu gọi biến Thế kỷ này thành Thế kỷ của lòng từ bi và hòa bình. Ngài nói: "Hòa bình không đến từ bên ngoài, mà là đến từ bên trong. Chúng ta cần hủy bỏ sự giận dữ, hiểu chiến và ghen tị của mình. Sân hận và bạo lực luôn luôn gây ra thảm họa và tạo nên một bầu không khí đáng sợ. Hòa bình thế giới chỉ có thể đạt được bằng hòa bình nội tại".

(Deccan Chronicle - November 22, 2017)



*Đức Đạt lai Lạt ma nhận Giải thưởng Nhân đạo 2017
Photo: Deccan Chronicle*

TRUNG QUỐC: - Bộ sưu tập tác phẩm điêu khắc Phật giáo của Chu Minh Quan tại Thượng Hải

Thượng Hải, Trung Quốc – Trong bộ sưu tập tác phẩm điêu khắc Phật giáo tại phòng triển lãm của Chu Minh Quan ở Thượng Hải, người ta có thể tìm thấy các tác phẩm điêu khắc Phật giáo Trung Hoa từ thời Nam Bắc triều (420-589) cho đến thời nhà Thanh (1644-1911) và các tác phẩm điêu khắc từ Ấn Độ và dãy Hi Mã Lạp Sơn vốn có ảnh hưởng đến nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa thời kỳ đầu.

Ông Chu sinh tại đông bắc Trung Quốc và thuộc dòng dõi người Mãn Châu. Qua nhiều năm, ông dần dần rút khỏi những trách nhiệm đoàn thể và tập trung vào việc theo đuổi nghệ thuật của mình. Ông nói, “Mục tiêu của tôi là xây dựng một bộ sưu tập có hệ thống mà mình họa cho việc nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ đã phát triển như thế nào từ thời Ấn Độ cổ đại đến Trung Hoa”.

(Buddhistdoor Global – November 23, 2017)

Một số tác phẩm điêu khắc Phật giáo trong bộ sưu tập của nhà sưu tập Chu Minh Quan:



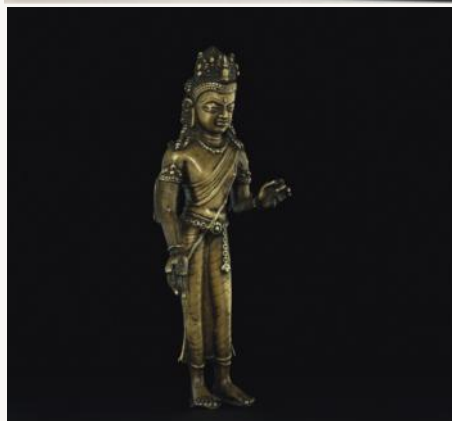
Bia đá Phật giáo, triều đại Bắc Ngụy (Trung Hoa)



Tượng Văn Thù Bồ Tát bằng đồng thời nhà Thanh (Trung Hoa) và chi tiết của chữ khắc



Một mảnh vỡ của tượng Phật Thích Ca Mâu Ni (Gandhara – thế kỷ thứ 2-3)



Tượng Phật Di Lặc bằng đồng (Nalanda – thế kỷ thứ 7)



*Tượng Văn Thù Bồ Tát bằng đồng (Phong cách Pala – thế kỷ thứ 12)
Photos: Buddhistdoor Global*



ANH QUỐC: Các học sinh 9 tuổi viếng thăm một ngôi chùa

Worcester, Worcestershire – Gần đây, các học sinh từ một trường ở thành phố Worcester đã viếng thăm một ngôi chùa để tìm hiểu thêm về Phật giáo.

Các học sinh 9 tuổi của trường Blessed Edward Oldcome Catholic đã trải qua một ngày tại chùa A Di Đà Mạn Đà La ở Malvern, nơi các em tìm hiểu về tín ngưỡng và nếp sống của Phật giáo.

Dayamay, một Phật tử của chùa A Di Đà, đã kể cho các học sinh về câu chuyện của Tất Đạt Đa Cồ Đàm và về việc Ngài đã trở thành vị Phật đầu tiên hay 'đăng giác ngộ' ra sao.

Sau khi hỏi Dayamay về lý do tại sao ông trở thành một Phật tử, các học sinh sau đó đã tham gia thiền định Phật giáo trong vài phút. Các em cũng hát một số bài đạo ca Phật giáo và suy nghiệm về ngày này của mình tại chùa.

Học sinh 9 tuổi Ellie Cross nói: " Đây là một chuyến đi có tính giáo dục và nó đã giúp cả lớp hiểu đầy đủ ý nghĩa một Phật tử là gì".

(worcesterobserver.co.uk – November 24, 2017)



*Các em học sinh viếng chùa A Di Đà Mạn Đà La ở Malvern (Worcestershire, Anh Quốc)
Photo: Joshua Godfrey*

NHẬT BẢN: Chùa Todaiji cung cấp nơi nghỉ dưỡng cho các gia đình có người bệnh nặng

Nara, Nhật Bản – Chùa Todaiji, ngôi chùa thế kỷ thứ 8 được xếp hạng Di sản Thế giới

thuộc cổ đô Nara, là nơi dành cho các gia đình có người bị bệnh nặng cần được nghỉ ngơi.

Nhà nghỉ của chùa - được thành lập vào năm 2010 - hướng đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống của những người bệnh nặng, đặc biệt là trẻ em bị tàn tật nghiêm trọng.

Để ở tại nhà nghỉ này trong một ngày hoặc qua đêm, các gia đình cần được bác sĩ của họ giới thiệu. Tuy nhiên các dịch vụ được cung cấp miễn phí vì nhà nghỉ chủ yếu dựa vào các khoản đóng góp. Mỗi gia đình chỉ có thể sử dụng nhà nghỉ được một lần.

Tại đây, bác sĩ, y tá luôn túc trực trong các ca cấp cứu. Các tình nguyện viên cộng đồng làm vệ sinh nhà nghỉ, và nấu các bữa ăn với rau củ từ vườn nhà và thực phẩm do các nhà hàng địa phương cung cấp.

(Japan Today – November 26)



Chùa Todaiji ở Nara (Nhật Bản) —Photo: Google

INDONESIA: Lễ hội Các nhà văn và Lễ hội Văn hóa Borobudur (BWCF) lần thứ 6 về phù điêu Gandawyuha của chùa Borobudur

Vào ngày 23-11-2017, Lễ hội Các nhà văn và Lễ hội Văn hóa Borobudur (BWCF) lần thứ 6 với chủ đề tập trung vào những bức phù điêu Gandawyuha của chùa Borobudur đã khai mạc tại Yogyakarta.

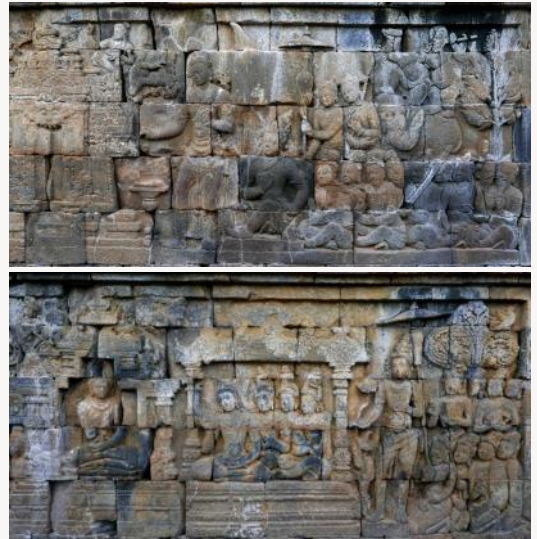
Lễ hội ba ngày này cung cấp các chương trình khác nhau, bao gồm thiền định dưới chân chùa Borobudur, hội thảo, thuyết giảng, triển lãm, chiếu phim tài liệu, trình diễn văn nghệ và nghệ thuật.

Gandawyuha, tên của những phù điêu trên tường của các tầng thứ hai, ba và tư của Borobudur, tập trung vào câu chuyện về một chàng trai trẻ, Sudhana (Thiện Tài đồng tử), đi khắp Ấn Độ để tìm kiếm chân lý cuối cùng.

Trong chuyến du hành của mình, ngài được gặp gỡ 53 bậc thầy trước khi báii kiến Bodhisatwa Samanthabhadra, một trong ba vị Bồ tát trong truyền thống Phật giáo Đại thừa.

Sudhana cũng đã gặp các nhà sư, ni cô, thầy lang và một gái mại dâm có tên là Vasumitra, cho thấy rằng chân lý trong quan điểm Gandawyuha (kinh điển Phật giáo Ấn Độ) có thể đến từ bất cứ nơi nào trong xã hội.

(Tipitaka Network – November 27, 2017)



Phù điêu Gandawyuha ở tầng thứ 3 của chùa Borobudur (Indonesia)



*Chùa Borobudur
Photos: Google*

BUNGARIA: Lạt ma Nyari Tritul Rinpoche giảng pháp tại Sofia và Vratsa

Sofia, Bungaria – Nyari Tritul Rinpoche, một lạt ma cao cấp của trường phái Phật giáo Tây Tạng Gelug, đã thăm thủ đô Sofia và thành phố Vratsa của Bungaria từ ngày 20 đến 26-11-2017 để giảng pháp.

Nyari Tritul Rinpoche cũng giới thiệu cuốn sách đầu tiên của mình, bây giờ đã được dịch sang tiếng Bungaria, có tựa đề “Đạo dẫn đến Hạnh phúc”, với bài bình luận của ông về “Ba khía cạnh chính của Đạo” – một văn bản Đại Thừa căn bản được viết bởi Je Tsongkhapa (1357-1419), người sáng lập phái Gelug.

Nyari Tritul Rinpoche sinh năm 1977 tại Mundgod, nam Ấn Độ. Năm 3 tuổi, ông được công nhận là hóa thân thứ ba của Gaden Tripa thứ 89 và chính thức đăng quang tại Tu viện Gaden vào năm 1992.

(Buddhistdoor Global – December 1, 2017)



MIỄN ĐIỆN: Đức Giáo hoàng kêu gọi cơ quan Phật giáo hàng đầu của Miến Điện vượt qua “thành kiến và hận thù”

Ngày 29-11-2017, trong chuyến thăm Miến Điện kéo dài 4 ngày, Đức Giáo hoàng Francis đã kêu gọi các tu sĩ Phật giáo cao cấp vượt qua “thành kiến và hận thù”.

“Nếu đoàn kết như mục đích của chúng ta, chúng ta cần phải vượt qua mọi hiểu lầm, bất dung, thành kiến và hận thù”, giáo hoàng nói với các thành viên của Đại Tăng đoàn Nayaka (Na Ma Na), một cơ quan của các tu sĩ Phật giáo do chính phủ Miến Điện chỉ định tại Yangon, vốn giám sát và quản lý 600,000 tăng sĩ của đất nước này.

Giáo hoàng cũng kêu gọi sự tôn trọng giữa tín đồ Công giáo và Phật tử tại Miến Điện.

“Cuộc họp của chúng ta là một dịp quan trọng kết nối lại và củng cố tình hữu nghị và sự tôn trọng giữa Phật tử và Ki Tô hữu”, Giáo hoàng Francis nói. “Đây cũng là cơ hội cho chúng ta khẳng định cam kết về hòa bình, tôn trọng nhân phẩm và công lý cho mọi người nam nữ”.

(Big News Network – December 2, 2017)



Giáo hoàng Francis trong chuyến thăm Miến Điện (tháng 11-2017)—Photo: RFA

MỄ TÂY CƠ: Phái đoàn Văn hóa của Phật giáo Hàn Quốc quảng bá chương trình Ở lại Chùa và Thực phẩm Chùa

Phái đoàn Văn hóa của Phật giáo Hàn Quốc đã tổ chức một sự kiện quảng bá cho chương trình ‘Ở lại Chùa và Thực phẩm Chùa’ tại Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc ở thủ đô Mexico City của Mỹ Tây Cơ từ ngày 28 đến 30-11-2017.

Với chủ đề “Bí ẩn đối với Sức khỏe: Thực phẩm Chùa Hàn Quốc”, một sự kiện thuyết trình, trình bày và trưng bày đã diễn ra tại Hacienda de Los Morales vào ngày 28-11. Ni sư Hyungmin, thuyết trình viên, đã giới thiệu về thực phẩm chùa và trình bày cách nấu một số món chay.

Từ ngày 29 đến 30-11, một sự kiện khác dành cho cách làm mứt trà và nấu đồ chay đã được tổ chức cho học sinh đang theo học trường ẩm thực và công chúng. Để cảm ơn những người tham gia đã không ngại đường xa đến dự, Phái đoàn Văn hóa của Phật giáo Hàn Quốc đã tặng họ sổ tay - với thông tin về chương trình Ở lại Chùa và Thực phẩm Chùa - làm quà lưu niệm.

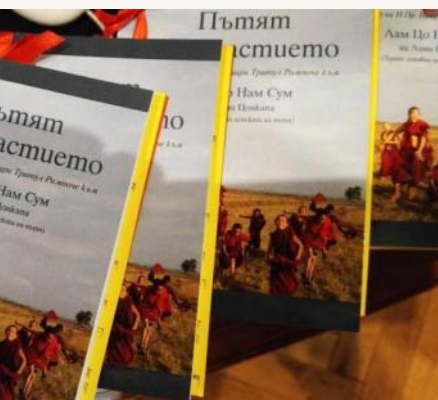
(prnewswire.com – December 5, 2017)



Ni sư Hyungmin tại sự kiện quảng bá cho chương trình Ở lại Chùa và Thực phẩm Chùa ở Mexico City của Mỹ Tây Cơ (tháng 11-2017)
Photo: NewsNow

BANGLADESH: Khai quật khu đền chùa 1000 năm tuổi

Gần đây, một đội từ Khoa Khảo cổ học của trường Đại học Jahangirnagar đã khai quật một khu đền chùa có niên đại khoảng 1000 năm trước. Ban



Nyari Tritul Rinpoche và cuốn sách đầu tiên của ông, bản tiếng Bungaria, có tựa đề “Đạo dẫn đến Hạnh phúc”
Photos: Lyudmila Klasanova

đều có thể là một khu chùa Phật giáo, nó đã trở thành ngôi đền Ấn giáo trong vòng vài trăm năm rồi rơi vào cảnh đổ nát vào khoảng thế kỷ 13 hoặc 14. Di tích này có kiểu kiến trúc và xây dựng độc đáo chưa từng thấy trong khu vực Greater Bengal, giáo sư Swadhin Sen, chủ nhiệm đội khai quật cho biết.

Di tích nói trên nằm trên một gò đất trong làng Bishnupur, cách thành phố Dinajpur chỉ 12 km. Các đền thờ theo ước tính đã được xây dựng vào khoảng từ thế kỷ thứ 9 đến 13. Bộ Văn hóa và Ủy ban Tài trợ Đại học đã tài trợ cho cuộc khai quật trong 6 tháng qua.

Đội khai quật gồm 15 sinh viên Khoa Khảo cổ, cùng với 15 thợ đào lành nghề và 30 nhân công địa phương.

(Dhaka Tribune – December 6, 2017)

HÀN QUỐC: Hội nghị chuyên đề về Phật giáo và cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

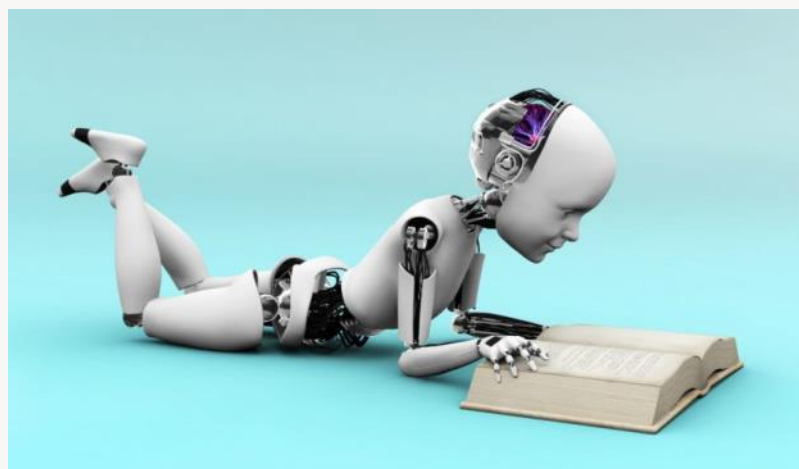
Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Hàn Quốc (KABS) dự kiến sẽ tổ chức một hội nghị chuyên đề về Phật giáo và cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư vào tháng 12-2017. Tại hội nghị khoa học này, các học giả sẽ cùng thảo luận về tương lai và mối quan hệ của Phật giáo với các công nghệ mới nhất.

Han Sung-ja, một thành viên của Học viện Lịch sử Hàn Quốc, sẽ trao đổi về khả năng robot AI đạt niết bàn, là trạng thái tinh thần cao nhất có thể đạt được trong Phật giáo.

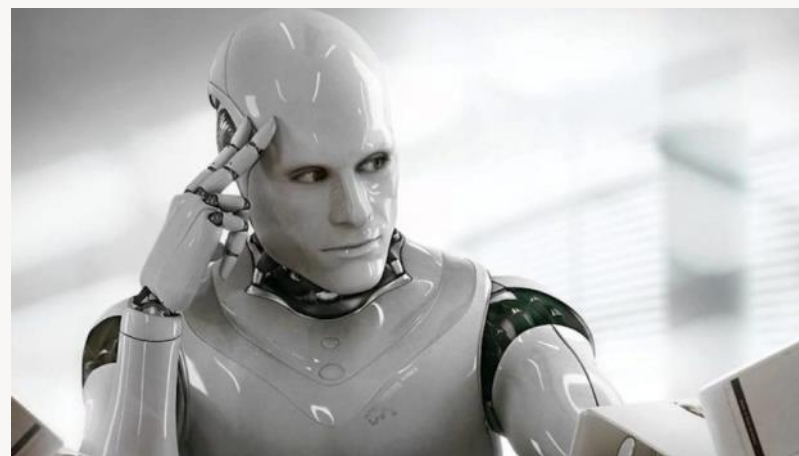
Tăng sĩ Bo Ill từ Chùa Haeinsa sẽ nói về tính khả thi của việc áp dụng dữ liệu thuật toán của công án, còn gọi là công án Thiền, trong các robot tư vấn AI.

Ngoài ra, nhiều chuyên gia thuộc lĩnh vực Phật giáo lẫn công nghệ thông tin - bao gồm nhà nghiên cứu Hwang Jong-sung của chi nhánh Hiệp hội Thông tin Quốc gia - dự kiến sẽ thuyết trình tại hội nghị.

(tipitaka.net – December 7, 2017)



Robot AI (Trí thông minh Nhân tạo)



Photos: androidauthority.com



*Khu di tích đền chùa hơn 1000 năm tuổi ở Dinajpur, Bangladesh
Photos: Dhaka Tribune*

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

B.- PHẦN NỘI DUNG CỦA KINH:

I. PHẦN KHAI PHẬT TRI KIẾN:

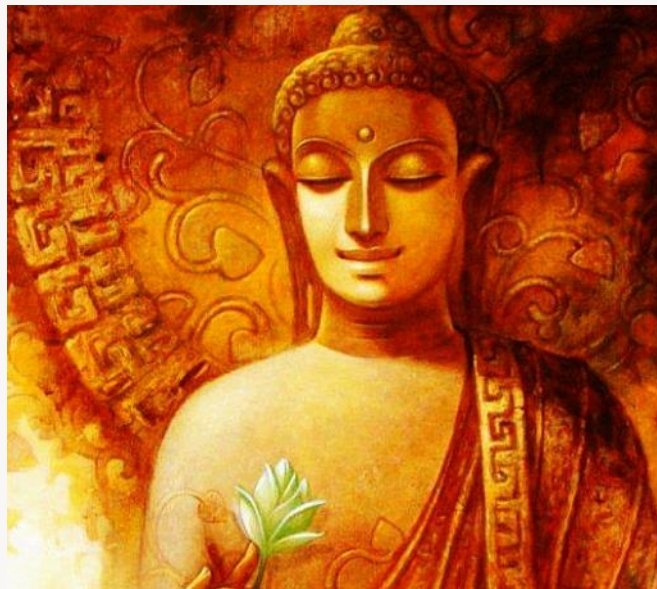
Phần Khai Phật Tri Kiến kể từ Phẩm Tựa thứ 1 cho đến Phẩm Pháp Sư thứ 10.

1.- PHẨM TỰA:

Phẩm này đức Phật hiển bày những thể giới chân như pháp tánh của chư Phật trong mười phương và những thể giới này thường gọi là Nhất Chân Bình Đẳng Pháp Giới. Nhất Chân Bình Đẳng Pháp Giới nghĩa là thể giới pháp tánh thuộc y báo của chư Phật mười phương an trụ bản chất thanh tịnh chân như và bình đẳng một thể, do Tạng Như Lai của Chân Tâm mẫu nhiệm duyên khởi. Những thể giới chân như pháp tánh do Tạng Như Lai của Chân Tâm mẫu nhiệm duyên khởi chính là nền tảng phát sanh ra vô số thể giới vọng hiện và thể giới nghiệp duyên trong ba cõi. Những thể giới chân như pháp tánh được thể hiện qua hào quang chiếu soi bằng "Phổ Quang Minh Trí Tam Muội," cũng như các quốc gia trên thế giới được thể hiện qua đài truyền hình. Đức Thích Ca sử dụng Phổ Quang Minh Trí Tam Muội chiếu soi khiến cho thể giới chân như pháp tánh hiển bày để giới thiệu tri kiến của Phật cho chúng hội liễu ngộ. Trước khi chỉ bày tri kiến của Phật, đức Phật nói "Kinh Vô Lượng Nghĩa" để độ các hàng Bồ Tát rồi sau đó mới vào Thiền Định gọi là "Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội" để phát huy "Phổ Quang Minh Trí Tam Muội" và sử dụng "Phổ Quang Minh Trí Tam Muội" chiếu soi.

Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội (Anantanirdesapratisthānasamādhi) nghĩa là một loại thiền định nương nơi thật tướng vô tướng để phát sanh vô lượng nghĩa của tam thừa tứ quả. Kinh *Pháp Hoa Văn Cú*, quyển 2 ghi rằng: "Tam đạo tức Tam Thừa, Tứ Quả tức La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Các pháp này gọi là vô lượng. Thực tướng là nghĩa xứ. Từ một nghĩa xứ này ra vô lượng pháp. Đặc được là Vô lượng pháp nhập vào một nghĩa xứ." Trước kia, đức Phật dùng thiền định đó để chuyển pháp luân độ sanh trong Hội Hoa Nghiêm nơi Bồ Đề Đạo Tràng và về sau ngài cũng dùng thiền định đó mở bày tri kiến của Phật để thọ ký trong Đạo Tràng Pháp Hoa nơi núi Linh Thứu.

Đức Phật phóng hào quang chiếu soi là báo



hiệu cho chúng sanh biết đức Phật sẽ giảng kinh Diệu Pháp chưa từng có. Chúng sanh nhơn đó chuẩn bị tâm niệm thanh tịnh để đón nhận Diệu Pháp do đức Phật trao truyền.

a/- Hào quang chiếu soi mà đức Phật phóng ra tức là Tri Kiến của Phật. Tri Kiến của Phật chính là cảnh tượng chân thật không sanh diệt, không nhơ sạch và những cảnh tượng đó chư Phật đã từng chứng ngộ. Cảnh tượng chân thật của Phật chứng ngộ đích thực là Diệu Pháp được thể hiện qua hào quang chiếu soi (Tri kiến) nhằm tạo đức tin kiên cố cho chúng sanh.

b/- Hào quang chiếu soi của Phật phóng ra, tự nó có năng lực mẫu nhiệm phi thường được gọi là Vô Tác Diệu Lực. Năng lực mẫu nhiệm của hào quang chiếu soi cũng giống như Quang Tuyến X (X Ray) khổng lồ coi thấu một vạn tám ngàn thể giới phương Đông, soi thấu Địa Ngục A Tỳ ở phía dưới, soi thấu cõi trời Hữu Định v.v... ở phía trên và hiện ra hình tướng Pháp Giới Tánh của chư Phật, hiển lộ y báo và chánh báo trang nghiêm của chư Phật an trụ.

c/- Mục Đích: đức Phật muốn cho chúng sanh tôn kính Pháp Bảo bằng tâm và bằng mắt nhìn thấy chỗ tri kiến của Phật đã chứng ngộ để xây dựng đức tin kiên cố nên mới phóng hào quang chiếu soi. Nhờ sự tôn kính Pháp Bảo, chúng sanh mới có đức tin và nhờ có đức tin mới quyết chí hành trì. Cũng nhờ hành trì tinh

tấn trong đức tin kiến cổ, chúng sanh mới được chứng ngộ và mới được thành Phật.

d/- Đã vậy, trong hội Linh Thửu này, năm ngàn người vẫn bị thối tâm vì thiếu đức tin. Đức Phật cho họ kém phước và có bệnh Tăng Thượng Mạn.

2.- PHẨM PHƯƠNG TIỆN:

Sau khi phóng hào quang chiếu soi bằng Thiền Tam Muội gọi là ""Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội"" để thể hiện Diệu Pháp là ngôn ngữ, đức Phật nhận thấy:

a/- Trình độ của chúng sanh có cao thấp, có lợi độn, có giác mê v.v... không giống nhau, cho nên họ không thấu triệt được đạo tịch diệt là ngôn ngữ, chẳng chứng đắc được thể Tánh Chân Thật Vô Niệm (không niệm tưởng). Lý do đó, đức Phật mới phương tiện tỏ bày Diệu Pháp bằng ngôn ngữ, bằng sự khen ngợi, bằng lối kích động dụ dỗ, bằng những cách thí dụ để mở lối Tri Kiến. Đây đều là những cách phương tiện và những phương tiện này không phải Diệu Pháp và cũng không phải tri kiến của Phật.

b/- Căn bản của Phật Pháp thì chỉ có Phật Thừa. Nhưng theo cách phương tiện, đức Phật nói có nhiều Thừa, như nói năm Thừa và ba Thừa nhằm mục đích để thích ứng với trình độ của chúng sanh.

c/- Đức Phật ra đời có bốn mục đích:

- 1)- Mở bày tri kiến của Phật.
- 2)- Chỉ bày tri kiến của Phật.
- 3)- Tỏ ngộ tri kiến của Phật.
- 4)- Chứng nhập tri kiến của Phật.

Tri kiến của Phật là Phật Thừa. Đó là một đại sự nhân duyên nên đức Phật mới thị hiện trên đời. Đức Phật thị hiện trên đời không ngoài mục đích khai thị cho chúng sanh ngộ nhập được tri kiến của Phật.

d/- Theo Kinh Pháp Hoa, phương pháp hành trì để được ngộ nhập Tri Kiến của Phật phải hội đủ những điều kiện sau đây:

1)- Chúng sanh nhờ nghe pháp (đọc tụng cũng là hình thức nghe pháp) nên có được Tín Giải, gọi là Mở Bày Tri Kiến Của Phật (Khai Phật Tri Kiến).

2)- Nhờ tín giải, chúng sanh mới khởi tâm phát nguyện Thọ Trì (chúng sanh y theo chánh pháp để thật hành), gọi là Chỉ Bày Tri Kiến Của Phật (Thị Phật Tri Kiến).

3)- Chúng sanh nhờ thọ trì nên được Chứng Đắc, gọi là Tỏ Ngộ Tri Kiến Của Phật (Ngộ Phật Tri Kiến).

4)- Chúng sanh nhờ chứng đắc nên được Thành Đạo, gọi là Chứng Nhập Tri Kiến Của Phật (Nhập Phật Tri Kiến).

Phật Thừa chính là tri kiến của Phật và



Phật Thừa này ngoài tất cả tri kiến đã được thiết lập. Tự Tánh của Phật Thừa thì không có hai. Tự Tánh của Phật Thừa không phải chủng tử của Phật. Chủng Tử của Phật do nhân duyên sanh khởi. Tất cả pháp trong thế gian đều do nhân duyên sanh khởi cho nên không có tự tánh. Pháp nào thì an trụ nơi pháp đó và pháp này thì không phải pháp kia. Pháp sanh thì an trụ nơi ngôi sanh để phát khởi, pháp diệt thì an trụ nơi ngôi diệt để biến hoại v.v... Nghiệp Tướng của các pháp trong thế gian là nơi để cho các pháp an trụ sanh diệt và luôn luôn an trụ như thế đó để biến hoại.

Thí dụ, bóng đèn điện màu xanh thì ánh sáng an trụ vào tướng xanh để chiếu tỏa sắc xanh, bóng đèn điện màu đỏ thì ánh sáng an trụ vào tướng đỏ để chiếu tỏa sắc đỏ v.v... Hình tướng của bóng đèn xanh đỏ là nơi để cho dòng điện an trụ chiếu tỏa màu sắc sai biệt nhau.

Muốn thông suốt nghĩa của "Nghiệp Tướng thế gian thường an trụ" như thế nào, người tu tập phải chứng ngộ được tự tánh của chúng. Chứng ngộ khác hơn giác ngộ. Giác ngộ chỉ hiểu biết chính xác sự việc bằng sự quan sát, còn chứng ngộ là thể nhập và sống trọn vẹn trong sự việc đó một cách tinh tường. Cho nên Kinh Pháp Hoa nói: "Ngộ Phật tri kiến và nhập Phật tri kiến." Ngộ Phật tri kiến nghĩa là giác ngộ tri kiến của Phật và Nhập Phật tri kiến nghĩa là chứng nhập tri kiến của Phật. Từ đó cho thấy Giác Ngộ không phải là Chứng Ngộ.

3.- PHẨM THÍ DỤ:

Trong phẩm Phương Tiện, Phật tỏ bày thẳng mục đích của đức Thế Tôn ra đời là "Khai, thị, ngộ, nhập Phật Tri Kiến" và lúc đó chỉ có ngài Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ thượng thủ trong chúng hội Thịnh Văn sau khi nghe pháp chân thừa liền tỏ ngộ trước nhất. Nói phẩm Thí Dụ, đức Phật rất hoan hỷ ngài Xá Lợi Phất đã lãnh hội được yếu chỉ của Thế Tôn liền thọ ký cho ngài sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang và sẽ làm giáo chủ ở cõi nước tên là Ly Cầu rộng độ vô lượng chúng sanh.

Đại chúng sau khi thấy đức Phật thọ ký ngài Xá Lợi Phất sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang và sẽ làm giáo chủ ở cõi nước gọi là Ly Cầu nên rất vui mừng cho rằng, hàng Thịnh Văn và Duyên Giác của mình cũng sẽ được đức Phật thọ ký như ngài Xá Lợi Phất. Đại chúng đặt hết niềm tin vào Diệu Pháp của Phật Tri Kiến, Để dứt hẳn lòng nghi, đại chúng lại thỉnh cầu đức Phật nói rõ hơn về vấn đề:

"Đức Phật trước kia tại sao khai mở Quyền Thừa, nhưng hôm nay lại phủ nhận Quyền



Thừa và chỉ đề cao Phật Thừa?"

a/- Đức Phật đem câu chuyện Trưởng Giả cứu đám con trong nhà lửa để giải đáp sự nghi vấn của đại chúng. Ông Trưởng Giả chỉ có mục đích duy nhất làm thế nào cứu đám con đang ham chơi trong nhà lửa. Lúc đầu ông Trưởng Giả dùng quyền biến dùng ba thứ xe để dụ các con chạy ra, nhưng về sau khi các con đã ra khỏi nhà lửa, ông Trưởng Giả chỉ cho các con mỗi đứa một thứ xe duy nhất đầy đủ vật báu trang nghiêm.

b/- Để hợp pháp, ông Trưởng Giả chính là dụ cho đức Phật và đám con là chỉ cho tất cả chúng sanh. Nhà lửa là chỉ cho ba cõi sinh tử. Đám con ham chơi trong nhà lửa là chỉ cho tất cả chúng sanh đắm mê ngũ dục trong ba cõi sinh tử. Mục đích của ông Trưởng Giả là làm thế nào cứu đám con ra khỏi nhà lửa cũng như mục đích của đức Phật ra đời là làm thế nào cứu chúng sanh thoát khỏi nhà sinh tử. Đầu tiên ông Trưởng Giả quyền biến dùng ba thứ xe (xe dê, xe nai, xe bò) để dụ các con cũng như đức Phật phương tiện mở bày ba Thừa (Tiểu Thừa, Trung Thừa và Đại Thừa) để dẫn dắt chúng sanh. Khi các con ra khỏi nhà lửa, ông Trưởng Giả chỉ cho mỗi đứa một thứ xe duy nhất đầy đủ vật báu trang nghiêm cũng như khi chúng sanh ra khỏi nhà sinh tử, đức Phật chỉ cho mỗi chúng sanh một thứ thừa duy nhất là Phật Thừa quý báu.

c/- Đức Phật mặc dù thiết lập ba Thừa là phương tiện để độ chúng sanh nhiều căn cơ khác nhau, nhưng kỳ thật chỉ trình bày duy nhất có một Thừa mà thôi chính là Phật Thừa và tìm mọi cách dẫn dụ chúng sanh từ ba Thừa đi lẫn vào Phật Thừa tối thượng. Như Kinh nói: "Chư Phật dùng sức phương tiện nơi Phật Thừa, phân biệt nói thành ba."

(còn tiếp)

CỦ ĐI MỚI LẠI XOAY VÀN

*Thu đi đông đến cứ xoay lần,
Suy nghĩ làm chi khổ cái thân,
Xuân đến đào hồng cười trong gió,
Hạ về lựu đỏ trở ngoài sân.*

*Thu sang cúc tía nhìn lơ lảo,
Đông đến mai vàng đứng phân vân.
Thuật lại "Bích Câu Kỳ Ngộ" ý, (*)
Kính mong thức giả hiểu ý, vân.*

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Trọng đông Đinh Dậu, Jan, 10, 2018

Ghi chú (*): Dựa theo ý hai câu thơ ở trong tác phẩm "Bích Câu Kỳ Ngộ" là :

*"Đưa chen Thu cúc, Xuân đào,
Lựu phun lửa hạ, Mai chào gió đông."*



THIỆN PHÂN TÍCH ĐỂ TRỪ SÂN HẬN

(Giải Nhập Bồ tát hạnh của Shantideva)

NI SƯ THÍCH NỮ TRÍ HẢI

I. TAI HẠI CỦA GIẬN DỮ

1. Mất công đức: với người dưới, dù gia ân cho họ rất nhiều mà nổi sân với họ, họ cũng sẽ quên ơn, chỉ nhớ oán; với người ngang hàng, mất tình bạn; với người trên, mất sự che chở, mất việc. Xúc phạm bồ tát thì lại còn bị đọa, nhưng vì không biết ai là bồ tát nên tốt nhất đừng nổi sân với bất cứ ai.

2. Mất ăn, mất ngủ, xấu xí, hỏng việc.

3. Cô độc, không ai muốn gần.

II. PHƯƠNG PHÁP TU NHẪN

Có ba thứ nhẫn là chịu đựng sự khắc nghiệt của thời tiết, ruồi nhặng (nhẫn loài vô tình, Hán ngữ gọi là kham thọ khổ nhẫn, thực hành nhẫn này bằng sự chịu đựng, và thành tựu nhờ thói quen. Thứ hai là chịu đựng những sự oán ghét tác hại của người khác (nại oán hại nhẫn), không tìm cách trả đũa, thực hành nhẫn này nhờ giới và chính niệm; thành tựu nhờ chứng định Diệt thọ tướng. Thứ ba và cao nhất là không còn thấy có người hại và kẻ bị hại (vô sanh nhẫn), thực hành nhẫn này nhờ quán các pháp là không, và nhẫn này thành tựu nhờ chứng tuệ giác Bát nhã.

Muốn thực hành và thành tựu ba loại nhẫn ấy có các cách như sau:

1. Lúc bình thường, đề phòng nổi sân bằng cách thường xuyên chiêm nghiệm tai hại của giận dữ như trên.

2. Lúc trái ý, nên suy nghĩ hoặc có thể thay đổi thì cố gắng thay đổi, hoặc không cách nào thay đổi thì nổi sân cũng vô ích:

Tại sao phải tự hành tự phạt

Với việc còn biện pháp cứu nguy.

Nếu không còn có cách chi

Thì đau khổ liệu ích gì cho ai?

(Nhập Bồ tát hạnh, đoạn 10)

Đối với thiện tai do nghiệp chung và nhân họa do nghiệp chung (như gặp vua ác) và riêng (như bị tù tội), nên nhẫn để khỏi chuốc thêm đau khổ:

Những nỗi khổ trôi giạt đánh đập

Thời tiết hay bệnh tật gây nên,

Đừng nên vì chúng ta phiền

Chỉ càng thêm khổ cho mình ta thôi.

(đoạn 16)

3. Nghĩ đến sự khổ luyện của kẻ tu khổ hạnh và kẻ chơi thể thao

Kẻ ngoại giáo theo đường khổ hạnh

Chuốc vào thân những cảnh đớn đau

Nay ta muốn đắc đạo mau

Sao không can đảm chịu bao oan tình?

(đoạn 13)

4. Khi bị mất lợi hoặc bị bôi bác Nếu vì mất lợi lộc, nên quán vô thường:

Nếu kẻ khác làm người mất lợi

Hãy nhớ như mây nổi, chiêm bao;

Chết không mang được gì theo

Ngoài ra ác nghiệp vẫn đeo bên mình.

(đoạn 55)

Dù kẻ có rất nhiều tài sản

Hưởng thú vui, sống trọn tuổi trời

Nhưng khi chết vẫn đơn côi

Khác nào bị cướp, nước trôi, cháy nhà.

(đoạn 59)

Khi bị bôi bác, nên quán danh là hư huyền, không thực chất, không ích gì cho sự sống bình an khỏe mạnh, cũng không làm ta hết bệnh:

Sự vinh quang cùng lời ca tụng,

Không khiến cho kẻ nhận bình an

Không đem trường thọ kiên khang,

Không làm hết bệnh đa mang chút nào.

(đoạn 90)

Nếu rõ biết thế nào thật lợi

Thì những lời khen ngợi ích chi?

Còn như muốn đồ sấu bị,

Chỉ cần uống rượu trau tria đồ buồn.

(đoạn 91)

Đem hết tài sản tính mạng để đổi lấy cái hư danh một thời (như để được cái danh anh hùng liệt sĩ) là việc làm ngu ngốc:

Nếu vì muốn được nổi danh,

Mà tài sản, tính mạng mình mất luôn,

Thì khi chết được tiếng thơm,

Còn ai ở đấy mà buồn với vui?

(đoạn 92)

5. Khi hành thiện bị ngăn cản cũng không nên nổi giận vì điều thiện tốt nhất là kham nhẫn:

Nếu người bảo kẻ thù tác hại

Trở ngại bao công đức của người.

Hạnh tu nhẫn nhục cao vời,

Sao không nhân đây tu ngay một lần?

(đoạn 102)

6. Khi thấy chùa tượng bị phá, hãy nghĩ Tam bảo không bao giờ bị tổn hại:

Nếu nổi sân vì người phá tháp

Phá hại chùa, tượng, pháp cao siêu,

Thật là vô lý xiết bao,

Vì chư thiện thế tử hào chẳng suy.

(đoạn 64)

Hoặc khi cha mẹ thầy bạn bị hại, nên quán do duyên đời trước:

*Với ai làm hại bạn, thầy
Thân bằng quyến thuộc ta hay bậc hiền,
Hãy xem tất cả do duyên,
Chẳng nên sân hận chuốc thêm đau lòng.*
(đoạn 65)

Hoặc nên quán như huyền để dứt oán hận:
*Việc gì cũng bởi duyên sinh
Hiểu ra lẽ ấy không nên oán hờn.
Những gì sinh diệt hợp tan,
Chỉ như huyền hóa, bóng vang thôi mà.*
(đoạn 27-31)

7. Khi bản thân bị bức hại, nên quán nhân quả:

*Có lẽ xưa ta từng tác hại,
Nên ngày nay đáng phải tổn thương.
Tư duy như vậy nguồn cơn,
Không còn sân hận đau buồn làm chi.*
(đoạn 42)

Hoặc thấy sân hận chỉ do chấp thân này là của tôi:

*Từ hai phía có đau này,
Bên kia là gậy, bên này là thân.
Kẻ mang gậy, người mang thân,
Vậy ta nên phải giận sân kẻ nào?*
(đoạn 44)

Nên quán vô ngã (chỉ có danh sắc, không có cái tôi) hoặc quán cả hai bên đều có lỗi:

*Kẻ do ngu si mà tác hại
Người do ngu chấp ngã nổi lên,
Đều do oan nghiệt gây nên...
Khi đã thấy biết vậy rồi,
Hãy nên nỗ lực tiến tu hạnh lành,
Đãi nhau bằng tấm chân tình,
Từ tâm giải thoát, chớ hành khổ nhau.*
(đoạn 67-70)

8. Thấy những điểm tốt trong nghịch cảnh: Nhờ khổ mà ta phát huy nhiều điều tốt như bắt đầu chán sinh tử, muốn giải thoát, biết ăn năn tội ác, giảm bớt kiêu căng, ham làm điều thiện v.v...

*Nhờ đau khổ, hết kiêu căng,
Chán xa sinh tử, xót thương hữu tình.
Ăn năn tội ác vui lành,
Đây bao thiện đức do từng khổ đau.*
(đoạn 21)

Nghĩ đến lợi ích của nhẫn nhục và tai hại của tham sân:

*Nếu hiện tại ta không chịu được
Những khổ đau nhỏ nhặt hàng ngày
Sao không sợ thói sân si,
Cái nhân địa ngục A tì gớm ghê?
Vì tham dục chẳng chán chê
Mà ta luống chịu trăm bề khổ đau,
Nhưng chưa được lợi ích nào,
Cho bản thân hoặc cho bao nhiêu người
Cái khổ này thực không đáng kể
Nhưng viên thành lợi ích vô biên,
Là trừ khổ hại chúng sinh,
Vậy khi nhẫn chịu còn nên vui mừng.*
(đoạn 73-75)

9. Quán tâm Đại bi khi nghĩ kẻ hại mình sẽ



gặp quả xấu. Nghĩ rằng họ cũng chỉ do vô minh sai sử, họ không biết họ đang làm gì. Dù ta có trả đũa, tội họ vẫn còn nguyên.

*Công phu nhẫn nhục giúp ta
Khỏi sa địa ngục, phần ta đã dành.
Nhưng còn kẻ xấu hại mình,
Sở phần nào sẽ để dành cho y?*
(đoạn 50)

10. Nghĩ chính kẻ thù giúp ta tiêu nghiệp tăng phước.

*Kẻ hung ác vì hại ta
Mà sa địa ngục chịu bao khổ nản,
Còn ta nhờ nhẫn không sân,
Tiêu trừ ác nghiệp, phước tăng vô vàn.
Rốt cuộc ta mới là người hại,
Kẻ ác nhân có lợi cho ta...*
(đoạn 47-48)

Tu nhẫn cần một đối tượng gây hấn, cũng như bồ thí cần có người xin hay nhận:

*Không bị hại, nhẫn nào sinh khởi?
Nhẫn kẻ thù, công đức phát sinh
Vậy thù địch chính ân nhân,
Cho ta tu phước, đâu ngăn ngại gì?*
(đoạn 104)

Ta không thể cho kẻ gây hấn là kẻ thù gây trở ngại cho mình nếu ta thực sự muốn tu:

*Khi cho mà gặp kẻ xin,
Thì sao gọi đây chướng duyên cho mình?
Cũng vô lý như bảo rằng
Giới sư trở ngại cho mình xuất gia.*

Hạnh bồ thí dễ, vì có nhiều đối tượng để ta gia ân bố thí. Ngược lại hiếm khi gặp kẻ gây hấn để tu nhẫn.

*Thế gian đầy đầy người xin,
Cho ta bồ thí, gieo nhân tốt lành,
Nhưng thù nghịch lại hiếm khan,
Ta không sinh sự, ai màng hại ta?*
(đoạn 106)

Bởi vậy, nếu thỉnh thoảng gặp kẻ khó chịu thì hãy nên mừng như bắt được của báu vì nhờ đấy mà ta có dịp để tu hạnh nhẫn nhục.

*Thù nghịch cũng như là báu vật
Ta chẳng tìm mà được đến tay,
Giúp ta giác ngộ là đây,
Hãy nên yêu mến kẻ hay hại mình.*
(đoạn 107)

Chẳng những kẻ thù là hiếm có mà ta còn nhờ họ để giác ngộ thành Phật, nên càng cảm ơn họ:

*Muốn tu nhân nhục viên thành
Kẻ thù hợp tác với mình mới xong,
Vây bao phước đức thành công,
Hãy nên phụng hiến kẻ từng hại ta.*

(đoạn 108)

Đừng nghĩ rằng kẻ thù chỉ muốn hại mình chứ đâu có muốn giúp mình thành Phật, thì tại sao phải cảm ơn họ? Vì thật ra, nếu một người hại ta với ý định muốn cho ta nên người thì đâu còn gọi là làm hại, cũng như y sĩ mổ xẻ vết thương cho ta, tuy làm ta đau đớn ta vẫn không thể giận họ (mà còn phải trả tiền và cảm ơn). Sự chịu đựng đau đớn của ta khi ấy cũng không thể gọi là nhân nhục.

*Hại kèm thiện ý cứu người
Thì như y sĩ, đâu thời nhân kham?*

(đoạn 110)

Bởi vậy, chỉ có kẻ sân si thực sự mới giúp ta tu nhân:

*Nhờ một kẻ sân si tốt độ,
Nhân nhục thành kiên cố nơi ta.
Kẻ thù, nhân tốt cho ta,
Nên cung dưỡng họ như là pháp thân.*

(đoạn 111)

11. Nhẫn là làm đúng lời Phật dạy: Cuối cùng, tu nhân là theo đúng lời Phật, đi đường Phật đã đi. Như trong kinh Ví dụ cái cửa (Trung bộ I) Phật dạy nếu ai cắt xẻ thân vị tỷ kheo thành từng mảnh cũng không nên oán hận, oán hận thì không còn là đệ tử Phật. Quả thế, dù không ai cửa xẻ thì cái cửa V thường (già bệnh chết) cũng đang cửa xẻ thân thể chúng ta lần hồi cho đến chết, đã có thân thì phải vậy, trách ai?

Phật dạy chúng sinh là một thửa ruộng màu mỡ để gieo trồng phước đức, không khác gì Phật, Bồ tát. Tu bổ thí nhân nhục đều cần có chúng sinh làm đối tượng.

*Đức Mẫu Ni có dạy rằng
Chúng sinh với Phật cũng ngang phước điền
Muôn thành lục độ vô biên
Hãy gieo giống phước lên trên ruộng này.*

(đoạn 112)

Phật dạy cho ta giáo lý và chỉ con đường tu tập, còn chúng sinh là môi trường thực hành, nên cả hai - Phật và chúng sinh - đều quan trọng ngang nhau trong việc giúp ta giải thoát giác ngộ. Nếu bảo rằng tôi chỉ tôn trọng Phật, không trọng chúng sinh, thì lời nói ấy không phù hợp với lời Phật dạy.

*Kể bao đối tượng ta nương
Để tu chúng đạo, chúng sinh Phật đồng.
Chỉ tôn Phật, chúng sinh không
Là lời chẳng có ở trong kinh nào.*

(đoạn 115)

Và lại, Phật thành Phật cũng nhờ chúng sinh, nên trong sự thành đạo của Phật, có công của chúng sinh trong đó. Vì vậy ta nên cúng dường chúng sinh như cúng dường Phật.

*Nhờ chúng sinh Phật thành chính đạo,
Nên hữu tình có tạo phần công.
Vì hai đức ấy tương đương,
Cho nên thực đáng cúng dường chúng sinh.*

(đoạn 118)

Thương giúp chúng sinh chính là báo đáp ơn Phật, vì Phật là đấng ban vui cứu khổ tất cả hữu tình.

*Phật từng xả thân vào hỏa ngục,
Cứu chúng sinh lần lóc tam đồ.
Nhớ ơn đức Phật sâu xa,
Con nguyện tu hạnh lợi tha báo đền.*

(đoạn 119)

Dù ai sân si tác hại mình, ta vẫn nên kính trọng Phật tính trong họ như Phật đã từng làm.

*Phật với tâm đại bi vô ngại,
Trong hữu tình thấy tánh Như Lai,
Sao không kính trọng tánh này,
Ở trong tất cả muôn loài chúng sinh?*

(đoạn 126-7)

III. KẾT LUẬN: LỢI ÍCH CỦA NHÂN NHỤC

Nhân nhục đem lại nhiều lợi ích ngược lại với những tai hại của giận dữ. Ngược với tâm sân là tâm từ. Nếu sân si làm ta mất ăn mất ngủ, nhan sắc xấu xí, bạn bè lánh xa, thì ngược lại, người có tâm từ lúc nào cũng vui vẻ, được nhiều lợi dưỡng danh dự, chúng sinh ưa gần, nhan sắc đẹp đẽ, sống lâu, ít bệnh, chết được sinh cõi lành:

*Kết quả làm hữu tình vui sướng
Là đời này được hưởng vinh quang,
Đời sau thoát khỏi khổ nàn,
Hãy luôn ghi nhớ lời vàng chớ quên.
Trong vòng sinh tử liên miên,
Sống lâu vô bệnh, dung nhan tuyệt trần.
Tiếng thơm nhờ đức vô sân,
Và bao hạnh phúc sánh bằng Luân vương*

(đoạn 133-4)

Kẻ hung ác dù có bôi bác đánh đập hay giết hại ta cũng không thể ném ta vào địa ngục; nhưng tâm sân hận có thể trong chớp mắt đưa ta thẳng xuống địa ngục:

*Hãy làm cho chúng sinh hoan hỉ
Như bề tôi phụng thị ác vương
Ta không dọa bởi vua sân,
Mà sa địa ngục bởi sân hữu tình.*

(đoạn 130)

Dù có thương mến ta, bạo chúa cũng không thể đem Niết bàn, hạnh phúc tối thượng mà biểu cho ta được. Nhưng nếu tu hạnh nhu hòa nhân nhục, cứu giúp hữu tình, thì cuối cùng ta sẽ đạt được quả vui Niết bàn.

*Và dù bạo chúa hân hoan,
Cũng không thể biểu Niết bàn cho ta-
Quả do đức tính nhân hòa,
Ban vui cứu khổ mọi nhà chúng sinh.*

(đoạn 132)

Tóm lại, nhẫn điều khó nhẫn chính là tự thắng mình. Và tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất. Kẻ thù tệ nhất là sân si; kẻ thù ngoài không cần diệt cũng tự chết, nhưng nếu không tu nhân thì sân càng ngày càng phát triển đưa đến đọa lạc.

(trích Đường Về của Ni sư Thích Nữ Trí Hải)

ĐƯỜNG MÂY

Cuộc Tình nào

Giữa ngàn phương ảo hoá
Vi diệu lời bình yên
Mây trắng về muôn ngả
Thấp sáng trời Hoa Nghiêm.

Bước đi

Nguyên sơ hồn sỏi đá
Nghe trời đất thanh bình
Đường chìm về muôn ngả
Hướng mặt trời tâm linh.

Quán trọ

Nghe đời trôi lữ thứ
Cuộc truy tìm nguyên sơ
Ngàn năm bên tượng đá
Ngàn năm bỏ đợi chờ.

Liêu xiêu bóng

Ngược xuôi đời giả tạm
Thanh sắc lửa chiêm bao
Đường xưa, mây trắng nổi
Chiều xưa, cảnh hoa lao.

Bóng chiều xa

Dặm đời chân đá sỏi
Gót sạm vết đường qua
Mắt trông theo bước mới
Sâu rặng bóng chiều xa.

Khán tiếng đời

Như ta đi bao cuộc
Sờn vai áo luân trầm
Dấu qua bao gầy guộc
Khán tiếng đời trăm năm.

Nắng tha phương

Như ta đi bao thuở
Qua điểm cỏ cầu sương
Mây trời mây vụn vỡ
Đời đọng nắng tha phương.

Dâu bể

Trải bao mưa nguồn chớp bể
Người về mấy nẻo phong vân
Lời cũ nghiêng chiều diêm lệ
Đá còn tạc dấu trầm luân.

Nhắm thời gian

Nắng xuống sân vườn hiu hắt
Mây nghiêng thêm cũ hoa vàng
Mây đi, bóng còn ở lại
Cho đời tính nhắm thời gian.

Đỉnh sâu

Giữa đời muôn trùng bận rộn
Miên man nhịp sóng lao xao
Từ thuở ngược xuôi bể bộn
Đỉnh sâu, cát bụi chiêm bao.

Gối đầu

Hạnh phúc, trăm năm chợt thoáng
Tình đời, trăm năm chưa khuây
Mắt xanh loạn màu dâu bể
Gối đầu lên cuộc tình say.

Rong rêu

Kết tòa xanh vực núi
Ngàn năm cánh hạc bay
Đỉnh cô phong không tuổi
Hóa thân Phật từ đây.

Thanh âm

Mười cõi mây tụ lại
Dịu vợi trời quang âm
Diệu tâm từ địa đại
Nghe mười phương thậm thâm.

Từng sát na

Từ hắng sa pháp giới
Chở vô lượng hào quang
Vô lượng thời gian tới
Từng sát na Niết Bàn.

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Nơi nào cõi Tịnh?

MẶC KHÔNG TỬ



*"Ta hỏi kiến nơi nào cõi Tịnh
Ngoài hư không có dấu chim bay
Từ tiếng gọi màu đen đất khổ
Thấp tâm tư thay ánh mặt trời." (Tuệ Sỹ)*

Hành nhân hỏi vu vơ, hỏi để mà hỏi, vì hơn ai hết Người hiểu rõ Bồ-tát hạnh khởi đi từ thực tại khổ đau của con người, của cõi đời này. Cách Người dùng chữ cũng đã gián tiếp trả lời, "ta hỏi kiến nơi nào cõi Tịnh". Bỗng dưng tôi muốn bật cười, cười cho những hành nhân hui hắt trên con đường Bồ-tát đạo, cười cho chính mình, không biết từ lúc nào tâm tư đã hướng đến lộ trình vô cùng tận ấy. Ừ thì chờ chú kiến kia đi cho hết biên tế vũ trụ rồi về kể lại vậy. Có gần Người ta mới càng thấy thú vị ở cái 'ngặng' trong câu thơ trên, "ngặng" trong ngôn từ, "ngặng" trong đối tượng để hỏi, "ngặng" như chính đời sống của Người.

"Ngoài hư không có dấu chim bay"

Người đã trả lời rồi đấy! Tìm cõi Tịnh kia cũng như tìm những dấu chim bay ngoài hư không. Nói có thì trật, mà nói không thì cũng sai. Hư không, chim bay, dấu vết là những cụm từ mà con người ta có thể hình dung bằng



tưởng tri, nhưng ghép chúng lại với nhau để chỉ về một nơi chốn cụ thể thì cũng như tìm lông rùa, sừng thỏ vậy. Hai câu thơ trên minh thị cho sự hạn chế của các phạm trù đối đãi: có-không, được-mất, hỏi-đáp, v.v... mà ở đó triết học, thi ca ra đời. Như thế, thế giới của thi ca tư tưởng là thế giới của sự đùa chơi với huyền tượng, chiêm bao; thế giới của những thao thức, trần trờ rất người. Ở đó, đôi khi câu hỏi chính là câu trả lời, và câu trả lời lại chính là vấn đề được đặt ra.

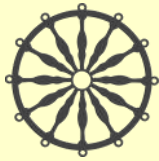
Người đùa vui với những ai đang phát Bồ-đề nguyện, tu Bồ-tát hạnh xiú thôi, chứ Người đã dạy bằng chính đời sống của một hành nhân ngoài 70 tuổi vẫn miệt mài thấp sáng ngọn đèn Tuệ. Lời dạy ấy được cô đọng ở hai câu kết:

*"Từ tiếng gọi màu đen đất khổ
Thấp tâm tư thay ánh mặt trời."*

Rõ ràng, từ bóng đêm của vô minh, từ tiếng kêu la đau thương của chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ sanh tử, mà một hành giả đang lần theo ánh sáng Tuệ giác để tự cứu mình đã phát bi nguyện "thấp tâm tư thay ánh mặt trời". Hành giả đã không còn chỉ nghĩ cho sự an lạc, yên ổn của tự thân, cũng không còn than van hay oán trách cõi đời này. Từ tâm tư bi lụy, yếu hèn, mặc cảm tự ti, như gã cùng tử trong kinh Pháp Hoa không tin mình có khả năng kế thừa gia sản của cha, hành giả đã lấy bi tâm 'rộng độ tất cả chúng sanh là cúng dường chư Phật' để soi sáng cho mình và người.

Con đường Bồ-tát, như thế, không còn dài xa với những ai đang mang tâm tư ấy, mà có dài xa thì có nghĩa lý gì đâu với những bậc Đại Bồ-tát vì lợi lạc của chư thiên và loài người mà xuất hiện ở cõi đời này. Phải thế không?

P/S: Vài dòng tản mạn nhân MKT nhận được bài thơ Người viết cho chiều nay, dành tặng những ai đã, đang và sắp bước đi trên con đường ấy.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bốn phần của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tụ tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tấc đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gởi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA



ÁNH TRẮNG VỚI Ý NGHĨA CHÂN LÝ TRONG ĐÊM THÀNH ĐẠO

Thích Tâm Tôn



Cùng với thời gian vô cùng tận, không gian vô biên tế, cái đẹp cũng tồn tại với một ý nghĩa rất bao la mà con người khó có thể khám phá cho thật tường tận bằng tri thức của mình. Cuộc đời đức Phật là cả một lịch sử hùng tráng hướng đến tìm kiếm cái đẹp và xây dựng lý tưởng cái đẹp trong cuộc đời. Giáo lý được Ngài thiết lập là một hệ thống mỹ học thể nghiệm nội tại, có ý nghĩa vô cùng phong phú đối với đời sống nhân sinh. Cái sinh động trong hệ tư tưởng của Ngài là ở chỗ, từ những gì đạt được chính mình, bằng mọi phương tiện Ngài hướng đến khai triển cho tất cả cùng được thể nhập. Đó là ý nghĩa kỳ diệu của ngón tay chỉ về cái đẹp - vàng trắng. Vàng trắng ấy chính là biểu tượng hàm chứa cái chân lý toàn vẹn ý nghĩa sống không chỉ cho phạm trù nhân sinh mà còn có ý nghĩa cho khắp tất cả vạn hữu trong vũ trụ này. Vì vậy, ý nghĩa hiện sinh của ánh trắng về chân lý trong đêm thành đạo của ẩn sĩ Siddhattha Gotama không chỉ có ý nghĩa biểu trưng ý thức về cái đẹp, mà còn hướng đến xây dựng hoàn mãn cái đẹp đối với hoàn cảnh một nhân sinh và thiết lập biểu tượng chân lý về chánh pháp. Đó là ba ý nghĩa hàm chứa trong một sự thể "thành tựu giác ngộ" thông qua hình ảnh "vàng trắng" sẽ được khai triển nơi đây.

Ý NGHĨA VỀ Ý THỨC CÁI ĐẸP

Có một điểm đặc biệt mà truyền thống Phật giáo ghi nhận là hầu hết những sự kiện quan trọng trong cuộc đời đức Phật đều diễn ra vào những đêm trăng tròn. Ngài đản sanh vào đêm trăng tròn tháng tư, xuất gia và nhập diệt vào đêm trăng tròn tháng hai, và đặc biệt điểm

móc son sáng ngời nhất là sự kiện thành đạo vào đêm trăng tròn tháng chạp. Đây phải chăng là điểm khởi nguồn cho một hệ tư tưởng mới về ý nghĩa chân lý vừa mang giá trị thẩm mỹ, vừa mang tính giá trị giải thoát thông qua ánh trắng mà ẩn sĩ Siddhattha muốn thiết lập.

Xét về khía cạnh nghệ thuật, có thể nói ánh trắng là hình ảnh toàn vẹn nhất biểu trưng cho cái đẹp lẫn ý nghĩa hiện hữu. Bao giờ trăng cũng là nguồn cảm hứng vô tận đối với tâm hồn nghệ sĩ để hướng đến sự sinh động trong thế giới nghệ thuật. Ngay cả một dũng tướng chỉ quen với chuyện đao binh như Trần Hưng Đạo mà cũng không kềm nổi cái thú trước một "bến trăng thanh" để rời cảm khái:

*"Đêm nghỉ bến trăng thanh
Bỗng hay đầy thú lạ
Thơ theo bút tuôn dòng".*

Nhưng cũng có thể nhìn nhận, chính do sự toàn bích không bị chi phối bởi những giới hạn của nó mà khiến cho cái cảm thụ chịu sự chi phối bởi những giới hạn của con người hình thành nên những "khuyết tật" trong tâm thức. Có nghĩa là, cũng ánh trắng đó nhưng khi đi vào tâm hồn có khi nó làm cho người ta cảm thấy tịch liêu hiu quạnh đến ngút ngàn, có khi lại gợi buồn khúc chiết miên man, có khi lại tạo ra cái băng khuâng cảm khái sâu xa, có khi lại là cái hồn nhiên nhàn nhã... Mà tất cả đó có thể đều là những tâm trạng cần đạt tới nơi tâm hồn nghệ sĩ thế gian. Bởi đỉnh cao của nghệ thuật trần gian được người ta đánh giá như là sự lạc mất trong tiếp xúc thẩm mỹ. Và sự lạc mất này chính là tiêu chí xác định mức độ say mê hay ngay gắt trong nghệ thuật. Giai thoại thì hào Tỏ Đông Pha hiểu nhầm chữ "minh nguyệt" trong câu thơ Vương An Thạch tặng là một trong những minh chứng cho cái "khuyết tật" thẩm mỹ ấy. Đó có lẽ là do ảnh hưởng cái bệnh của hồn thi sĩ bị "nàng nguyệt" ám ảnh, mà rõ ràng ông cũng đã từng có lần nhầm trong tâm thức khi ngắm ánh trăng rằm trên sông Xích Bích: "vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương" - với trông người đẹp ngập phượng trời.

Và cũng có thể vì cái khuyết tật bởi căn bệnh say tình với "nàng nguyệt" mà Lý Bạch đã nhào xuống sông để rồi phải ôm trăng mà chết, không kịp nhìn nhận sự lạc lăm.

Có lẽ cũng vì lý do đó mà đức Phật có vẻ

như phản đối tính cách hấp dẫn của mọi hình thái nghệ thuật. Theo Ngài, nghệ thuật có ảnh hưởng gây cảm xúc và đưa cảm xúc đi xa, gợi lên một cảm ứng hoà điệu, làm cho tâm trí khó hướng nội. Nó có khuynh hướng khơi dậy các mối dục vọng đam mê phần khích, trong khi quan điểm của Ngài là cần làm lắng dịu dục vọng. vì thế mà trong Giới học căn bản, đức Phật có dạy rằng: "Bất ca vũ, xướng, kỹ; bất vãng quan, thính"-không được ca, múa, hát, đàn; và cũng không được đi xem, nghe. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy đức Phật không phủ nhận một cách tuyệt đối tính chất nghệ thuật có chiều hướng tích cực như trong kinh Trường Bộ. Sau khi nghe một khúc nhạc do nhạc thần Càn Thát Bà tên Ngũ Kế biểu diễn, Ngài khen ngợi chàng nhạc sĩ ấy về sự hoà điệu giữa giọng ca và âm ba trình tấu qua dây đàn bằng gỗ vàng Beluva với bài hát xiển dương chánh pháp.

Điều đó có thể ví von rằng, bầu không khí luôn cần cho sự sống của con người, nhưng mỗi người có một hơi thở khác nhau tùy theo thể trạng và tâm trạng mỗi người. Cũng vậy, cái đẹp của ánh trăng nói riêng và cái đẹp trong nghệ thuật nói chung luôn là một phần tất yếu của cuộc sống. Song nó ảnh hưởng đến đời sống như thế nào đều là do thái độ và cách cảm thụ ở mỗi người. Cũng ánh trăng đó nhưng nó sáng sủa hay tịch liêu, lạc lõng hay nồng nàn, buồn hay vui, động hay tĩnh...đều tùy thuộc tâm trạng của mỗi người. Nhưng dầu sao cũng đồng tình với quan điểm của Platon-một triết gia Hy Lạp cổ đại: "cái đẹp là hào quang của chân và thiện". Đó chính là cái đẹp về phong thái nghệ thuật giải thoát ở thiền sư. Tức thiền sư bao giờ nhìn về, tâm cũng thoát khỏi sự say mê để thể nhập vào nguyên lý tịch tịnh sáng soi nội tại mà Phật giáo gọi là chơn tâm. Cái chơn tâm ấy chính là điểm mà Nguyên Du hướng đến và được thi vị hoá qua ánh trăng:

*"Đạt chân tâm kính quang như nguyệt
Xử sĩ môn tiền thanh giả sơn".*

*-Tâm người lặng sáng tỏ như trăng
Trước nhà ẩn sĩ non xanh biếc.*

Đó chính là phong thái ngẫm trăng của người nghệ sĩ Phật giáo. Trước sự huyền ảo của trăng, người nghệ sĩ Phật giáo ngẫm trăng không phải để đưa hồn mình vào sự mê mẩn của những thứ sắc màu hấp dẫn mê mẩn, mà là liên tưởng đến cái bình diện của ý thức để nhận thấy những cái hảo huyền hư ảo, để tìm về với cái chân thật của thế giới tự tại ung dung giải thoát:

*"A ha trăng nát nửa vầng
Trải vàng áo rồng bên đường người đi
Bụi mờ che khuất tà huy
Phất phơ ảnh mộng bước về ngã không"*
(Hồ Ngạn Ngữ)

Khi thoát khỏi tầng độ cảm xúc thì rõ ràng không còn đòi hỏi phải có một đối tượng về một cái đẹp mới cảm thụ được, mà có thể



tất cả lúc này đều trở nên đẹp và đẹp tuyệt vời. Lúc này, chỉ có sự thể nhập hoà điệu trong các pháp để hoá thân vào cái vô cùng tận của thế giới nhiệm mầu đầy ý nghĩa theo cái nhìn của Phật giáo:

*"Trong khoảnh khắc- tìm thấy cái vĩnh hằng,
Thấy thế giới bao la- trong từng hạt cát,
Trong lòng bàn tay- thấy cái vô cùng tận,
Và thấy cả bầu trời- trong một đoá hoa."*
(W. Bleik)

Ý NGHĨA XÂY DỰNG HOÀN MẪN CÁI ĐẸP

Trong cuộc hành trình đi tìm cái đẹp, nếu người nghệ sĩ nhân gian đi theo tiếng gọi xa xăm nào đó đồng cảm với những huyết mạch thốn thức nơi tâm hồn, thì người nghệ sĩ Phật giáo lại hướng về cái thực tại nơi chính nó. Nguyên lý đích thực của thực tại này khởi nguồn từ một nhân cách mang tính hoàn thiện. Lý tưởng thẩm mỹ Phật giáo là ở chỗ "Thành tựu giác ngộ", hay nói theo châm ngôn Hy Lạp là "Hãy thành tựu thể tánh của mi". Trong tiến trình xây dựng cái lí tưởng ấy luôn có một sự thử thách lớn lao, đó là sự đối đầu đầy cam go giữa ý chí, nghị lực, tinh thần đại dũng với những vọng tình mê muội. Tất cả đó đều được minh chứng bằng quá trình chiến đấu nội tại để thành đạo của đức Phật. Minh chứng đó chúng ta cũng có thể liên tưởng thông qua sự hiện hữu của ánh trăng trong quá trình hoàn thiện giá trị thẩm mỹ trong nó. Đây là ý nghĩa của năng lực vận hành đi lên của hình ảnh ánh trăng, hay chính là năng lực hoàn thiện Thánh quả từ một chúng sanh.

Nếu mặt trời luôn y nhiên tự tại, không có một loại sinh thành nào; thì trái lại mặt trăng là một tinh tú có đầy có vơi, một tinh tú hiện hữu tuân theo định luật sinh thành chung của các pháp. Cũng như loài người, mặt trăng có một lịch sử cảm động vì sự suy giảm của nó như một tất yếu của đặc tánh luân hồi. Sự biến lặn của trăng vào bóng tối không phải là vĩnh viễn. Tự bản chất nó phục sinh nhờ năng lực vận hành của riêng nó. Đó là biểu trưng cho

năng lực giải thoát nhân sinh được phát huy trong vòng luân chuyển bằng năng lực chính mình. Sự phản hồi bất tuyệt về hình tướng nguyên thủy tròn đầy của trăng chính là biểu tượng của quá trình “Thành tựu thể tánh” một cách viên mãn. Như vậy, thì ra chính vòng tuần hoàn không dứt ấy làm cho mặt trăng trở thành tinh tú của nhịp điệu sống vô cùng sinh động. Những tuần trăng là biểu hiện cho những quá trình sống tiến triển thăng hoa của nhân sinh vũ trụ mà đức Phật chính là điển hình tuyệt đối nhất.

Ánh sáng của trăng tròn không rực rỡ chói choé bùng lên như một tia chớp, và cũng không chói lợi gay gắt như ánh sáng mặt trời giữa trưa, nhưng nó có thể soi tỏ cả càn khôn vũ trụ.

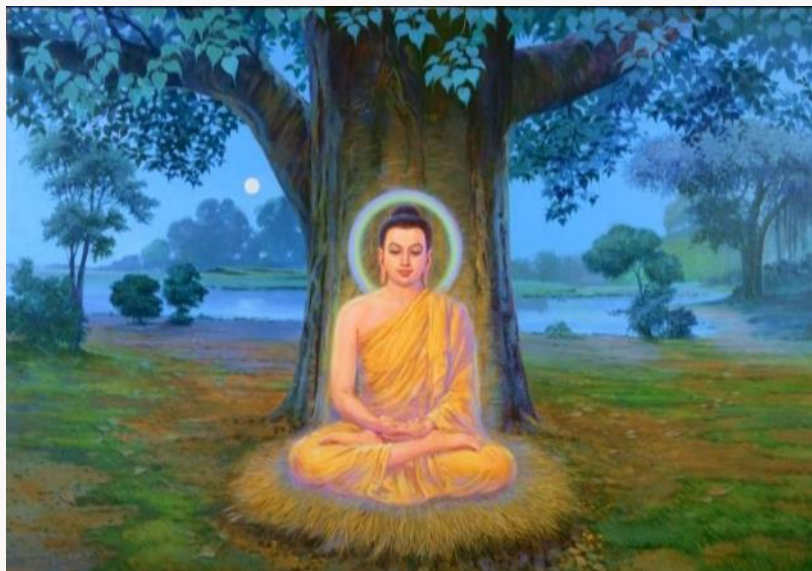
“Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chỗ thiền hà lai láng;

Liều mềm hoa tốt, ngất quần sanh tuệ nhật sâm lâm”. (Trần Nhân Tông)

Sự giác ngộ hay thành đạo của đức Phật không bộc phát một cách bất ngờ như tia chớp cắt ngang một vầng mây ám, mà là một quá trình xua tan tất cả những ngăn ngại mê mờ, để cuối cùng là sự tự soi sáng và chiếu tỏ muôn phương; và thể là màn vô minh biến mất, tựa “khi ánh sáng xuất hiện thì bóng tối tự tan dần”. Theo lời tường thuật của đức Phật trong Kinh Trung Bộ (MN-36), ta thấy rằng sự kiện giác ngộ của đức Phật kéo dài suốt ba canh. Điều này phù hợp với Ngài xác định “Giáo lí của Ngài theo tiến trình tuần tự, không có sự thể nhập đột ngột tự phát của tri kiến; ví như bờ biển không đột ngột sâu xuống mà cứ tuần tự xuôi dần”.

Như vậy, ta có thể hình dung ra sự giác ngộ của đức Phật kéo dài trong nhiều giờ khắc. Với tâm trí cực kì minh mẫn, mọi khả năng trí tuệ của Ngài được điều động và tập trung lại vào cùng một thời điểm, để rồi toả sáng như ánh trăng. Không có gì gọi là “xuất thần” trong sự giác ngộ này cả, vì đó không phải là một trạng thái ở ngoài tự thân hay mê mẩn tâm trí. Cách tìm cầu trạng thái này của đức Phật cũng không phải là sự mò mẫm mù quáng trong đêm tối. Ngài biết thật chính xác đối tượng nào cần hướng đến. Ngài nhìn thẳng vào thực trạng (Khổ đế) của cuộc đời, tìm nguyên nhân (Tập đế), rồi xác định con đường hướng đến (Đạo đế). Như vậy, đó phải là cả một quá trình của sự vận hành năng lực trí tuệ để cho nguồn sáng chân lí toả chiếu diệu dụng như ánh trăng vào đêm thành đạo.

Sự giác ngộ ấy còn tiến xa hơn nữa để khai triển cái tri kiến ra nhiều lĩnh vực nhận thức mới. Cái tri kiến Ngài khám phá bên ngoài cùng với tuệ giác tinh hoa ở nội tâm chan hoà như những khối pha lê đúc kết thành một giáo pháp tinh anh như vầng mặt nguyệt. Trong ánh hoà quang sáng ngời của sự giác ngộ, một hệ tư tưởng mới được tạo nên từ những yếu tố mới và cũ hoà đồng một cách vi diệu, và cuối



cùng vượt hẳn lên mọi tri kiến để trở thành chân lí phổ quát soi tỏ vạn hữu.

Truyền thống Phật giáo nguyên thủy cho rằng, sự đắc quả vô thượng giác ngộ của đức Phật đã biến Ngài từ một nghệ sĩ thành một nhà tư tưởng và cuối cùng vượt hơn tất cả để trở thành người chứng đạt chân lí. Điều hi hữu là dòng tượng sáng tạo của đức Phật chứng tỏ vẫn tiếp diễn ngay cả sau khi Ngài giác ngộ. Đó là ý nghĩa diễn tiến liên tục của nguồn sáng ánh trăng biểu trưng cho giá trị tồn tại vĩnh hằng của chân lí được đức Phật thể nghiệm. Chân lí ấy là nguyên lí vận hành vô hạn khắp không gian và không thay đổi cùng thời gian, được Nguyễn Du ta thán:

*“Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên,
Y y bất cải cựu thuyên quyền”.*

-- Sân vắng đầu năm trăng sáng khắp,
Vẫn y nhiên tại đẹp nguyên màu.

Và cái chân lí ấy cũng được nhà thơ thiền hiện đại tự hoá điển Bùi Giáng gọi hỏi gả “Cùng từ” đang lang thang trong cuộc đời này:

*“Em về mây thế kỷ sau,
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không.”*

Nếu ánh sáng của mặt trăng là sự hợp nhất của những gì huyền diệu tự nhiên, xua tan sự u tịch của đêm trường, lan rộng bao trùm khắp muôn loại; thì ánh sáng hào quang diệu vợi của đức Phật lại toả soi khắp bản thể vô biên, làm tan biến mọi tối tăm của bao cực đoan quan kiến nơi tâm hồn nhân loại. Thật là toàn mỹ biết bao khi hai vầng sáng nội tại và ngoại tại cùng chan hoà nhịp nhàng trong nguồn sáng vô tận, khiến cho toàn thể sâu thẳm của cuộc đời đều được khai sáng một cách tuyệt vời nhất:

*“Thử phong, thử nguyệt, thử thử nhân;
Hợp thành thiên hạ tam kì tuyệt.”*

(Trần Anh Tông)

Ý NGHĨA THIẾT LẬP CHÂN LÍ CHÁNH PHÁP

Tư tưởng không thể hoàn mãn mà không

có sự hỗ trợ tối thiểu của ngôn ngữ biểu tượng. Để đi vào thuyền giải biểu tượng, không chỉ có nương vào những phương tiện liên hệ trong vũ trụ, cũng như ý nghĩa của ngôn từ mà còn bằng cả thể nghiệm về nó. Ý nghĩa của biểu tượng là cái mà trong đó ta đối diện với sự thật một cách cần thiết để hướng tới nắm bắt thực tại tính được chỉ rõ trong chúng. Do đó, thể nghiệm biểu tượng là một tất yếu cần bàn giúp chúng ta trưởng thành sự chân thật.

Nếu ngôn từ có thể chuyển tải toàn vẹn mọi sự thể ở thế gian này, thì có lẽ sẽ không còn một hình tượng nào được xem là biểu tượng của những gì cao tốt nữa. Phải chăng, chính sự giới hạn của ngôn ngữ ấy mà mọi pháp đều còn hiện hữu một cái gì đó huyền bí của riêng mình. Để khám phá những miền huyền bí vi diệu, phần còn lại là đi tìm sự thật bằng nguồn tâm thức lắng đọng vượt ra ngoài ngôn ngữ. Vì vậy mà đức Phật tuyên bố: “Nhất thiết Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ”-tất cả Kinh Phật thuyết chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi. Đó chính là giá trị của sự tịch nhiên tĩnh lặng mà đức Phật thể nhập được ở bản thể tịnh minh dưới ánh trăng của đêm thành đạo để rồi tiến tới hình thành tư tưởng biểu tượng cho chân lí.

Tiêu chí của sự kết tinh những vầng trăng tri kiến giác ngộ trong thiền học chính là: “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Phương thức ẩn chứng ấy điển hình ở sự bắt đầu từ cái mỉm cười của Ngài Ca Diếp khi đức Phật đưa cành hoa sen lên giữa hội chúng tại Linh Sơn. Và phải chăng cũng bởi cái “khuyết tật” của ngôn ngữ “hữu tự” chính thiền học tĩnh giác ấy mà tiểu thuyết gia Ngô Thừa Ân dựng lên cái nạn cuối cùng của thầy trò Đường Tăng trên sông Thông Thiên Hà trong Tây Du Ký. Vì cho rằng thầy trò Tam Tạng đã chứng quả nên A-Nan và Ca-Diếp truyền cho Vô Tự Chân Kinh (Bất thuyết nhất ngữ) mà Phật đã tuyên bố lúc cuối cuộc đời: “Suốt 49 năm, Như Lai không nói một lời”. Thấy Kinh “vô tự” Tam Tạng đối lại Kinh “hữu tự”. Vì không thực hiện lời hứa hỏi về nguyên thủy kiếp xưa cho nên thần Thủy Nguyên, nên thầy trò Tam Tạng bị hất cả xuống sông, làm cho tất cả Kinh “hữu tự” bị ướt. Kinh ướt phải phơi, khi phơi Kinh thì trang cuối bị dính vào đá bóc không ra, và bộ Kinh thiếu phần kết. Thiếu phần kết nên Kinh “hữu tự” trở thành Kinh “vô tự”. Thế là cái nghiệp chấp danh tự được giải quyết xong và thầy trò Tam Tạng không còn gặp tai nạn nữa.

Đó cũng là cái chết mà Trần Nhân Tông tỉnh giác trong bài Hữu Cú vô Cú:

*“Hữu cú vô cú
Tự xưa tự nay
Quên trắng ngấm ngón
Chết đuối trên bờ.”*

Ánh trăng được xem như là biểu tượng của sự tĩnh lặng (vô ngôn) hay là cái thể của chân lí. Đối với Bồ Tát, im lặng là đặc tính của

sự tỉnh giác: “Im lặng là sanh địa quyền năng, im lặng đồng nghĩa với quyền năng tối thượng”. Khi đạt đến sự im lặng, tức là đạt đến đỉnh cao của sự hợp nhất giữa con người và thực tại tính xã ly:

*“Ngồi trong vườn nguyệt lộ
Hôn một màu trăng non,
Nghe lòng vui cười rõ
Chạy bằng đôi vô ngôn”.*

(Quảng Hạnh)

Tất cả mọi sự chấp thủ dù là tích cực hay tiêu cực đều là mê lầm. Chính vì chấp thủ mà phải bị giam hãm mãi, giống như một con nhện tự giam mình trong mạng lưới do chính mình kết nên. Vượt khỏi mọi sự bám víu chính là trạng thái siêu thoát của nguyên lí vô thức tịch tĩnh trong thiền học, hay còn gọi là trạng thái Ba-La-Mật mà Phật giáo hướng tới. Đạt đến đó tức là đã thể nhập cùng ánh trăng chân lí giữa bốn miền an nhiên tịch tịnh vô biên:

*“Một thân nhàn nhả dứt muôn duyên
Hơn bốn mươi năm những hão huyền,
Nhắc bảo các người đừng gạn hỏi
Bên kia trăng gió rộng vô biên”.*

(Pháp Loa)

Và cái miền “Bên kia trăng gió rộng vô biên” ấy được phát họa qua bức tranh thiền sư Siddhattha đang ngồi an tịnh, hồn nhiên với đôi mắt lim dim thư thái hướng về ánh trăng chiếu sáng xa xa nơi phương trời, như gợi nơi tâm ta một niềm hân hoan thanh nhàn tự tại.

Cuối cùng, cũng vào đêm trăng tròn tĩnh lặng giữa rừng Sala, đức Phật đã ân cần di giáo cho toàn thể đệ tử với những lời giáo huấn thiết tha như gợi lại tất cả tâm huyết của cuộc đời mình: “Khi nói tới chân lí, Như Lai không hề có bàn tay nắm chặt của người Thầy còn muốn giữ lại điều gì.” Thế nên chân lí đã được Ngài thi thiết và khai triển sáng ngời ở thế gian như biểu tượng vầng mặt nguyệt tròn đầy tỏ soi.

Thời gian cứ trôi qua, mọi thứ đều đã, đang và sẽ nhạt nhòa trong lớp bụi của nó, chỉ có viên ngọc bích toàn chân giải thoát là vẫn mãi toả sáng rạng ngời với muôn thủa. Mặc dầu đức Phật đã tịch diệt từ lâu, song chúng ta vẫn còn thấy Ngài như vẫn gần gũi với chúng ta, tiếng nói của Ngài vẫn còn vang vọng bên tai ta, khẽ bảo ta đừng lìa xa sự phấn đấu, hãy bình tĩnh mà đối phó với vọng tình, hãy nhìn thẳng vào cuộc đời để nhận ra những cơ hội lớn hơn, tự rèn luyện mình trở thành một nhân cách trác tuyệt, một chân thiện mỹ trong cuộc đời. Thông qua ý nghĩa thành đạo, ước mong sao tất cả đều biết phấn đấu để tự hoàn thiện mình trở thành một hiện hữu mang đủ ý nghĩa của cái đẹp và xa hơn nữa là để làm biểu tượng cho cuộc đời này. Đó cũng là những gì mà người viết muốn thông quanh trăng để làm tiêu đề dẫn đạt ý tưởng trong đêm thành đạo của đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni chúng ta.

Thích Tâm Tôn

NỀN TẢNG CỦA SỰ XUẤT HIỆN THỂ GIỚI

Nguyễn Thế Đăng

Sự xuất hiện của thể giới là một chủ đề lớn và căn bản của mọi triết học, khoa học, và tôn giáo. Thể giới có hiện hữu hoàn toàn khách quan hay không? Nếu nó là hoàn toàn khách quan thì con người phải vĩnh viễn chạy theo sau nó, bị hạn cuộc trong những định luật vật lý và tâm lý của nó và không có cách gì để tự do, giải thoát. Có lẽ chúng ta phải chờ đến tận thế, sự diệt mất của thể giới khách quan, chúng ta mới thoát khỏi thể giới, mới tự do được. Dầu cho thể giới là khách quan, với tâm thức của mình, tâm thức đã đưa con người thành sinh vật thuộc loại cao nhất của vũ trụ, liệu tâm thức ấy có thể tự do, giải thoát khỏi thể giới hữu hạn và vô thường này hay không?

Trong những bài này chúng ta sẽ tìm hiểu vấn đề ấy qua kinh Lăng-già, bản dịch tiếng Hán của Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đà (?-718). Cũng cần nói thêm, kinh Lăng-già là một cuốn kinh quan trọng của Phật giáo Đại thừa, mà Phật giáo Nepal đã liệt vào trong chín bộ kinh làm cột trụ cho Phật giáo Nepal.

Như những kinh Đại thừa, tất cả mọi sự xuất hiện đều từ và trên một nền tảng, tạm thời hiện hữu nơi nền tảng ấy và rồi tan biến trong nền tảng ấy.

Nền tảng ấy là tánh Không, Pháp thân của chư Phật. Như Lai tạng, Phật tánh, Chân như... Ở đây, chúng ta nêu lên những từ chỉ nền tảng ấy từ kinh Lăng-già. Theo kinh Lăng già, nền

tàng ấy là "pháp Không," "Pháp thân," "Như Lai tạng," "Chân như," "Niết-bàn," "Viên thành thật tánh," "Tự giác thánh trí," "Đại thừa quang minh," "thân Như Lai," "A-lại-da vô sai biệt"...

Nền tảng ấy là cái chẳng sanh diệt và các tướng xuất hiện là có sanh diệt: "*Sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí. Có tích tập tướng là thức, không tích tập tướng là trí. Bám tướng cảnh giới là thức, không bám tướng cảnh giới là trí. Ba hòa hợp tương ứng mà sanh là thức, vô ngại tương ứng tự tánh là trí*". (phẩm Vô thường, thứ 3)

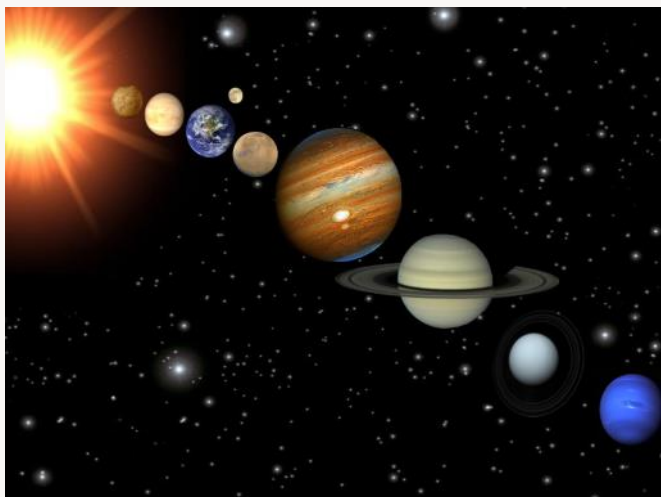
Nền tảng ấy là "*tạng thức Như Lai tạng này bản tánh thanh tịnh. Thế nên Bồ-tát muốn đắc pháp thù thắng phải nên tịnh hóa danh tướng của tạng thức Như Lai tạng. Đại Huệ! Nếu không có Như Lai tạng (làm nền tảng cho) danh tướng của tạng thức thì không có sự sanh diệt (của tạng thức)*" (phẩm Sát-na, thứ 6).

Nền tảng ấy được gọi là Niết-bàn hay tánh Không: "*Phật bảo Đại Huệ: Tất cả tập khí và kiến bản chất của thức, của tạng thức, ý, ý thức và các thức (giác quan) được chuyển hóa hết, Ta và chư Phật gọi đó là Niết-bàn, tức là cảnh giới tánh Không của tất cả các pháp*" (phẩm Tập tất cả pháp, thứ 2).

Nền tảng ấy là Như như, Chánh trí, không phân biệt nên không sanh diệt; so với tạng thức hay vọng tâm là phân biệt, và do đó, là sanh diệt: "*Danh kia tướng kia rốt ráo không có gì, chỉ là vọng tâm đắp đổi phân biệt. Quán sát như vậy cho đến cái biết (do phân biệt) diệt mất, đó gọi là Như Như. Đại Huệ! Tướng Như Như là chân thật quyết định, nền tảng rất ráo. Ta cùng chư Phật tùy thuận chứng nhập tướng như thật ấy mà khai thị diễn nói. Nếu có thể tùy thuận hiểu ngộ, là đoạn lìa thường, chẳng sanh phân biệt, nhập vào tự chứng, ra khỏi cảnh giới ngoại đạo và Nhị thừa, đó gọi là Chánh trí*" (phẩm Sát-na, thứ 6).

Tóm lại, nền tảng là cái chẳng sanh chẳng diệt, là trí vô phân biệt, đó là tự giác thánh trí hay Niết-bàn của chư Phật. Và cái thức là phân biệt, là sanh diệt, là tích tập tướng và bám tướng; chính cái thức đã tạo ra sanh tử, sanh diệt, chia cắt, phân mảnh, xung đột, nhưng thật ra là hư vọng, như "hoa giữa hư không, như huyễn, như mộng..." Nhưng





thức phân biệt và hư vọng này luôn luôn có nền tảng là trí, là “chấn tượng tạng thức thì không sanh diệt”, là “tạng thức Như Lai tạng này bản tánh thanh tịnh.” Sanh tử như huyền luân luôn xuất hiện trên nền tảng Niết-bàn bản tánh thanh tịnh và biến mất vào đó, như hoa giữa hư không xuất hiện trên nền tảng hư không vốn thanh tịnh và tan mất trong hư không.

Chủ đề chính của kinh Lăng-già là tất cả do tâm thức mà hiện ra:

**Thân, tài sản, nhà cửa
Đều duy tâm ảnh hiện
Phàm ngu không thể biết
Khởi chấp có chấp không
Cảnh giới chỉ là tâm
Lìa tâm không thể đắc.**

Cho nên, để giải thoát khỏi sanh tử phải giải thoát nguyên nhân tạo ra sanh tử, đó là thức phân biệt hư vọng đã tạo nên sanh tử hư vọng này, gọi là “chuyển thức (phân biệt) thành trí (vô phân biệt)”:

**Vô tác nên vô sanh
Có pháp, nhận sanh tử
Rõ thông, thấy như huyền
Vớ tướng, không phân biệt.**

Kinh Lăng-già khởi đi từ sự xuất hiện và biến mất rồi lại xuất hiện của Đức Phật và đại chúng. Chính sự biến mất này đã khiến vua loài Dạ-xoa là La-bà-na khai ngộ. Đây là sự việc xảy ra trong phẩm thứ nhất, Vua La-bà-na xin thỉnh: “Bấy giờ Thế Tôn dùng lực thần thông, ở trong núi ấy, lại hóa ra vô lượng núi báu, đều dùng trăm ngàn vạn ức thứ quý báu của chư thiên mà trang nghiêm. Trên mỗi núi đều có thân Phật hiện. Trước mỗi Phật đều có vua La-bà-na và chúng hội. Tất cả các cõi nước trong mười phương đều hiện trong đó, trong mỗi cõi nước đều có Như Lai, trước mỗi Đức Phật đều có vua La-bà-na cùng quyến thuộc, mỗi mỗi đều có Bồ-tát Đại Huệ thỉnh hỏi Phật khai thị cảnh giới trí tự chứng. Dùng trăm ngàn âm thanh vi diệu nói xong kinh này, Phật

và chư Bồ-tát biến vào hư không.” Sự xuất hiện, thậm chí kỳ diệu, đến mức độ sự vô ngại này, là sự xuất hiện của “tự tánh tâm pháp tạng,” như những câu kệ đầu tiên của kinh nói ở trước đoạn kinh trên: Tự tánh tâm pháp tạng Vô ngã lìa kiến dơ Chỗ biết của chứng trí Nguyên Phật tuyên nói cho... Khi Phật và đại chúng biến vào hư không, vua La-bà-na tự thắc mắc:

“Vua La-bà-na tự thấy chỉ còn thân mình trong cung, bèn khởi suy nghĩ: Người thấy những sự việc vừa rồi là ai? Ai là người thấy? Phật và thành, rừng núi báu, các vật như thế bây giờ ở đâu? Hay là nằm mộng? Hay là ảo ảnh? Hay giống như thành Càn-thát-bà? Hay do nhắm mắt thấy? Hay là sự mê lầm do sống năng? Hay là như trong mộng, con của người nữ bằng đá? Hay như ngọn đuốc quay mà thấy thành vòng lửa?”

Lại nghĩ: Tánh của tất cả các pháp đều như thế, chỉ là cảnh giới của tự tâm phân biệt. Kẻ phàm phu mê lầm không thể hiểu rõ. Không có người thấy cũng không có cái được thấy; không có người thuyết cũng không có cái được thuyết. Thấy Phật nghe pháp đều là phân biệt. Hướng theo cái được thấy như vậy thì chẳng thể thấy được Phật. Chẳng khởi phân biệt tức là thấy Phật.

Khi ấy, vua Lăng-già bỗngưng khai ngộ, lìa các nhiễm ô, chứng duy tự tâm, trụ vô phân biệt. Do sức những thiện căn được trồng từ xưa, ông được cái thấy cái như thật đối với tất cả các pháp, có thể dùng tự trí quán sát một cách khéo léo, xa lìa vinh viễn mọi so lường tả kiến. Trở thành một bậc thầy trong những người tu hành, có thể hiện đủ thứ thân, thông suốt các phương tiện, khéo biết các địa và cách vượt lên các địa. Thường thích xa lìa, tâm, ý, ý thức, cắt đứt ba kiến tương tục, lìa chấp trước của ngoại đạo. Bên trong tự ngộ, nhập vào Như Lai tạng, hướng đến Phật địa.”

Nhờ tư duy thiền định về sự xuất hiện và biến mất, vua Dạ-xoa đã ngộ “duy tự tâm, trụ vô phân biệt,” nghĩa là đã vào địa, vào Như Lai tạng, vào Pháp thân, vào nền tảng bất động của mọi sự xuất hiện... để tiến lên đến giải thoát và giác ngộ. Đoạn kinh nói tiếp: “Ông bỗng nghe giữa không trung và trong cung điện đều phát ra tiếng nói: Hay thay, đại vương. Như chỗ ông học, các người tu hành cũng phải học như thế, phải thấy như thế. Tất cả chư Như Lai cũng thấy như thế.”

Đây là cái thấy căn bản của một Bồ-tát nhập địa, nhập vào Pháp thân của chư Phật, “nhập vào Như Lai tạng.” Gọi là căn bản vì mở rộng và đào sâu vào cái thấy ấy sẽ đưa đến giải thoát và giác ngộ. “Bấy giờ Thế Tôn biết vua Lăng-già sẽ chứng ngộ Vô sanh pháp nhãn nên thương xót, bèn hiện thân, khiến các sự hóa hiện trở lại như cũ.”

Nguyễn Thế Đăng

(Nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH THIÊN HOA (1918 - 1973)

Soạn giả Thích Thắng Hoan

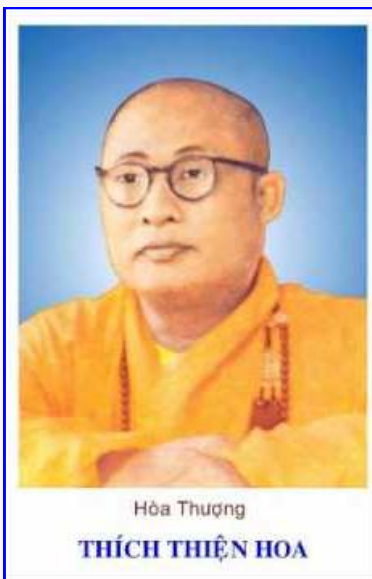
I.- VÀO ĐỀ:

Phật Giáo Việt Nam gắn liền với vận mệnh đất nước như bóng với hình như vang với tiếng trong những thăng trầm vinh nhục. Sự thăng trầm của đất nước không kém phần ảnh hưởng sâu đậm với sự thịnh suy của Phật giáo Việt Nam. Đất nước Việt Nam thời nào cũng có những anh hùng cái thế để giữ nước non nhà thì Phật Giáo Việt Nam thời nào cũng có những danh tăng xuất chúng để truyền đăng tục diệm.

Trong thời kỳ nô lệ Pháp quốc, đất nước Việt Nam đã có những nhà cách mạng cứu quốc thì Phật Giáo Việt Nam cũng có những bậc Thạch Trụ siêu phàm đứng ra vận động chấn hưng. Riêng trong phong trào chấn hưng Phật Giáo Việt Nam, các bậc Long Tượng tiếp nối ra đời làm sáng ngời lịch sử Phật Giáo phục hưng, nhất là trong thời kỳ cận đại, những tấm gương sáng chói của phong trào phục hưng trong đó có Hòa Thượng Thích Thiên Hoa. Hòa Thượng là người xuất thân từ miền tây Nam Bộ sông nước hữu tình, có học lực, có tài cao, có chí lớn, có đức tánh hiền hòa điềm đạm, sống bình dị thân thương, nhiệt tình yêu nước mến đạo, linh động hòa hợp dung thông cho đại sự và nhờ đó Phật Giáo Việt Nam từ đây trở nên sáng ngời khắp bầu trời miền Nam.

II.- VỀ THÂN THỂ:

Hòa Thượng Thích Thiên Hoa con nhà gia giáo thuộc hạng trung lưu, trong gia quyến ai nấy đều theo đạo Phật. Hòa Thượng húy là Trần Thiên Hoa, pháp danh là Thiên Hoa, hiệu là Hoàn Tuyên, sanh ngày 07 tháng 08 năm Mậu Ngọ (1918), tại làng Tân Qui (sau đổi tên là An Phú Tân), huyện Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ (sau đổi tên là tỉnh Trà Vinh). Hòa Thượng là con út (thứ chín) trong gia đình tám anh chị em. Vì quy y Phật Giáo từ thuở ấu thơ, Hòa Thượng lấy pháp danh làm thể danh, cho nên mới có tên là Trần Thiên Hoa. Thân phụ là cụ



Hòa Thượng

THÍCH THIÊN HOA

ông Trần Văn Thế, pháp danh Thiên Huệ, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Sáu pháp danh Diệu Tịnh. Toàn thể gia đình của Hòa Thượng đều quy y với Tổ Chí Thiền chùa Phi Lai ở núi Voi, tỉnh Châu Đốc. Pháp danh Thiên Hoa là Tổ đặt cho Hòa Thượng.

Sau khi thân phụ quá cố, Hòa Thượng theo thân mẫu đi chùa Phước Hậu, làng Đông Hậu, huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ làm lễ kỷ siêu bảy tuần thất cho cha, sau đó Hòa Thượng quyết tâm xin mẹ cho ở lại chùa Phước Hậu xuất gia và được cụ bà đồng ý, năm ấy Ngài mới được 7 tuổi. Tiếp đến Hòa Thượng được gởi tới chùa Đông Phước, làng Đông Thành, huyện Cái Vồn (hiện giờ là huyện Bình Minh), tỉnh Cần

Thơ theo tu học với Tổ Khánh Anh và được Tổ đặt cho pháp hiệu là Hoàn Tuyên.

Trong gia đình chẳng những một mình Hòa Thượng xuất gia, mà trước đó vài năm người chị thứ bảy đã xuất gia lúc 17 tuổi chính là Sư Bà Thích Nữ Diệu Kim, trụ trì chùa Bảo An tại tỉnh thành Cần Thơ. Người anh thứ tám đồng thời xuất gia với Tổ Khánh Anh được Tổ đặt cho pháp danh là Tịnh Tâm (có chỗ gọi là Thiên Tâm), pháp hiệu là Hoàn Tâm cùng họ Hoàn với Hòa Thượng Thiên Hoa, trụ trì chùa Phật Quang tại rạch Bang Chang, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ. Tiếp theo người anh thứ năm cũng xả tục xuất gia với pháp danh là Thiên Minh, trụ trì chùa Linh Quang tại Rạch Sung, Trà Ôn. Sau này lại cũng có những người cháu kêu Hòa Thượng bằng chú như Tịnh Nghiêm, Tịnh Thuận và kêu bằng cậu như Bửu Châu, Hoàn Phú cũng lần lượt xuất gia. Có thể nói rằng đây là một gia đình có nhiều người xuất gia hạng nhất trong vùng.

III.- THỜI KỲ TU HỌC:

a)- Tham Học Các Trường Gia Giáo:

Sau khi cầu pháp với Tổ Khánh Anh, Hòa Thượng được Tổ dẫn theo cho tham học với các lớp Gia Giáo là những nơi mà Tổ được mời

giảng dạy, khởi đầu từ lớp Gia Giáo chùa Đông Phước và sau cùng là lớp Gia Giáo chùa Long An. Về chùa Long An ở Đồng Đế, huyện Trà Ôn, Tổ Khánh Anh lãnh chùa này vào năm 1931 và khai giảng lớp Gia Giáo tại đây. Lúc ấy Hòa Thượng mới có 14 tuổi và nhập chúng tu học nơi lớp Gia Giáo nói trên được 3 năm.

b)- Tham Học Phật Học Đường Lưỡng Xuyên:

Để đạt chí nguyện cao cả trên con đường hoằng pháp lợi sanh của một tu sĩ, vào năm 1935, nhân Phật Học Đường Lưỡng Xuyên khai giảng vào đầu mùa hạ, Hòa Thượng được Tổ Khánh Anh cho theo tông học nơi Phật Học Đường này, bấy giờ Hòa Thượng đã được 17 tuổi và ngay năm ấy Hòa Thượng thọ giới Sa Di tại Phật Học Đường nói trên. Sau khi mãn khóa lớp Sơ Đẳng 3 năm, với ý chí hiểu học và óc cầu tiến, Hòa Thượng cùng một số Tăng sinh khác được Ban Giám Đốc Phật Học Đường Lưỡng Xuyên chấp thuận giới thiệu ra Huế tiếp tục tu học theo sở cầu. Thế là năm 1938, Hòa Thượng được ra Huế tu học, lúc đó Ngài 20 tuổi. Cùng đi với Hòa Thượng ra Huế gồm có sáu Tăng sinh khác như, Hòa Thượng Thiện Hòa, Hiến Thụy, Hiến Không, Chí Thiện, Bửu Ngọc, Giác Tâm.

c)- Tham Học Phật Học Đường Báo Quốc:

Sau khi ra Huế, Hòa Thượng cùng sáu Hòa Thượng khác tông học tại Phật Học Đường Tây Thiên hai năm. Kể đến quý Hòa Thượng vào chùa Long Khánh, Qui Nhơn tham học Phật Pháp với Tổ Phước Huệ ở chùa Thập Tháp hết một năm tròn. Sau đó quý Hòa Thượng lại trở ra Huế lần nữa tham dự lớp học tại Phật Học Đường Báo Quốc ngót bốn năm. Đến năm 1945, Phật Học Đường Báo Quốc dời đến Tông Lâm Kim Sơn và lớp học tại đây vừa mãn một năm thì chiến tranh tràn đến, cho nên Phật Học Đường Kim Sơn ngưng hoạt động. Hội An Nam Phật Học ủy thác cho quý Hòa Thượng Thiện Hoa và Trí Tịnh, v.v... mang một số học Tăng vào Nam. Thế là suốt tám năm dài (1938-1945), Hòa Thượng cùng quý Hòa Thượng khác nhọc nhằn cần mẫn học tập nơi đất Thần Kinh. Sau đó quý Hòa Thượng trở về miền Nam mang một hoài bão "Hoằng Pháp Lợi Sanh," để rồi miền Nam bừng sáng Chánh Pháp do các Hòa Thượng cùng nhau mỗi lên ngọn đuốc từ cố đô Huế.

IV.- THỜI KỲ HÀNH ĐẠO:

Theo quan niệm của Hòa Thượng Thiện Hoa, muốn phục hưng Phật Giáo cho được hữu hiệu trước hết phải có cán bộ để hoằng pháp, vì lý do đó, sau khi về miền Nam, Hòa Thượng nhất quyết phải thành lập Phật Học Đường để đào tạo Tăng tài mới có người tiếp nối sự nghiệp hoằng dương chánh pháp.

1)- Khai Giảng Phật Học Đường Phật Quang:

Để đạt được ước nguyện của mình, đầu tiên vào năm 1945, Hòa Thượng hợp tác cùng

Hòa Thượng Trí Tịnh khai giảng Phật Học Đường Phật Quang tại rạch Bang Chang, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ, là cơ sở của Thượng Tọa Hoàn Tâm lãnh đạo. Số Tăng sinh đến tu học trên 30 vị. Đến năm 29 tuổi, Hòa Thượng Thiện Hoa mới thọ giới Tỳ Kheo và Bồ Tát tại Giới Đàn chùa Kim Huệ, Sa Đéc. Năm 1946 và 1947, thấy tình cảnh chiến tranh của đất nước càng ngày càng tăng và thấy Tăng sĩ một phần đã cởi áo cà sa mặc áo chiến bào, Hòa Thượng Trí Tịnh quyết định dời về Sài Gòn. Lúc bấy giờ Phật Học Đường Phật Quang chỉ còn lại một mình Hòa Thượng Thiện Hoa gánh vác tất cả mọi Phật sự, vì thế Phật Học Đường này đã khó khăn lại gặp khó khăn hơn. Một mình Hòa Thượng vừa dạy học, vừa lo đối phó với hoàn cảnh.

a.- Đối Nội: Hòa Thượng vẫn kiên trì giữ vững lớp học. Dù gặp nhiều gian nguy, nào chùa bị đốt, nào chúng bị phân tán, Hòa Thượng vẫn thản nhiên cố duy trì phần còn lại. Hòa Thượng nói: "Dù chỉ còn một Tăng sinh hiểu học tôi vẫn dạy đầy đủ như lúc ba mươi người." Quả thật, đến năm 1950, Học chúng chánh thức của Phật Học Đường Phật Quang không quá bốn người. Thế nhưng Hòa Thượng vẫn dạy đều đều theo khóa trình đã vạch sẵn như thuở trước.

b.- Đối Ngoại: Trong xã hội loạn lạc thời bấy giờ, nhằm bảo bọc Tăng chúng yên tâm tu học, Hòa Thượng mở các lớp học trẻ con giao cho Tăng sinh đảm trách, đồng thời mở trạm y tế giao cho Tăng Ni thay nhau thuốc men giúp đỡ đồng bào. Mỗi ngày buổi sáng Tăng chúng dạy học, chích thuốc và buổi chiều học tập kinh điển. Hòa Thượng lại mở thêm những lớp học Bình Dân, ban đêm dạy chữ Quốc Ngữ cho dân chúng thất học để chống nạn mù chữ. Học viên đạt được kết quả nhanh chóng là nhờ Hòa Thượng có sáng kiến soạn ra tập sách "Văn Chữ O." Hòa Thượng bảo học chúng rằng: "Chúng ta cần đem Tứ Nhiếp Pháp và Ngũ Minh để giáo hóa chúng sanh, nhất là trong hoàn cảnh này."

2)- Cộng Tác Phật Học Đường Nam Việt Ấn Quang:

Đầu mùa Xuân năm 1953, vào ngày mùng



8 tháng Giêng Âm Lịch, Hòa Thượng cùng hàng đệ tử mang hành lý lên đường đi Sài Gòn đến Phật Học Đường Nam Việt Ấn Quang (trong số đó có thầy Thích Thanh Từ). Sau cuộc họp của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, quý Hòa Thượng đã đồng tình đề cử Hòa Thượng Thiện Hoa giữ chức vụ Trưởng Ban Giáo Dục kiêm Trưởng Ban Hoằng Pháp Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và luôn cả chức Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt chùa Ấn Quang, Sài Gòn.

3)- Sự Nghiệp Giáo Dục:

Với trách nhiệm Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt, Hòa Thượng đã tận tâm giảng dạy cho hai cấp nơi trường này: một lớp Cao Đẳng và một lớp Trung Đẳng. Đồng thời Hòa Thượng cũng dạy lớp Trung Đẳng Ni Chứng tại chùa Từ Nghiêm, sau dời về Phật Học Ni Trường Dược Sư. Kết quả sự giáo dục như sau:

a)- Tại Phật Học Đường Nam Việt chùa Ấn Quang, lớp Cao Đẳng và lớp Trung Đẳng gồm những Tăng sinh say đây từng tự ra trường:

* Đợt thứ nhất lớp đầu tiên gồm có: Thầy Bửu Huệ, Thiện Tâm, Tắc Phước, Tịnh Đức và Đạt Bửu.

* Đợt thứ hai tiếp nối ra trường gồm có: Thầy Thiện Định, Huyền Vi, Thanh Từ, Từ Thông, Chánh Tiến, Quảng Long, Hoàn Quan, v.v...

* Đợt thứ ba ra trường gồm có: Thầy Thăng Hoan, Đức Niệm, Liễu Minh, Như Huệ, Chơn Phát, Trí Quảng, Đồng Quy, Long Nguyệt, v.v...

* Đợt thứ tư ra trường gồm có: Thầy Nhựt Quang, Huệ Thới, Minh Thành, v.v...

b)- Tại Ni Trường Dược Sư, các Ni Chứng ra trường gồm có: Sư cô Như Huyền, Hải Triều Âm, Diệu Hoa, Minh Ngọc, Giác Nhẫn, Trí Hòa, Trí Định, Tịnh Thường, v.v...

Số lượng Tăng Ni sinh tốt nghiệp từ hai trường nói trên đều là những vị xuất sắc sau này phụ lực với Hòa Thượng tiếp nối đảm đương các Phật sự của Giáo Hội cũng như công tác hoằng pháp và giáo dục.

c)- Đến năm 1957, Hòa Thượng lại chủ xướng mở những khóa huấn luyện trụ trì lấy tên là Như Lai Sứ Giả. Trung tâm huấn luyện cho Tăng giới thì đặt tại chùa Pháp Hội và Trung tâm huấn luyện cho Ni giới thì đặt tại chùa Dược Sư. Mỗi khóa ba tháng trong mùa hạ và mùa đông. Kết quả:

* Bên Tăng đã đào tạo được 52 vị gồm có: Thầy Trường Lạc, Bửu Lai, Trí Châu, Nhật Long, Hồng Tịnh, Hoằng Thông, Huyền Quý, Hiến Pháp, Thiện An, Huệ Thành, v.v...

* Bên Ni đã đào tạo được 30 vị gồm có: Ni sư Vĩnh Bửu, Như Hoa, Phật Bửu, Giác Thiên, Như Huy, Như Chí, v.v...



Những vị tốt nghiệp các khóa huấn luyện này được bổ về các chùa khắp lục tỉnh để tập sự hoằng pháp. Phong trào này làm dậy lên phong trào tu học của các tín đồ Phật tử và cũng là mơ ước của mọi Tăng Ni muốn trở thành sứ giả Như Lai.

d)- Với trách nhiệm Trưởng Ban Giáo Dục trong Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Hòa Thượng đã khuyến khích mở trường Phật Học ở các tỉnh như: Trường Phật Học tại chùa Bình An, Long Xuyên (1956), Trường Phước Hòa ở Vĩnh Bình, Trường Giác Sanh ở Phú Thọ, Chợ Lớn, Trường Phật Học ở Biên Hòa và Trường Phật Ân ở Mỹ Tho, v.v...

Hầu hết Tăng Ni miền Nam đương thời dù gián tiếp hay trực tiếp đều chịu ân huệ giáo dục ít nhiều của Hòa Thượng.

e)- Đến năm 1956, Hòa Thượng được Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đề cử với chức vụ Ủy Viên Hoằng Pháp của Tổng Hội. Ở ngôi vị này, Hòa Thượng đầu tiên thực hiện những dự án sau đây do Hòa Thượng chủ trương:

*- Hợp tác với Hòa Thượng Nhất Hạnh xuất bản nguyệt san *Phật Giáo Việt Nam*

*- Lập nên nhà xuất bản Phật Giáo lấy tên là *Hương Đạo*.

*- Chủ trương một *Phật Học Tùng Thư* để phổ biến những tác phẩm của Hòa Thượng.

4)- Công Trình Hoằng Pháp:

Với trách nhiệm Trưởng Ban Hoằng Pháp Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và Hội Phật Học Nam Việt, Hòa Thượng đích thân huấn luyện Tăng Ni sinh tại các Phật Học Đường để trở thành những giảng sư thật sự có thể đi diễn giảng các nơi. Ngoài ra Hòa Thượng còn mở các lớp giáo lý giảng dạy Phật Học Phổ Thông cho hàng Phật tử cư sĩ để họ có khả năng truyền đạt Phật Pháp cho thế hệ cư sĩ mai sau tại các trụ sở như chùa Ấn Quang (Trụ sở GHTGNV), chùa Phước Hòa (Bàn Cờ), chùa Xá Lợi (Trụ sở HPHNV), chùa Giác Tâm (Chi Hội Phật Học tỉnh Gia Định), chùa Dược Sư (Trụ sở Hội Phụ Nữ Phật Tử), v.v... Tiếp theo Hòa Thượng còn đích thân giảng dạy Phật Tử hằng tuần vào tối thứ năm tại chùa Ấn Quang. Nhờ vậy phong trào học Phật miền Nam trỗi dậy như vũ bão, khắp các tỉnh Giáo Hội và Hội Phật Học đều gởi thư về Trung Ương xin mở lớp Phật Học Phổ Thông tại trụ sở của mình. Để đáp ứng nhu cầu các nơi, Hòa Thượng phân phối Giảng Sư đến giảng dạy Phật Học Phổ Thông mỗi chỗ mười hôm và mỗi năm hai kỳ. Cứ như thế suốt tám năm trời (1955-1962), tinh thần Phật Giáo len lỏi vào tâm hồn người con Phật khắp nơi trở thành phong trào thi đua tu học. Hơn nữa Hòa Thượng còn tổ chức Phật Giáo hằng tuần trên đài Phát Thanh Sài Gòn để phổ biến giáo lý, tin tức Phật sự Giáo Hội, sinh hoạt Học Đường và

lập trường chấn hưng Phật Giáo Việt Nam.

5)- Công Tác Từ Thiện Xã Hội:

Ngoài Phật sự trọng đại của Giáo Hội, Hòa Thượng còn đề tâm đến phương diện Từ Thiện Xã Hội. Trước hết Hòa Thượng cố vấn cho Ban Từ Thiện Ấn Quang trong mọi công tác xã hội từ đô thành Sài Gòn lan đến các tỉnh miền tây Nam Việt. Tiếp theo Hòa Thượng thúc đẩy thành lập Cô Nhi Viện Diệu Quang để làm cơ sở cho Ni chúng trẻ tuổi công tác xã hội. Kế đến Hòa Thượng vận động thành lập Niệm Phật Đường trong khám Chí Hòa và còn cất chùa trong Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, v.v... Có thể nói, mọi Phật sự miền Nam đều được Hòa Thượng trợ giúp, hoặc trực tiếp hay gián tiếp.

V.- THỜI KỲ PHÁP NẠN:

Thời kỳ Pháp nạn năm 1963, để chống lại sự áp bức của chế độ Ngô Đình Diệm, Hòa Thượng đã tích cực đấu tranh cho Phật Giáo với chức vụ Phó Chủ Tịch Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo. Với uy tín sẵn có, Hòa Thượng kêu gọi Tăng Ni và Phật Tử miền Nam đứng lên bảo vệ Đạo Pháp và đã được sự đáp ứng nồng nhiệt của Tăng Ni, Tín Đồ khắp nơi đấu tranh kiên trì cho đến ngày thành công. Cuộc đấu tranh sau khi thành công, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời. Nhiệm kỳ I của Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng nhận chức Đệ Nhất Phó Viện Trưởng, kế đến nhận chức Trụ Trì Việt Nam Quốc Tự. Trong thời gian này Hòa Thượng vận động thành lập Phật Học Viện Huệ Nghiêm và đề cử Hòa Thượng Bửu Huệ làm Giám Đốc để tiếp nối sự nghiệp giáo dục đào tạo tăng tài mà Hòa Thượng chủ trương.

Sau Pháp nạn năm 1966, Hòa Thượng đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Trong nhiệm kỳ II này, con thuyền Phật Giáo Việt Nam gặp nhiều sóng gió. Thế nhưng Hòa Thượng vẫn nắm vững tay lái hướng thẳng theo con đường bảo vệ Đạo Pháp và cứu nước cứu dân, lấy sự tồn tại của đạo pháp trong sự tồn tại của dân tộc và nhân loại làm ngọn hải đăng.

Đến nhiệm kỳ III của Viện Hóa Đạo năm 1968, Hòa Thượng được toàn thể đại biểu bỏ thăm lưu nhiệm chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Lúc bấy giờ căn bệnh của Hòa Thượng bộc phát càng tăng mà trách nhiệm Giáo Hội càng nặng nề, nhưng Ngài không nề hà vẫn gánh lấy trách nhiệm của Giáo Hội giao phó. Hòa Thượng tuyên bố với các môn đồ rằng: "Tôi đặt đời tôi làm ba giai đoạn, giai đoạn thứ nhất chuyên học Phật Pháp, giai đoạn thứ hai nỗ lực truyền bá, giai đoạn thứ ba tịnh dưỡng chuyên tu. Nhưng Đạo Pháp đang trong thời kỳ sóng gió, mọi người đang tin cậy tôi, tôi đâu nỡ buông tay để về ngôi yên tĩnh dưỡng." Thế nhưng Hòa Thượng trước khi viên tịch, Ngài còn có những lời giáo huấn cho môn đồ pháp quyến vô cùng quý giá như nói: "Một con trâu cũng tốn một thăng chẩn, cả bầy trâu cũng chỉ một thăng chẩn. Tại sao khuôn mình trong chỗ hẹp

mà quên việc lớn?" Khi trả lời Sư Bà Bảo An, Hòa Thượng đáp: "Gánh vác Phật sự là việc tốt, nhưng khi lãnh nhiệm vụ lớn, phải tự xem mình như đứa con nít. Dù bị người chê khen khinh trọng vẫn không nao núng. Đừng nhớ mình có chùa to, có đệ tử nhiều, gặp việc trái ý là xách gói về chùa. Tâm niệm được như thế, mới nên đảm đương đại sự."

VI.- GIAI ĐOẠN VIÊN TỊCH:

Hòa Thượng khởi bệnh từ tối đêm 17 tháng 11 năm Canh Tý, sau ngày lễ vía Đức Phật A Di Đà, Ngài được đưa vào bệnh viện Đồn Đất điều trị. Bác sĩ cho biết bệnh của Hòa Thượng cần phải giải phẫu. Hòa Thượng thường nói với các đệ tử thăm viếng: "Nếu kỳ đau này tôi phải chết, tôi rất hài lòng, vì đối với sự hoảng hóa tôi đã làm tròn nhiệm vụ. Đối với Đạo Pháp tôi đã gánh vác được một giai đoạn khó khăn."

Sau khi giải phẫu, bệnh của Hòa Thượng càng ngày càng nhẹ, ai cũng tin tưởng Hòa Thượng không bao lâu sẽ bình phục trở về chùa. Phóng viên báo Điện Tín đến vấn an và hỏi Hòa Thượng cảm nghĩ gì trong thời gian ở bệnh viện. Hòa Thượng đáp: "Tôi không mong ước gì hơn sớm có ngưng bắn, để cho dân tộc Việt Nam được hưởng một mùa Xuân thanh bình." Một hôm, khi Hòa Thượng Thiện Hòa vào thăm, Hòa Thượng giao phó cho Hòa Thượng Thiện Hòa đảm trách mọi công việc Phật sự còn đọng lại.

Bất thần ngày 17 tháng 12 âm lịch, Hòa Thượng trở bệnh lại. Đến đêm 19 tháng 12 âm lịch, Hòa Thượng thấy mệt, biết mình không qua khỏi, gọi các môn đồ đến bảo: "Các con niệm Phật hộ niệm Thầy vắng sanh, Thầy mệt quá rồi." Cho đến sáng ngày 20 tháng Chạp năm Nhâm Tý, nhằm ngày 23 tháng Giêng năm 1973, Hòa Thượng đã an lành viên tịch, thọ 55 tuổi đời và 26 tuổi hạ. Sự ra đi của Hòa Thượng đối với Ngài đã tròn nghĩa vụ, nhưng để lại cho hàng Giáo Phẩm trong Giáo Hội bao nhiêu niềm mến tiếc. Hàng Tăng Ni cảm thấy bơ vơ hết chỗ nương tựa, hàng Phật Tử mất đi một bậc Thầy hiền quý kính. Ngôi nhà Đạo Pháp đã thiếu đi một cây Thạch Trụ chống đỡ!

VII.- NHỮNG TRƯỚC TÁC VÀ PHIÊN DỊCH:

Từ năm 1953 đến năm 1965, Hòa Thượng trước tác và phiên dịch rất nhiều tác phẩm làm nền tảng học Phật cho Tăng Ni và tín đồ Phật Giáo. Những danh mục lớn như sau:

a)- Về Phần Trước Tác:

*- Phật Học Phổ Thông (12 quyển)
cũng gọi là Cây Thang Giáo Lý.

*- Bản Đồ Tu Phật (10 quyển)

*- Bài Học Ngàn Vàng (8 quyển)

*- Nghi Thức Tụng Niệm.

*- Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm.

*- Lược Giải Kinh Viên Giác.

*- Phật Học Giáo Khoa các trường Bồ

Đề.

*- Giáo Lý dạy Gia Đình Phật Tử.

- *- 50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo.
- *- Phật Giáo Việt Nam Ngày Nay.
- *- Tám quyển sách quý gồm có:

Tu Tâm, Dưỡng Tánh, Nhân Quả Luân Hồi, Ngũ Đình Tâm Quán, Tứ Diệu Đế, Từ Bi Trong Đạo Phật, Chữ Hòa Bình Trong Đạo Phật, và Năm Yếu Tố Hòa Bình.

- *- Tập Luận.

- *- Sự Tích, v.v...

b)- Về Phần Phiên Dịch:

- *- Duy Thức Học (6 quyển)
- *- Kinh Kim Cang
- *- Tâm Kinh
- *- Luận Đại Thừa Khởi Tín.
- *- Luận Nhân Minh.

Tổng cộng những tác phẩm phiên dịch và trước tác là 80 quyển trong đó chia ra có 8 loại chuyên đề.

VIII.- KẾT LUẬN:

Xuyên qua quá trình tu học và hành đạo của người, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đích thực là một vĩ nhân phi phàm, có ý chí phi thường, có những hành động phi thường, can đảm đứng trước những phong ba bão táp của thời đại, bình tĩnh vượt qua những gian lao thử thách của thời đời, khôn khéo léo lách con thuyền Phật Giáo cập được bến bờ vinh quang. Hòa Thượng đã tô điểm những nét son sáng ngời trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam cận đại.

Ngoài việc suốt đời hy sinh cho đạo pháp, hết mình hiến thân cho đạo pháp và quên mình phục vụ cho đạo pháp, Hòa Thượng còn lưu lại những dấu ấn vĩ đại, trong đó chứa đựng cả công trình bất hủ và cả tâm huyết sâu đậm cho công cuộc chấn hưng Phật Giáo Việt Nam mà chính Ngài đã tạo dựng. Hòa Thượng còn có những di ngôn giáo huấn quý giá trong đó có một di ngôn xứng đáng khuôn vàng thước ngọc cho chúng ta chọn lấy làm phương châm lãnh đạo: "Gánh vác Phật sự là việc tốt, nhưng khi lãnh nhiệm vụ lớn, phải tự xem mình như đứa con nít. Dù bị người chê khen khinh trọng vẫn không nao núng. Đừng nhớ mình có chùa to, có đệ tử nhiều, gặp việc trái ý là xách gói về chùa. Tâm niệm được như thế, mới nên đảm đang đại sự." Điều đặc biệt, con người của Hòa Thượng tràn đầy tâm lòng bao dung, hòa ái, khiêm cung trong mọi lãnh vực hoạt động, nhưng rất cương nghị trong đường lối lãnh đạo và sáng suốt chỉ đạo theo đúng mục tiêu mà Hòa Thượng đã vạch ra, dù khó khăn đến mấy cũng quyết thực hiện cho được thành công. Và Hòa Thượng đã thành công rực rỡ trong tiến trình thực hiện sứ mạng của một sứ giả Như Lai, để lại cho đời sau một niềm kính mến vô biên và mãi mãi khắc ghi trong lòng ơn đức sâu dày của Hòa Thượng.

MÙA THU ĐỢI CHỜ

*Chiều về đêm lá vàng rơi,
Bầy mùa lá rụng chưa vơi nỗi buồn. (1)
Bâng khuâng gợi nhớ tình thương,
Người đi kẻ ở ai buồn hơn ai ?
Mong chờ từng tháng từng ngày,
Gia đình sum họp tương lai vững bền.*

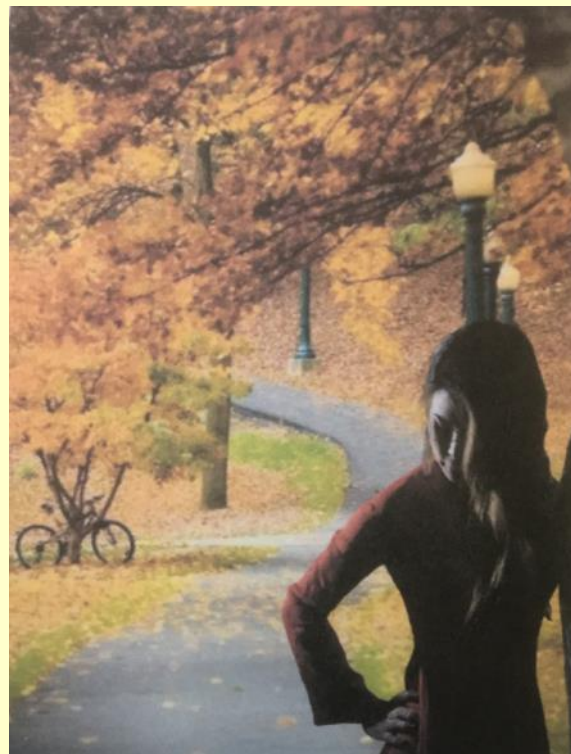
thơ

HOÀNG THỤY DUNG

Dallas, August 2017

(Riêng tặng Nguyễn Ngọc Chánh & Hoàng Yến)

*(1) Nhớ lại năm xưa sau bảy năm gia đình
đợi chờ ngày đoàn tụ từ trại cải tạo của
người bạn hữu cố tri Nguyễn Ngọc Chánh
khi trở về đúng ngày mùa thu lá vàng rơi.
Hôm nay, từ khung trời Dallas lá vàng lại
rơi, nhớ chuyện xưa tức cảnh thành thơ.*



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

DR. EDWARD CONZE (1904-1979)

Sinh ngày 18-03-1904 tại Forest Hill, Luân Đôn (Anh Quốc), con của ông lãnh sự Đức quốc và cháu nội của ông Gottfried Conze (1831-1916) theo đạo Thiên Chúa. Sau một năm rưỡi ra chào đời tại nước Anh, sau đó E. Conze được mang về Đức để chăm sóc nuôi dưỡng. Thời niên thiếu, ông theo học tại các trường tiểu học, trung học ở Volksschule cũng như Gymnasium và luôn luôn đứng đầu lớp. Đặc biệt ông có khiếu về ngôn ngữ học, biết được 14 thứ tiếng khi ông chỉ mới 24 tuổi.



Năm 1914 khi thân sinh E. Conze sang tham dự chiến trận tại Nga trong cuộc thế chiến thứ nhất với cấp bậc đại úy pháo binh, E. Conze được gửi vào học trường công lập của Dr. Herman Lietz (1868-1919) tại Harz và Thuringia (miền đông nước Đức). Trong thời gian này ông có dịp học tiếng Anh và dự tính tương lai lớn lên sẽ trở về Anh quốc.

Thời gian sống ở Đức ông không cảm thấy thoải mái lắm vì bấy giờ nhà cầm quyền xứ này đang theo đuổi chủ nghĩa quân phiệt phát xít, khắp nơi đầy lính tráng ồn ào. Bản tính ông không thích sát sanh hại vật hay nhìn thấy cảnh chiến tranh giết chóc, còn thân phụ của ông lại thích săn bắn và muốn tập luyện hướng dẫn ông đi vào con đường tạo nghiệp sát này. Một hôm cả hai cha con vào rừng gặp thấy một con nai, thân phụ đưa súng bảo ông nhắm bắn, nhưng ông lấy súng bắn lên trời và con nai chạy thoát. Thấy vậy, thân sinh ông rất bức mình.

Năm 13 tuổi, E. Conze bắt đầu kết duyên với Phật Giáo nhờ đọc được trong tủ sách của thân phụ ông một bản dịch tiếng Đức tác phẩm "Gleanings in Buddha Fields" (*Những Kiến Thức về Phật Giáo*) của Lafcadio Hearn. Sau này, E. Conze vào học luật ở đại học Tuebingen (Tây Đức) rồi đổi sang học ngôn ngữ học tại đại học Heidelberg, ở đây ông có dịp nghiên cứu thêm về Phật Giáo nhất là thiền Nhật Bản và luận A Tỳ Đạt Ma (Abhidhamma).

Kế tiếp, E. Conze di chuyển đến Cologne (tức Köln), tại đây có phân khoa triết nổi tiếng nước Đức. Ngày 28-07-1928, ông tốt nghiệp tiến sĩ Triết Học (Ph.D) với luận án: "The Concept of Metaphysics in Francisco Suarez (1548-1617)" (*Quan Niệm Siêu Hình Học của Triết Gia Tây Ban Nha F. Suarez*) mà về sau nó được nhà xuất bản Felix Meiner ấn hành tại Leipzig (Đông Đức). Từ Cologne ông lại dời đến Bonn để học tiếng Phạn (Sanskrit) với giáo sư Walten Ruben.

Vào những năm từ 1928 đến 1932, E. Conze đã dành hết thời giờ để viết tác phẩm: "The Principle of Contradiction" (*Nguyên Tắc của sự Mâu Thuẫn*) mà nó được xuất bản vài năm sau đó. Ngày 15-06-1933, vì chán ghét nước Đức, ông trở lại Anh quốc vào lúc trong túi chỉ còn 4 Anh kim. Mặc dù mang thông hành của chính phủ Anh (ông đã xin tái nhập quốc tịch Anh từ năm 1924) nhưng E. Conze vẫn gặp khó khăn như mọi người Đức khác đang sống tại đây vì dân chúng Anh bấy giờ không có cảm tình với những người Đức theo chủ nghĩa quân phiệt. Thời gian đầu ông vất vả phải đi kiếm sống bằng nghề dạy tiếng Đức. Sau này nhờ sự tận tình giúp đỡ của cô học trò Ellen Wilkinson (1891-1947) và giáo sư R. H. Tawney, ông vào làm việc ở ban dạy bổ túc cho sinh viên của đại học Luân Đôn (London).

Sau đó, E. Conze bắt đầu trở lại chủ tâm nghiên cứu Phật Giáo nhờ đọc các sách Phật học của thiền sư Nhật D. T. Suzuki, học giả Har Dayal và bác sĩ Graham Howe, nhà tâm lý học mà ông gặp ở Hội Phật Giáo (The Buddhist Society) tại Luân Đôn. Nhân dịp này ông cũng được quen biết với đạo hữu Christmas Hum-

phreys bấy giờ là hội trưởng của Hội. Tháng 01 năm 1952, E. Conze dọn đến ở nhà số 9 đường Ladbroke Square tại Luân Đôn. Trong thời gian này ông bắt đầu tham gia giúp Hội Phật Giáo, nhận giữ chức Phó Hội Trưởng do lời mời của đạo hữu Christmas Humphreys và thường viết bài cho tạp chí "The Middle Way" (Trung Đạo), tiếng nói chính thức của Hội.

Năm 1954, E. Conze nhận dạy môn triết học (chương trình ba năm) tại trường đại học ở Halborn, Anh quốc. Vào những năm 1963-1964, giáo sư Richard Robinson, khoa trưởng phân khoa Ấn Độ Học (Indian Department) tại đại học Wisconsin, Madison (Hoa Kỳ) mời ông qua làm giáo sư đặc biệt phụ trách dạy lớp học gồm có 19 sinh viên tiến sĩ Phật Học. Ngày 15 tháng 6 năm 1968 từ Seattle (Hoa Kỳ) ông vượt biên giới đến Vancouver, tỉnh British Columbia, Gia Nã Đại (Canada). Sau đó ông tới thăm giáo sư Spellman tại đại học Windsor, Ontario (Canada) rồi tiếp viếng đại học Toronto, và từ đây ông đáp máy bay trở lại Luân Đôn (Anh quốc).

Mùa thu năm 1969, do lời mời của giáo sư Hamn, E. Conze đến Bonn (Đức quốc).

Nhân dịp này ông ghé thăm nhà Phật Học trứ danh E. Lamotte (1903-1983) tại Louvain, nước Bỉ (Belgium). Qua năm 1970, E. Conze bị bệnh thoát tràng (hernia) phải vào nằm giải phẫu tại bệnh viện St. Johannes ở Bonn (Đức) và nghỉ tĩnh dưỡng mất 9 tháng. Sau khi bình phục, ông trở sang Berkeley, California (Hoa Kỳ) trên chuyến tàu thủy "Oriana". Nhờ sự giúp đỡ của trung tâm Thiền tại San Francisco, ông lưu lại làm giáo sư dạy ở phân khoa nghiên cứu tôn giáo (Department of Religious Studies) đại học Berkeley từ tháng 12 năm 1972 đến tháng 4 năm 1973, E. Conze trở về Anh quốc bằng tàu thủy và sống tại đây cho đến ngày ông qua đời vào năm 1979.

Những Đóng Góp Cho Nền Văn Hóa Phật Giáo Của Dr. Edward Conze

Có thể nói E. Conze là một trong những học giả Tây Phương đã trước tác, dịch thuật nhiều kinh sách Phật Giáo đại thừa, đặc biệt ông chuyên nghiên cứu về kinh Đại Bát Nhã. Dưới đây là một số kinh sách căn bản do ông trước tác, dịch thuật:

1. Buddhism, Its Essence and Development (*Tinh Hoa và Sự Phát Triển của Phật Giáo*), xuất bản lần đầu tiên tại Oxford (Anh quốc) năm 1951, đã tái bản vào những năm 1953, 1957, 1962 và được dịch ra tiếng Pháp (năm 1952), Đức ngữ (1953), tiếng Ý (1955), Hòa Lan (1971), Nhật (1975), Tây Ban Nha (1978 và Việt ngữ do giáo sư Nguyễn Hữu Hiệu dịch, Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản tại Sài Gòn 1969).

2. Buddhist Texts Through The Ages (*Kinh*



Dr. Conze with D.T. Suzuki standing outside the London Buddhist Society.

Điển Phật Giáo qua các Thời Đại) chung soạn với các học giả: bà I.B. Horner; ông D.L. Snellgrove và A. Waley, xuất bản tại Luân Đôn (London) năm 1954; tái bản tại Hoa Kỳ năm 1964, được dịch ra Đức ngữ năm 1957.

3. Selected Sayings From The Perfection of Wisdom (*Trích Dịch Kinh Đại Bát Nhã*), xuất bản tại London (Anh quốc) năm 1955, tái bản năm 1968, 1975.

4. Buddhist Meditations (*Thiền Định Phật Giáo*), xuất bản tại London năm 1956, tái bản năm 1959, 1968 và 1972; được dịch ra tiếng Ý "Meditazione Buddhista" ấn hành tại Rome năm 1977.

5. Vajracchedika-Prajnaparamita: Ed. and Transl. with Introduction and Glossary (*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh: Dịch Giải với Lời Giới Thiệu và Bản Kê các Thuật Ngữ*), ấn hành tại Rome (nước Ý) năm 1957, tái bản năm 1974.

6. Buddhist Wisdom Books: The Diamond Sutra, The Heart Sutra (*Những Bản Kinh Trí Tuệ của Phật Giáo: Kinh Kim Cang, Kinh Bát Nhã*), xuất bản tại London năm 1958; tái bản năm 1966, 1970, 1972, 1975; dịch ra tiếng Ý, ấn hành tại Rome năm 1976.

7. Astasahasrika Prajnaparamita: Transl. The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Slokas (*Kinh Đại Bát Nhã với 8.000 Bài Kệ*), xuất bản tại Calcutta (Ấn Độ) năm 1958, tái bản năm 1970.

8. Buddhist Scriptures (*Kinh Điển Phật Giáo*) xuất bản năm 1959, tái bản năm 1960, 1966, 1968, 1969, 1971, 1973 và 1975; đã dịch ra tiếng Ý "Scritture Buddhiste" ấn hành tại Rome năm 1973.

9. The Praj na paramita Literature (*Văn Học Bát Nhã*) xuất bản năm 1960, tái bản tại Tokyo (Nhật Bản) năm 1978.

10. A Short History of Buddhism (*Lược Sử Phật Giáo*) xuất bản tại Bombay (Ấn Độ) năm 1960, tái bản tại London năm 1979.

11. Buddhist Thought in India (*Tư Tưởng Phật Giáo tại Ấn Độ*) xuất bản tại London (Anh

quốc) và Ann Arbor (Hoa Kỳ) năm 1962.

12. Materials for a Dictionary of the Prajnaparamita Literature (*Những Tài Liệu cho cuốn Tự Điển về kinh Đại Bát Nhã*), xuất bản tại Tokyo (Nhật Bản) năm 1967, tái bản năm 1973.

13. Thirty Years of Buddhist Studies (*Ba Mươi Năm Nghiên Cứu Phật Giáo*), xuất bản tại Oxford (Anh quốc) và South Carolina (Hoa Kỳ) năm 1968.

14. Further Buddhist Studies (*Khảo Cứu về Phật Giáo*), xuất bản tại Oxford (Anh Quốc) năm 1975.

15. Buddhist Studies (*Nghiên Cứu Phật Học*) xuất bản tại San Francisco (Hoa Kỳ) năm 1977.

Dr. Edward Conze mất ngày 8 tháng 10 năm 1979 tại Sherborne (Anh quốc), hưởng thọ 75 tuổi. Sự ra đi vĩnh viễn của giáo sư như nhà Phật Học Christmas Humphreys, nguyên hội trưởng Hội Phật Giáo tại Luân Đôn (London) bấy giờ đã phát biểu: "Phật Giáo Tây Phương và riêng hội Phật Giáo ở đây thực sự đã mất đi một trong những học giả Phật Giáo xuất sắc nhất của thời đại ngày nay; một người với kiến thức sâu rộng, quảng bác và là một Phật tử chân thành hiếm có trong số những người bạn đạo của ông ta" (With the death of Dr. Edward Conze Buddhism in the West and the Buddhist Society in particular has lost one of his finest scholars of modern times: a man of profound learning, complete integrity and - rare among his brethren - an avowed Buddhist).

Còn giáo sư Ninian Smart đã viết: "E. Conze là một học giả Phật Giáo lỗi lạc nhất tại Anh quốc và rất nổi tiếng đối với thế giới Tây Phương. Lý do bởi ông ta đã mang đến cho một số người ở các quốc gia Châu Âu sự hiểu biết về Phật Giáo đại thừa, đặc biệt là tư tưởng thâm huyền của kinh Bát Nhã. Anh quốc từ lâu đã có những học giả uyên bác về truyền thống Phật Giáo Nam Tông (Nguyên Thi) như Rhys Davids và I. B. Horner; giờ đây Edward Conze đã đóng góp thêm vào xứ này tinh hoa của nền Phật giáo đại thừa, thật là một điều vô cùng quý báu".

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TỌ LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



NƠI ẤY

Sống giữa tháng ngày bận rộn
Không đón bình minh thì tôi ngắm hoàng hôn
Đời nhọc nhằn vất vả mưu sinh
Và nhiều khi rắc rối chuyện ân tình
Tôi thấy mình hình như chưa đủ lớn
Có đôi khi hành xử thật đại khờ
Để qua rồi sanh lòng hối hận
Phước mỏng tài sơ nên đời lận đận
Không đủ khôn ngoan đối đãi giữa hồng trần
Nhưng may mắn tôi tin vào Phật Pháp
Nhân quả thâm sâu nào đâu phải một ngày
Dù thế nào cũng phải sống tốt hôm nay
Giữa ca làm giữ nhiếp tâm chánh niệm
Có đôi khi lòng chợt sanh hoan hỷ
Thương con người và muôn loài,
òng tăng trưởng từ bi
Thật đại khờ đầu đá để mà chi
Khi mạng sống pháp phòng giữa làn hơi thở
Tôi đang sống những tháng ngày cách trở
Phương trời này thương nhớ nẻo quê xa
Nơi ấy còn người thân, bè bạn, mẹ cha...
Nơi ấy là quê hương nguồn cội
Mình thấy khổ và mang nặng cái tôi
Dù biết vậy nhưng hai phương trời xa diệu vợi
Tháng ngày qua mau không thể nào chờ đợi
Dem yêu thương làm việc lợi cho đời
Việc cần làm phải làm lẹ đi thôi
Để một mai ra đi không còn chi hối tiếc
Một sáng mùa thu ở miền ôn đới
Viết bài thơ hoan hỷ tạ ơn đời
Nguyễn sống sao cho trọn một kiếp người
Để một mai cát nọ cười mãn nguyện.

thơ

DU TÂM LĂNG TỬ

Át Lăng thành, 10/2017

NHÃN NHỤC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Nhẫn nhục là nguồn nước mát rửa sạch tâm sân hận, giải trừ giặc phiền não thành tựu phẩm hạnh Bồ Đề.

Công chúa Thuần Nhẫn con của vua Ba Tư Nặc là một người con nết na hiếu hạnh nhẫn nhục ít ai bì. Có điều nàng là đứa con gái trời bắt xấu, xấu đến nỗi hàng vương tôn công tử phải tìm cách xuất du hoặc lo lập gia đình sớm vì sợ nhà vua ép làm phò mã. Tiếng đồn về nhan sắc và đức hạnh của nàng bay xa. Có một vị hoàng tử nước láng giềng tên gọi là Trọng Đức đến xin cưới nàng làm vợ. Vua Ba Tư Nặc cầm tay người rể quý, cảm động và bày tỏ cảm kích của ông với chàng. Người đã vì đức mà gia ân thương lấy con ông.

Chàng rất thương Thuần Nhẫn và ngược lại nàng yêu kính chiều chuộng chàng. Ấy thế nhưng đi đến đâu, hay ở bất cứ chỗ nào chàng cũng nghe người ta đàm tiếu, chỉ trỏ vào chàng mà cười cợt như thấy một quái vật. Chàng cảm

thấy danh dự bị tổn thương và không chịu đựng nổi nên định ly dị vợ.

Thuần Nhẫn đã lâu thấy mỗi khi đi đâu về chồng nàng cũng có những nét buồn sâu xa. Nên nàng thường hướng vào huyệt không thành tâm đánh lễ tam bảo. Một lòng chân thành sám hối những tội lỗi tiền kiếp. Lòng chí thiết của nàng cảm động đến chư thiên. Trời Đế Thích thị hiện thần thông cải sửa dung mạo của nàng thành một người tươi đẹp vô cùng.

Khi Trọng Đức ôm ý tưởng về nhà tỏ bày sự quyết chí ly dị của mình cùng nàng. Như thường lệ nàng ra cời áo mào cân đai cho chồng. Trọng Đức ngơ ngàng trước nhan sắc của nàng. Hỏi ra mới biết sự nhẫn tín kính tam bảo của nàng có công nàng cải sửa vóc dáng hình hài nàng từ

xấu ra tốt. Trong một lần vui đùa nàng nhắc nhở chàng “Nên trọng đức, đừng nên trọng sắc.”

Chuyện đã xảy ra từ đời vua Ba Tư Nặc, cách nay đã hơn 2500 năm. Ấy mà tên công chúa Thần Nhẫn vẫn khắc ghi trong tâm hồn những Phật tử mến mộ Đức Hạnh.

“Tướng của đức không quyến rũ như sắc của tà nhưng thấm đượm khuyến dụ cải sửa được xã hội cùng con người.”

Sắc là tà lỗi cuốn cảm dỗ ta vào tội lỗi khổ đau. Đức và ta có ngay trong lòng mỗi người.

Hãy nhắc nhở nhau trọng đức thì mới thật sự viên ly khổ ách. Sân si là nguồn của tội lỗi làm cháy kho tàng tích tụ công đức. Phải thận trọng giữ gìn lắm vậy.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—
Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)





THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

(Phật Pháp Thứ Năm — tài liệu tu học của GDPTVN)

Thập nhị nhân duyên chỉ là một bài giảng nói về 12 nguyên nhân của sự luân hồi và đau khổ; chứ không phải là một lý thuyết về nguồn gốc của đời sống hoặc trình bày tiến hóa từ khởi thủy của vũ trụ.

I. Định nghĩa:

Nhân là do bởi hay tùy thuộc vào, duyên là phát sinh hay căn nguyên. Nhân duyên cũng có nghĩa là duyên sanh hoặc duyên khởi.

1. Duyên sanh: Chỉ cho sự vật khi đủ duyên thì được phát sanh.

Thí dụ: Cái tượng là do đủ các duyên như vật liệu, nước, ánh nắng mặt trời, nhân công...

2. Duyên khởi: Chỉ sự quan hệ, sanh khởi của sự vật. Sự vật sanh khởi đều có quan hệ và làm duyên sanh khởi cho nhau.

Thí dụ: Cây cam có quan hệ với hạt giống cam. Cây cam là duyên sanh khởi cho trái cam.

II. Hành tướng:

Mười hai nhân duyên là: Vô minh (Avijja), Hành (Sankhara), Thức (Vinnana), Danh sắc (Nama Rupa), Lục nhập (Salayatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedana), Ái (Tanha), Thủ (Upadana), Hữu (Bhava), Sanh (Jati) và Lão tử (Jara-marana).

1. Vô minh: Mê lầm, tối-tăm, không sáng suốt. Đối với ngoại cảnh, không nhận chân được thực tướng của chúng là giả dối, là vô thường. Đối với nội tâm, không nhận chân được tự tâm là thanh tịnh, luôn luôn quay cuồng theo vọng tâm phân biệt (ý thức). Vô minh là nguyên nhân đầu tiên tạo nên mọi khổ đau cho nhiều đời nhiều kiếp.

2. Hành: Hành động, chỉ cho những nghiệp lực của phiền não. Vì vô minh nên khiến Hành phát sanh - gồm thiện và ác. Những hành động dù tốt hay xấu vẫn tạo nên kết quả, dẫn đến sự kéo dài cuộc sống luân-hồi.

3. Thức: Vọng thức phân biệt. Do Vô minh và Hành kết thành những sự phân biệt, hiểu biết sai lầm. Vì hiểu sai lầm nên chấp có năng (mình) và sở (ngoại vật). Do sự chấp sinh ra lòng bảo thủ thân mạng; và những tâm niệm vui, buồn, thương ghét... cũng do đó mà sinh ra. Thức là một trong ba điều kiện cần yếu (thọ, noãn, thức) để thọ thai và tạo thành thân mạng.

4. Danh sắc: Danh sắc là cấu tạo của loài hữu tình khi còn ở thai tạng. Nhờ có tâm thức (danh) và tinh cha huyết mẹ (sắc) hòa hợp

nương tựa vào nhau nên thai chất mới dần dần sanh trưởng, không bị tiêu diệt.

5. Lục nhập: Sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) của người mẹ tiếp nhận và truyền vào nuôi dưỡng, do đó thai mới sống và sanh trưởng.

6. Xúc: Sau khi thai ra đời, các giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với ngoại cảnh (trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Nhưng vì còn nhỏ, các giác quan còn yếu, chưa thể tiếp nhận và phân tích một cách đầy đủ và tinh-tế, nên gọi là xúc.

7. Thọ: Lãnh thọ. Bây giờ đứa bé đã biết tiếp thọ ngoại cảnh một cách tiến bộ hơn. Biết tủi khóc trước những điều trái ý, vui cười trước những cảnh vừa lòng.

8. Ái: Tham ái. Chính thọ đã sinh ra lòng tham ái. Đắm say trước những gì tốt đẹp ưa thích, ruồng bỏ những gì xấu xa, chán ghét.

9. Thủ: Dành giữ lấy. Lòng tham đắm trước những gì tốt đẹp ưa thích nên cố dành giữ lấy. Đây là nhân của bao nhiêu tội lỗi.

10. Hữu: Hậu hữu. Do ái và thủ làm nghiệp nhân, nên tiếp nối thọ sanh thân hậu hữu để chịu những quả báo đau khổ trong ba cõi.

11. Sanh: Sanh mạng. Chỉ chung cho sự cấu tạo của loài hữu tình (tâm và sắc); trong ấy

gồm cả tinh thần (tâm lý) và thể chất (vật lý). Sống trong một thời gian tùy theo hạnh nghiệp của sinh mạng quyết định.

12. Lão tử: Lão là chỉ cho giòng sinh mệnh đã hầu tàn. Tử là chết, là kết thúc giòng sinh mạng của một đời người.

Suy nghiệm lý thập nhị nhân duyên theo chiều ngược lại ta sẽ hiểu rõ vấn đề hơn:

Lão và tử chỉ có thể ở trong và với một cơ thể tâm lý. Một cơ thể như thế cần có sự sanh ra (sanh), cho nên có thể bao hàm sự sanh trong đó. Mà sanh là kết quả của hành động hay nghiệp quá khứ (Hữu).

Nghiệp phát sanh do Thủ và Ái. Ái chỉ phát sanh khi có Thọ; và Thọ là kết quả của sự tiếp xúc sáu căn và sáu trần (Xúc và Lục nhập). Sáu căn không thể có nếu không có Danh và Sắc.

Danh sắc lại do Thức phát sanh. Thức do kết quả của các việc làm tốt hoặc xấu. Hành động tốt xấu bắt nguồn từ Vô minh, vì không

nhận chân được thực tướng của vạn hữu. Đó là tập hợp toàn bộ tạo nên sự khổ đau.

III. Phân loại:

1. Hoặc: Chỉ trạng thái mê-mờ của tâm lý, nên nhận định nội tâm, ngoại cảnh rất sai lầm, không sáng suốt. Vô minh, ái, thủ là phản ảnh của tâm lý này.

2. Nghiệp: Những hành động sai lầm phát ra ở thân, tâm. Hành và hữu là phản ảnh của những nghiệp động tác này.

3. Khổ: Quả báo đau khổ do Hoặc và Nghiệp gây nên. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử thuộc về quả báo khổ này.

IV. Công năng:

1. Muốn chấm dứt luân hồi sanh tử phải đoạn trừ quả báo hiện tại và tương lai. Muốn đoạn trừ quả báo hiện tại và tương lai phải đoạn trừ vô minh, hành, ái, thủ, hữu.

2. Khi nhận định sáng suốt và có công tu tập để đoạn trừ các nghiệp nhân hữu lậu thì không còn bị trôi lăn trong giòng sanh tử và tri giác sẽ được phát hiện hoàn toàn.

V. Phật tử với 12 nhân duyên:

1. Giáo pháp 12 nhân duyên giúp ta hiểu rõ sự thật của sự vật. Về không gian, sự vật chỉ là sự hòa hợp của tâm lý và vật chất; về thời gian sự vật chỉ là sự nối tiếp giữa quá khứ và tương lai. Vì thế, sự vật không phải là một bản thể cố định và đơn độc.

2. Hiểu rõ nghiệp nhân căn bản tạo thành sinh mạng và nhận rõ những sự thay đổi của sinh mạng từ quá khứ đến tương lai.

3. Sự vật không phải do tạo hóa, tự nhiên hay vô nhân mà có; trái lại, sự vật đều do nhân duyên sanh khởi, tồn tại và biến diệt. Thấy rõ sự thật của sự vật là vô thường, vô ngã thì có thể trừ bỏ được vọng tâm tham muốn. Hiểu rõ những nghiệp nhân căn-bản tạo thành sinh mạng thì có thể chuyển đổi được nghiệp quả xấu xa. Khi nhận rõ sự vật chỉ là biến trạng của nhân duyên thì có thể cải tạo được đời sống đầy đau khổ thành an vui tự tại.

Là Phật tử, chúng ta cần nghiên cứu, quan sát và chuyên tâm tu tập, đồng thời khuyến khích mọi người nghiên cứu, quan sát và tu tập như mình, để cùng thoát ly sự sống chết luân hồi và được giải thoát an vui.

*(Tài liệu học tập của GDPTVN,
Bác Chánh Thiện)*

Mặt Nạ Của Cái Ác *Die Maske des Bösen*

thơ BERTOLT BRECHT



Bertolt Brecht (1898 – 1956) là nhà thơ, đạo diễn sân khấu người Đức, một trong những kịch tác gia có tầm ảnh hưởng nhất thế kỷ 20. Sinh tại Augsburg ngày 10. 2. 1898. Ông từng là quân y phục vụ trong Thế chiến thứ nhất. Năm 1922, Bertolt Brecht nhận giải thưởng Kleist cho vở kịch đầu tay "Tiếng trống trong đêm". Năm 1933, ông di cư sang Tiệp Khắc, rồi đến Pháp, Đan Mạch, Phần Lan và Mỹ (California). Năm 1947, Brecht trở về Zurich, Wien và sau đó sang Đông Đức. Ông mất tại Berlin ngày 14. 8. 1956 và được mai táng tại nghĩa trang Dorotheen.

MẶT NẠ CỦA CÁI ÁC

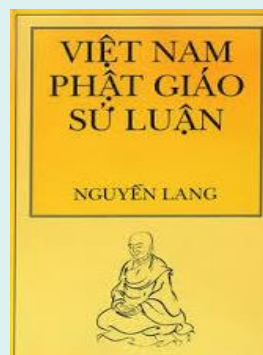
*Trên tường nhà tôi có treo một món đồ gỗ kiểu Nhật
Mặt nạ một Ác quỷ, phết sơn vàng.
Đây thương hại tôi nhìn
Những đường gân gỗ lên trên trán, chứng tỏ
Làm ác thật nhọc sức dường nào.*

Pháp Hoan dịch từ nguyên tác tiếng Đức

SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



Kỳ 4
(Tiếp theo số trước)

CÔNG TÁC TRÙNG SAN NHỮNG TÁC PHẨM PHẬT HỌC LÝ TRẦN

Như đã nói, vì rất có ý thức về một nền Phật Giáo dân tộc nên thiền sư Chân Nguyên đã khuyến khích môn đồ gắng sức phục hưng các tác phẩm Lý Trần. Ông đã trùng khắc Thánh Đẳng Lục và trước tác sách Thiền Tông Bản Hạnh. Sau đây ta hãy xét về công tác trùng san những tác phẩm khác tiếp theo sau đó.

Thuyền Uyển Tập Anh Ngũ Lục

Như đã nói trong chương bốn, sách này do công phu nhiều người biên soạn, bắt đầu từ đời Lý. Trong số những người có công ta phải kể đến thiền sư Thông Biện, thiền sư Thường Chiếu, Thiền sư Thần Nghi và thiền sư Ấn Không. Bản in cổ nhất còn lại là bản in năm 1715 do thiền sư Như Trí thực hiện. Bản in năm 1859 do Phúc Điền thực hiện có ghi là in theo bản cũ chùa Tiêu Sơn. Bản cũ chùa Tiêu Sơn có thể là bản in năm 1715 của Như Trí. Ta biết rằng Chân Nguyên tịch 1726, vậy sách *Thuyền Uyển Tập Anh* đã được trùng khắc trong khi ông còn sống. Thiền sư Như Trí có thể là pháp tử của thiền sư Chân Nguyên, nếu không thì cũng là pháp đệ tử của thiền sư này. Điều lạ là tại sao ông không đến nhờ Chân Nguyên hiệu đính và đề tựa cho cuốn sách trước khi khắc bản mà lại đi nhờ một nhà nho không mấy thông hiểu về Phật học. Hay tại chùa Tiêu Sơn ở huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh xa cách chùa Long Động ở Yên Tử chăng?

Sau đây là một đoạn trích trong bài tựa của nhà nho kia mà tên tuổi cũng không còn được giữ lại:

"Sau buổi giảng dạy ở Chiên đường, tôi thấy một thiền giả đến đàm luận về đạo Phật. Những chuyện chúng tôi đàm đạo đều thuộc về những vấn đề của đạo Phật như biểu tượng lông rùa sừng thỏ. Rồi lấy trong tay áo ra một cuốn lục tên là *Tập Anh* nhờ tôi xem và khảo đính để tránh những lỗi lầm trước khi khắc in

lại. Thấy trong bộ lục có nhiều vị cao thiền danh tổ, sức học cao viễn, đạo đức linh diệu, bất giác tôi thấy trong lòng nảy sinh ra sự kính phục. Những bậc này đàm luận về Chân Không, thuyết pháp về Giác Ngộ, đề tài vốn không nằm trong phạm vi nghiên cứu của tôi. Nhưng vì Kinh Dịch có nói: "không phải ta hỏi đứa bé mà là đứa bé hỏi ta", cho nên tôi không thể không chiều lòng. Tôi sửa chữa lại những chỗ sai, bổ túc những nơi thiếu sót. Trong vòng mười lăm hôm, bộ lục này lấy lại được văn thể nghĩa lý ngày xưa, như là mặt trăng thêm sáng. Vị tăng lại còn nhờ tôi viết một bài tựa khắc thêm vào đầu sách để làm sáng cho lời Phật dạy. Tôi không tiếc công, liền gọi người nhà mang giấy bút tới và viết những dòng thô sơ này. Vị tăng liền cảm ơn và nhận lấy."

Dưới bài tựa có câu: "Trùng khắc vào một ngày tháng tư năm Vĩnh Thịnh thứ 11, triều Lê," nhờ đó mà ta biết được là sách được trùng khắc năm 1715. Tiếp đó là một danh sách các đệ tử xuất gia và tại gia của Như Trí có lẽ là những người đã có công trong việc trùng khắc. Những đệ tử xuất gia toàn là những sa di: Tính Nhụ, Tính Trung, Tính Kiến, Tính Quán, Tính Huy, Tính Bản. Điều này cho ta biết là vào năm trùng khắc *Thuyền Uyển Tập Anh*, Như Trí chưa có đệ tử nào thọ Tỳ khưu giới, và do đó ông còn đang trẻ, vào khoảng bốn mươi tuổi.

Kế Đẳng Lục

Tên đầy đủ của sách này là *Ngự Chế Thiền Uyển Thống Yếu Kế Đẳng Lục*, sách do thiền sư Như Sơn chùa Hồng Phúc soạn. Sở dĩ có chữ ngự chế là vì sách này được soạn thảo dưới sự bảo trợ của vua Lê Thuần Tông. Sách được khắc bản năm 1734, tám năm sau khi Chân Nguyên viên tịch. Sách viết theo thể tài của sách Ngũ Đẳng Hội Nguyên bên Trung Hoa, nhưng nội dung sách phần lớn chỉ để viết về tiểu sử của những vị tổ sư Ấn Độ và Trung Hoa. Về phái Lâm Tế ở Việt Nam, cách chỉ có tiểu truyện của ba vị thiền sư: Chuyết Chuyết, Minh Lương, và Chân Nguyên. Về phái Tào Động ở Việt Nam, sách chỉ có tiểu truyện của hai vị thiền sư: Thủy Nguyệt và Tông Diễn. Đã vậy,

sách không có nhiều giá trị sử học. Tiểu truyện đã không ghi năm sinh và năm tịch của các thiền sư mà nhiều lúc lại còn ghi chép sai lạc theo kiểu "lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia." Ví dụ đoạn văn đáp sau đây vốn là câu chuyện giữa thiền sư Viên Chiếu (998-1090) và một đệ tử, chép trong sách *Thuyền Uyển Tập Anh* mà Như Sơn lại đưa vào sách *Kế Đăng Lục*, cho là cuộc đối thoại của Chuyết Chuyết và Đà Đà:

- Nghĩa Phật và Thánh khác nhau thế nào?
- Cúc trùng dương dưới đậu

Oanh thực khí đầu cánh

- Đệ tử chưa hiểu
- Ngày quạ vàng chiếu rặng
- Đêm thỏ ngọc sáng soi.

Đoạn đối thoại sau đây vốn là câu chuyện giữa Văn Phong (mất năm 956) và Thiền Hội (mất năm 950), chép trong *Thiền Uyển Tập Anh*, đã được Như Sơn đưa vào *Kế Đăng Lục* để làm cuộc đối thoại giữa Minh Lương và Chân Nguyên.

- Sinh tử đến, làm sao mà tránh thoát?
- Thì tránh vào chỗ vô sanh vô tử.
- Chỗ vô sinh vô tử là chỗ nào?
- Nó nằm ngay trong chỗ sinh tử.

Có lẽ Như Sơn không được đọc sách *Thiền Uyển Tập Anh* cho nên mới phạm những lỗi lầm to lớn trên.

Đến năm 1859, trước khi trùng khắc *Kế Đăng Lục*, thiền sư Phúc Điền thêm vào sách ấy tiểu truyện của năm vị thiền sư Việt Nam nổi dòng Chân Nguyên. Cách thức biên tập của Phúc Điền vượt hẳn cách thức của Như Sơn: Phúc Điền có ghi rõ ngày tháng và chi tiết có liên hệ tới đời sống và sự hành đạo của các thiền sư. Tuy nhiên, Phúc Điền đã không chữa lại những sai lầm mà Như Sơn đã mắc phải, có lẽ vì sợ mang tiếng bất kính đối với một vị tổ sư. Bài tựa sách *Kế Đăng Lục* của Như Sơn không cho ta một dữ kiện lịch sử nào trừ ngày tháng và địa điểm mà bài tựa ấy đã được viết.

Như Sơn soạn *Kế Đăng Lục* tại chùa Hồng Phúc. Một người đệ tử ông là sa di Tính Chúc giúp về việc thẩm duyệt. Hai người đệ tử khác: sa di Tính Phái và Tính Hiến hiệu chính. Ba vị đều là sa di. Điều này cho ta thấy Như Sơn hồi đó chưa có đệ tử thọ giới tỳ kheu, do đó tuổi ông còn độ vào trạc tứ tuần.

Năm 1907, sách *Kế Đăng Lục* lại được chùa Nguyệt Quang ở Đông Khê trùng khắc một lần nữa.

Thánh Đăng Lục

Như đã nói trong chương XVIII, sách này do Chân Nghiêm trùng san năm 1550. Chân Nguyên trùng san lần nữa năm 1705, và Tính



Lương trùng san lại một lần nữa năm 1750, lần này do Tính Quảng đề tựa. Trong bài tựa, Tính Lương nói: "*Ngày xưa, thầy tôi là Tuệ Đăng Hòa Thượng...*" Có thể Tính Lương đã được gặp mặt Chân Nguyên (Tuệ Đăng) lúc ông này còn sống, nhưng Chân Nguyên không phải là bốn sư trực tiếp của Tính Lương. Cũng như Tính Quảng, Tính Lương thuộc về thế hệ của chữ Tính trong bài kệ truyền pháp của Minh Hành, do đó họ phải thuộc về thế hệ đệ tử của thế hệ mang chữ Như, như là Như Hiện, Như Trùng, Như Thị...

Thượng Sĩ Ngũ Lục

Tên đầy đủ của sách là *Trần Triều Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngũ Lục*. Sách này do Pháp Loa biên tập, Trúc Lâm Điều Ngự khảo đính và Trần Khắc Chung đề bạt. Sách được in nhiều lần trong đời Trần. Tuệ Nguyên chùa Long Động núi Yên Tử trùng khắc vào năm 1763, tức là hai năm trước khi thiền sư Như Hiện qua đời. Tuệ Nguyên có viết một bài tựa, nhưng không cho ta biết sách được in lại căn cứ vào bản in nào. Đến năm 1903, sa môn Thanh Cừ chùa Pháp Vũ in lại, chung với sách *Tam Tổ Thực Lục*.

Khóa Hư Lục

Sách này của Trần Thái Tông soạn, được in nhiều lần trong đời Trần. Bản in của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ năm 1943 đã căn cứ trên bản in của chùa Quất Tụ năm 1850; mà bản của chùa Quất Tụ đã căn cứ trên bản in của chùa Hoa Yên như Tuệ Nguyên (người trùng san *Thượng Sĩ Ngũ Lục*), có lẽ hai người là đồng sư với nhau. Vậy có thể là bản in *Khóa Hư Lục* của chùa Hoa Yên được Tuệ Hiện thực hiện vào giữa khoảng thế kỷ thứ mười tám.

Tam Tổ Thực Lục

Phần thứ nhất cả sách này nói về đời Trúc Lâm Điều Ngự, không đề tên người biên tập. Theo nguyên tắc thì Bảo Sát hay Pháp Loa phải là người biên tập phần này, vì họ là người kế thừa của Trúc Lâm Điều Ngự. Pháp Loa là đệ nhị tổ Trúc Lâm.

Phần thứ hai của sách nói về đời Pháp Loa, do thị giả của Pháp Loa là Trung Minh biên tập và Huyền Quang, đệ tam tổ của Trúc Lâm Hiệu đính.

Phần thứ ba của sách, nói về đời Huyền Quang, không biết do ai soạn (59).

Bản in cổ nhất của *Tam Tổ Thực Lục* hiện có là bản in năm 1765, sau ngày Tuệ Nguyên trùng khắc sách *Thượng Sĩ Ngũ Lục* hai năm, chưa rõ là do ai thực hiện. Tự trung, ta có thể nói là người trùng khắc cũng thuộc về môn phái

Trúc Lâm. Sau bản in này là bản in năm 1897, rồi đến bản in năm 1903 do Thanh Cừ chùa Pháp Vũ thực hiện. Bản này được in chung với *Thượng Sĩ Ngũ Lục* và có mang bài tựa của Thanh Cừ.

Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục

Sách này do Hòa thượng Phúc Điền chùa Bồ Sơn thực hiện. Sách này có hai tập: tập thứ nhất in lại sách *Thuyền Uyển Tập Anh*; tập thứ hai gồm có các sách *Tam Tổ Thực Lục*, *Thiền Uyển Thống Yếu Kế Đăng Lục* và một số tài liệu khác mà Phúc Điền gọi là “ngoại khoa tạp lục”(60).

Sách được ấn hành năm 1859. Nhưng trước đó một năm, Phúc Điền đã bổ túc sách *Kế Đăng Lục* với tiểu truyện của năm vị thiền sư phái Lâm Tế. Vì sách *Kế Đăng Lục* có ba quyển cho nên khi cộng với sách *Thuyền Uyển Tập Anh* và *Tam Tổ Thực Lục*, tất cả trở thành năm quyển. Vì vậy bài tựa của Phúc Điền được gọi là *Truyền Đăng Ngũ Quyển Tân Tự* (bài tựa mới của sách *Truyền Đăng Năm Quyển*).

Có thể nói rằng bài tựa này đã được viết sau khi quyển một của *Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục* đã in xong và bản gỗ còn lưu lại chùa Liên Tông. Sau đó gần một năm thì quyển hai cũng được in xong, bản gỗ lưu lại chùa Bồ Sơn. Đầu bài tựa có dòng chữ: “San khắc *Truyền Đăng* thủ Trần gia bản,” có nghĩa là “khắc lại sách *Truyền Đăng* mà sách nhà Trần để đầu,” “sách nhà Trần” đây là *Tam Tổ Thực Lục* vậy.

Sau đây ta hãy đọc vài đoạn trong bài tựa quan trọng này để thấy sự hình thành của *Truyền Đăng Tập Lục*: “Nước ta xưa kia có bộ lục Thiền Uyển tên là *Tập Anh* chép đại khái về các bậc thạch đức cao tăng của ba triều đại. Tuy vậy nội dung lỗ mỗ bất nhất, văn mạch khó phân, cho nên {đã} hiệu đính lại, viết cho rõ ràng để khắc bản ấn hành mà bảo tồn bản cũ, làm thành quyển thượng. Đến Triều Trần, có sách *Thánh Đăng Lục* (61), một quyển ghi chép ba tổ đời Trần, có sự tích nhưng không có hình ảnh. Rồi đến đời Hậu Lê, Như Sơn tổ sư tuân thừa sách *Ngũ Đăng Hội Nguyên*, tuyển thành ba quyển, có hình ảnh có sự tích, từ Phật Uy Âm cho đến bảy Đức Thế Tôn, cho đến bốn mươi bảy vị tổ Tây Trúc và hai mươi ba vị tổ Trung Hoa, cùng pháp phái Lâm Tế tại nước ta, ba vị tổ Chuyết Chuyết, Minh Lương và Chân Nguyên, sau nữa là tông phái Tào Động với hai thiền sư là Thủy Nguyệt và Tông Diễn. Về tông phái Lâm Tế, từ Cửu Sinh thượng sĩ trở về sau chưa được chép vào, do đó lão tăng thuận theo thứ tự truyền đăng, chép tiếp tiểu sử năm vị tổ sư, có hình ảnh và sự tích...(62). Lão tăng đau xót nghĩ rằng ngọn đèn của chư tổ đã sắp tàn lụi, cho nên đem hết tâm lực mình gom góp các lục, từ bộ nói về ba tổ đời Trần, đến bộ nói về hai phái Lâm Tế và Tào Động, gồm cả chân đề và tục đề, làm thành một tập, thêm vào đó

khiến cho pháp được truyền và đèn được nối. Một ngày tháng 11 năm Mậu Ngọ, nhằm năm Tự Đức thứ mười một, thầy giám tự chùa Bồ Sơn pháp danh là Phương Viên và tăng chúng môn đồ xin đem về chùa san khắc. Đêm 13 tháng ấy, thầy giám tự chùa Liên Phái, pháp danh là Thanh Chiêu, nằm mơ thấy một vị thần tăng nói: “Nhờ đại đức hãy cùng đi với tôi tới chùa Báo Thiên xem coi sách *Phật Tổ Thống Kỳ* (63) đã khắc xong chưa?” Thầy Thanh Chiêu đáp: “Bộ sách đã khắc xong, hiện nay bản gỗ được lưu tại chùa Liên Phái”. Vị thần tăng hỏi: “Tôi muốn hỏi bản sách mới soạn để nối vào sách *Thống Kỳ* kia. Bản này đã khắc xong chưa?” Đáp: “Bản này hiện đang để tại Bồ Sơn tự, đang còn khắc bản, chưa xong”. Thầy giám tự thức giấc, sáng ấy tới chùa Báo Thiên kể lại chuyện thần tăng ứng mộng cho tôi nghe. Nghe xong tôi vui mừng quá đổi. Có thần tăng chứng minh, tôi xin tất cả các vị có mặt phát tâm hoan hỷ bình đẳng, đừng sinh tâm hữu vô, đắc thất, thị phi, nhân ngã, tồn vong, bỉ thử, thì lão tăng này rất lấy làm hy vọng vạn lần vậy.

Tự Đức năm thứ mười hai, ngày 30 tháng giêng năm Kỷ Mùi, chùa Bồ Sơn, hòa thượng Phúc Điền, có giới đao và độ điệp soạn; giám tự pháp danh Phương Viên thừa lệnh khắc bản; chương lĩnh binh tình Sơn Tây là Lê Thuận Chiếu pháp danh Đại Tuệ hưng công, môn nhân là Văn Đường vâng lệnh viết ra”.

Bản in *Thuyền Uyển Tập Anh* năm 1715 còn được giữ lại, tự nó cũng được chia làm hai quyển thượng và hạ, Tờ thứ tư có đề chữ quyển thượng và tờ thứ 72 có đề chữ quyển hạ chung (hết quyển hạ). Trong khi *Trùng Khắc Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục* thì lấy toàn bộ sách *Thuyền Uyển Tập Anh* làm quyển thượng; tờ 1 có ghi hai chữ quyển thượng, và tờ 65 có ghi bốn chữ quyển thượng chung tất (hết quyển thượng).

Trong bản in *Thuyền Uyển Tập Anh* năm 1715 còn được giữ lại, người ta cũng đã đóng lộn vào ba tờ vốn thuộc vào *Trùng Khắc Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Lục* quyển hạ. Ba tờ này được đóng chen vào giữa tờ 3 và tờ 4 của sách *Thuyền Uyển Tập Anh*. Có nhiều lý do khiến ta nói vậy. Lý do thứ nhất là ngoài lề mỗi tờ, có dòng chữ: *Thuyền Uyển Truyền Đăng Lục* quyển hạ. (*Thuyền Uyển Truyền Đăng Lục* là tên gọi tắt của *Trùng Khắc Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục*) dùng để in vào lề mỗi tờ, quyển thượng cũng như quyển hạ. Lý do thứ hai là kiểu chữ, giấy in, số chữ mỗi trang và mỗi dòng của ba tờ khác hẳn với *Thuyền Uyển Tập Anh* mà lại giống hệt với *Thuyền Uyển Truyền Đăng Tập Lục* (mỗi trang của *Thuyền Uyển Tập Anh* có 22 dòng, mỗi dòng có 34 chữ, trong khi mỗi trang *Thuyền Uyển Truyền Đăng Tập Lục* có 20 dòng, mỗi dòng 42 chữ). Lý do thứ ba là ba tờ ấy không nằm đúng vị trí của nó trong sách *Thuyền Uyển Tập Anh*, từ hình thức đến nội dung. Về hình thức, ba tờ ấy vốn được đánh số 8, 9, 10,

không thể nằm xen kẽ giữa từ 3 và 4 của sách *Thuyền Uyển Tập Anh*. Về nội dung, ba từ ấy có hình vẽ và tiêu dẫn về ba vị tổ Trúc Lâm đời Trần, không dính dấp với nội dung của *Thuyền Uyển Tập Anh* vốn chỉ chứa đựng những tài liệu về các thiền sư trước Trần.

Xem bài tựa của Phúc Điền rồi xét những điểm vừa nêu đó, ta thấy tác phẩm của Phúc Điền là một tập đại thành của những tác phẩm có tính cách truyền đăng do người Việt sáng tác từ trước tới giờ. Môn phái Trúc Lâm do Chân Nguyên phục hưng đã làm được những công trình đáng kể, trong đó việc trùng san để duy trì những tác phẩm Phật Giáo Lý Trần rất đáng để cho chúng ta biết ơn. Trước họ, ta chỉ thấy có một Lương Thế Vinh đề tựa cho Nam Tông Tự Pháp Đồ (thế kỷ thứ mười sáu) và một Tuệ Tĩnh (64), phiên dịch *Khóa Hư Lục* (nửa đầu thế kỷ thứ mười bảy). Tiếc là những môn đệ của Chân Nguyên đã không tìm ra được những sách như *Nam Tông Tự Pháp Đồ*, *Nam Minh Thiền Lục*, *Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục*, *Đại Hương hải Ấn Thi Tập*... Bình lửa và bàn tay tiêu diệt văn hóa của người Minh đã làm nghèo đi rất nhiều kho tàng văn hóa Phật Giáo Lý Trần để lại.

(60) Xem chương XIV

(61) Để ý: Phúc Điền đã gọi Tam Tổ Thực Lục là *Thánh Đăng Lục*.

(62) Năm vị tổ sư mà tiểu truyện đã được Phúc Điền đưa vào sách *Kế Đăng Lục* là: Như Trừng, Tỉnh Tuyền, Hải Quynh, Như Hiện và Tính Tĩnh. Tuy nhiên ta còn thấy sau đó tiểu truyện của các vị Kim Liên, Tường Quang, Phổ Tính và Tín Kim. Chắc hẳn các tiểu truyện này đã được những vị hậu bối của thiền sư Phúc Điền thêm vào sau này.

(63) Đây là nhằm chỉ sách *Thuyền Uyển Tập Anh*, mà lẽ lẽ biên tập cũng tương tự với sách Phật Tổ Thống Kỷ của Trung Hoa.

(64) Thiền sư Tuệ Tĩnh sinh vào khoảng cuối thế kỷ thứ mười sáu. Sách *Hải Dương Phong Vật Chí* nói ông có pháp tự là Vô Dật, pháp hiệu là Thận Trai. Ông người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông tu ở chùa Hộ Xá, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Ông cũng là một được sư giỏi. Ông là tác giả các sách:

- *Thiền Tông Khóa Hư Ngữ Lục*, bản dịch bằng chữ Nôm

- *Nam Dược Thần Hiệu*

- *Hồng Nghĩa Giác Tử Y Thư*

Bài tựa sách *Thiền Tông Khóa Hư Ngữ Lục* được viết năm 1631 cho nên ta biết ông sinh vào cuối thế kỷ thứ mười sáu. Sách *Nam Dược Thần Hiệu* cũng còn truyền đến ngày nay. Sách *Hồng Nghĩa Giác Tử Y Thư* được tái bản năm 1717 sau khi chúa Trịnh Cương sai các quan ở Nội phủ và Y Viện hiệu đính những chữ viết sai và khắc lần của bản in trước. Người viết chữ để khắc bản in năm 1717 là một thiền sư pháp danh là Pháp Thịnh. Chính sách này cho biết Tuệ Tĩnh ở chùa Hộ Xá. Một phần của sách này được viết bằng Nôm lục bát. Không rõ thiền sư Tuệ Tĩnh tịch vào năm nào. Hiện còn di tích đền thờ ở nguyên quán là làng Văn Thái ở Hải Dương. Dân làng và các làng lân cận còn tiếp tục



BỐN PHƯƠNG QUÊ NHÀ

*Ngày đông lơ hện trời xuân
Cành khô dài tiếng gió ngân giữa mùa
Rộn ràng vạt nắng sau mưa
Vàng hoe một cõi tiền đưa cuối ngày
Ta về tận cuối chân mây
Ngõ ngàng vại cánh hoa bay đầu tường
Ơ con đường vẫn con đường
Dưới bàn chân thấy bốn phương quê nhà
Tròn quanh một bước, nào xa!*

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

trồng những dược thảo do ông chỉ dạy.

Sách *Thiền Tông Khóa Hư Ngữ Lục* hiện có là một bản chép tay, có bài tựa của thiền sư Tuệ Duyên chùa Sùng Quang huyện Giao Thủy viết, đề năm Đức Long thứ ba (1631). Để có một ý niệm về văn dịch của Tuệ Tĩnh trong *Thiền Tông Khóa Hư Ngữ Lục*, ta hãy đọc một đoạn trong "Bài tựa Bốn Núi".

"Nguyên chùng vốn không có tứ đại, chẳng có ngũ âm. Bởi cái không lại tự tính đầy nhuộm vọng tình, vọng tình bèn hóa nên sắc tướng, tuy đã có sắc tướng, sau lại bại hoại về đường chân không; ấy sự vọng tướng là theo tính chân không mà tính chân không lại hóa hiện sắc tướng.

"Quen lấy tính chân không, bèn hóa sinh mọi sắc tướng. Đã trái chứng trong nghĩa vô sinh vô hóa, bèn mới làm chứng sự luân hồi hữu hóa hữu sinh. Trong lòng đã được nghĩa vô sinh vô hóa, ấy thì chứng sau chẳng có hóa lại chẳng có sinh. Bấy giờ chúng mình có làm sự hóa sinh đấy, thì về sau lại phải có sinh cùng có hóa..."

(Nguyên văn của Trần Thái Tông: "Nguyên phủ tứ đại bản vô, ngũ uẩn phi hữu. Do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không; thị vọng tòng không, không hiện vọng, vọng sinh chủng sắc. Kỳ bội vô sinh vô hóa, vĩnh vi hữu hóa hữu sinh; vô sinh hóa tắc vô hóa vô sinh, hữu hóa sinh vô hữu sinh hữu hóa...")

(còn tiếp)

TRÀNG HẠT

Sakya Minh-Quang

Trong Khóa Tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 7 tổ chức tại Chicago từ ngày 20-23 tháng 07, 2017, có một vị Thượng tọa đánh mất một râu chuối trầm hương. Ban tổ chức khóa tu đã phát loa thông báo đại chúng nếu có ai thấy hay nhặt được, xin cho biết hoặc đem gởi lại bàn thư ký cho Thượng tọa. Sau một buổi giảng Pháp, lúc đang đi về phòng nghỉ, một Phật tử tưởng bút giả đánh mất râu chuối nên đến chào, rồi quan tâm hỏi: “Bạch thầy, có phải thầy vừa đánh mất râu chuối?” Bút giả mỉm cười bảo: “Thầy đâu có râu chuối để mà mất!” Vị Phật tử ngạc nhiên hỏi: “Sao thầy tu mà không có râu?” Trả lời: “Thầy tu đâu nhất định phải có râu!” Lại nói thêm: “Có râu hay không thì can hệ gì đến việc tu?” Thấy vị Phật tử này có vẻ nửa hiểu nửa không, nên bút giả liền ứng khẩu đọc bốn câu thơ:

Trên cổ không, mà tay cũng không!

Xưa kia ưa thích “cái lòng vòng”

Bây giờ nhận được “một tâm thẳng”

Ba ngàn thế giới thầy đều không!

Vị Phật tử này nghe xong hoan hỷ, khen hay. Nhưng bút giả lắc đầu, sợ vị này chấp không, nên đọc thêm bốn câu:

Ba ngàn thế giới thầy đều không

Biết chúng sinh ưa “cái lòng vòng”

Phương tiện trang nghiêm vì đại chúng

Công phu chân thực ở trong lòng!

Đọc xong, bút giả cười lớn rồi trở về phòng, chuẩn bị cho buổi giảng tiếp theo dành cho tăng ni cùng với thầy Ân Giao, một giáo thọ người Mỹ đệ tử cố trưởng lão Thích Thiện Ân, một trong những vị thầy đã đặt viên đá đầu tiên cho nền móng của ngôi nhà Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Đối với những ai tri âm, những chia sẻ trên đã quá đủ, có giải thích thêm cũng chỉ dư thừa như vẽ rắn thêm chân. Song đối với những người cần thêm phương tiện dẫn nhập, có lẽ sẽ được phần lợi ích từ những dài dòng văn tự sau đây.

Lần tràng niệm Phật là phương tiện tu tập truyền thống rất quen thuộc với Phật tử theo truyền thống Đại Thừa Đông Á nói chung và Phật tử Việt Nam nói riêng. Nhà thơ Chu Mạnh Trinh khi viếng thăm phong cảnh chùa Hương đã từng ghi nhận:

*Thăm thăm một hang lồng bóng nguyệt,
Chập chờn mây lối uốn thang mây.*

*Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt?*

Lần tràng hạt niệm “Nam-mô Phật”,

Cửa tử bi công đức biết là bao.

Càng trông phong cảnh càng yêu!

(Hương Sơn Phong Cảnh Ca)

Có lẽ tác giả đã thấy những cụ bà, cụ ông... thành kính hành hương, vừa leo lên dốc núi chùa Hương hay leo xuống dốc hang “Nam Thiên Đệ Nhất Động,” vừa lần tràng niệm Phật. Tiếng niệm Phật hòa quyện cùng tiếng suối reo, tiếng chim hót của núi rừng cùng với đoàn người hành hương chiêm bái thánh tích đã tạo thành cái đẹp rất riêng của Hương Sơn. Đây không chỉ là cái đẹp của sông núi hữu tình, mà còn là cái đẹp của lòng từ bi hòa quyện cùng phong cảnh thiên nhiên, chuyển biến con người và cảnh vật trở thành chánh báo và y báo trang nghiêm của tịnh độ nhân gian, ngay trong giờ phút hiện tại!

Lại nữa, lần tràng niệm Phật còn là phương pháp tu tập có kinh điển y cứ. Trong Kinh Mộc Hoạn Tử, đức Phật dạy vua Ba Lưu Ly: “Nếu muốn diệt trừ phiền não chướng và báo chướng, nên râu một trăm lễ tám hạt cây mộc hoạn để thường mang theo mình. Khi đi đứng ngồi nằm hằng luôn chí tâm, không luận tâm ý có tán loạn hay không đều xưng niệm Phật, Pháp, Tăng rồi lần một hạt râu. Lần từng hạt mộc hoạn như vậy, hoặc mười, hai mươi, một trăm, một ngàn, cho đến trăm ngàn vạn hạt. Nếu có thể lần tràng niệm Tam Bảo đủ hai trăm ngàn lần, thân tâm bất loạn, không có quanh co dua nịnh thì khi chấm dứt sinh mệnh sẽ sinh về cõi trời Diệm Ma thứ ba, cơm áo tự nhiên, thường sống an lạc. Nếu lại có thể niệm Tam Bảo được một triệu lần sẽ được đoạn trừ một trăm lễ tám kết nghiệp. Đây mới gọi là ngược dòng sinh tử, hướng đến niết-bàn, dứt hẳn gốc phiền não, được quả Vô thượng.” (1) Như vậy, ban đầu lần tràng là để niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mục đích giúp người tu nhiếp niệm, khiến thân tâm bất loạn nhằm dứt trừ phiền não, nghiệp chướng để hướng đến niết-bàn. Sau này, những hành giả tu pháp môn niệm Phật của Tịnh Độ hay trì chú theo Mật giáo cũng sử dụng tràng hạt để nhiếp niệm.

Về một ý nghĩa nào đó, lần tràng niệm Phật cũng giống như sổ tức niệm Phật, hay mượn việc đếm hơi thở hoặc theo dõi hơi thở vào ra để nhiếp tâm niệm Phật. Đối với hành giả đã có công phu nhất định, hơi thở ra vào chính là tràng hạt tự nhiên tốt nhất, vì nó luôn hiện hữu với ta, không sợ bị thất lạc! Nhưng với hành giả sơ cơ, vì tràng hạt là vật cụ thể, nên giúp người niệm Phật để nhiếp tâm hơn. Mặt khác, đeo tràng hạt như giữ bên mình một pháp khí, luôn nhắc nhở người tu không quên công phu tu tập.

Ngày nay, đối với nhiều người, tràng hạt như một món đồ trang sức, dùng để trang nghiêm thân hơn là trang nghiêm tâm! Cho

nên, họ chú trọng cái đẹp bề ngoài và giá trị vật chất của tràng hạt hơn là cái đẹp bên trong và giá trị tâm linh. Người viết thường nghe nhiều người khoe về xấu chuỗi mình đeo đắt giá hay quý hiếm như thế nào. Như vậy, tràng hạt càng đắt người đeo càng dễ sinh lòng tham và kiêu mạn! Họ lại phải lo lắng gìn giữ và khi mất đi lại càng khổ đau phiền não! Đây thực trái ngược với mục đích của việc sử dụng tràng hạt! Thực ra, tràng hạt không luận quý tiện, chỉ cần chuyên tâm nhiếp niệm, thì mỗi câu niệm Phật đều là tâm kim cương vô giá, là hạt giống thành Phật chắc thực, gieo vào ruộng tâm màu mỡ tín nguyện hạnh của mình!

Hòa thượng Đồng Tuyên đã kể lại một câu chuyện như sau: Một vị Phật tử có xấu chuỗi tràng rất quý hiếm, nên cất giữ rất cẩn thận và thỉnh thoảng lại đem ra khoe với bạn bè. Một hôm, vị này gặp Hòa thượng nên khởi tâm kính mộ, tỏ ý muốn dâng cúng xấu chuỗi cho ngài. Hòa thượng đã từ chối. Vị Phật tử này ngạc nhiên hỏi vì sao ai cũng thích mà ngài lại từ chối? Hòa thượng trả lời: "Cô cho xấu chuỗi này là quý, còn tôi cho lòng không tham là quý. Nếu tôi tham nhận xấu chuỗi quý của cô là tôi đã đánh mất cái quý nhất của mình là lòng không tham!" Đây là câu chuyện thực đáng cho chúng ta suy gẫm để học hỏi!

Cho nên, tràng hạt là một trong những phương tiện giúp người chánh niệm, không quên Phật, không quên Pháp và không quên Tăng, mà không phải nhất định cần có tràng hạt mới có thể niệm Phật, niệm Pháp, và niệm Tăng được. Nói thẳng ra, công phu tu hành nằm ở nơi tâm niệm, mà không phải ở nơi miệng niệm, huống chi tràng hạt là vật bên ngoài? Đây chính là ý mà người viết muốn nói qua bốn câu thơ đầu:

*Trên cổ không, mà tay cũng không!
Xưa kia ưa thích "cái lòng vòng"
Bây giờ nhận được "một tâm thẳng"
Ba ngàn thế giới thấy đều không!*

"Cái lòng vòng" ở đây là hình ảnh của "vòng chuỗi" mà cũng là chỉ cho những phương tiện vòng vo mà mình đã trải qua lúc chưa nhận ra được yếu nghĩa của Phật Pháp. Song cũng nhờ những phương tiện vòng vo ban đầu này, nên hành giả mới có thể:

*Bây giờ nhận được "một tâm thẳng"
Ba ngàn thế giới thấy đều không!*

Nói theo Kinh Pháp Hoa, nếu đức Phật không phương tiện thiết lập ra ba thừa tùy theo căn cơ sai khác, làm sao có thể giúp chúng sinh cuối cùng nhận ra "nhất thừa thực tướng"? Nói cách khác, tuy bảo tu hành gốc tại tâm, nhưng đối với phần lớn chúng sinh, cần hình tượng như tượng Phật, kinh sách v.v... mới nhớ đến Phật và Pháp. Cũng vậy, nhờ miệng niệm và tay lần chuỗi sẽ giúp nhiều người lần lần được thành tựu công phu, bước vào cửa ngõ giải thoát và giác ngộ.

Thuở nhỏ bút giả cũng từng bị thầy bắt học thuộc lòng và hành trì những điều mình không

Tràng Hạt
Trên cổ không, mà tay cũng không!
Khi xưa ưa thích "cái lòng vòng"
Bây giờ nhận được "một tâm thẳng"
Ba ngàn thế giới thấy đều không!

Ba ngàn thế giới thấy đều không
Biết chúng sinh ưa "cái lòng vòng"
Phương tiện trang nghiêm vì đại chúng
Công phu chân thực ở trong lòng!
Sabha Minh-Lương
Khóa tu học Phật Pháp Bảo Mỹ
Chicago 07/22/2017



hiểu được trong truyền thống thiền môn, nhiều lúc nghi ngờ thậm chí bất bình vì sự bất cập này. Nhưng nhờ việc học thuộc lòng và hành trì, càng lớn khối nghi càng vỡ lặn, càng thâm nhập kinh tạng người viết lại càng tri ân thầy đã khai tâm!

Nếu không có căn bản Phật Pháp và công phu huấn luyện trong thiền môn, chỉ đọc hiểu một số lý thuyết bát-nhã tánh không, rồi tự cho mình là Đại thừa liễu nghĩa hay tối thượng thừa mà bài bác người khác là chấp tướng, mắc kẹt ngôn ngữ văn tự v.v..., thì chỉ là tăng thượng mạn, dối mình dối đời! Cho nên Thiền Sư Từ Thọ dạy người mới xuất gia:

Chớ học người ngu nói thoát không
Thoát không nói được cũng như không!
Trong tôi tưởng rằng không ai biết
E rằng khó dấu Mã tướng công! (2)

"Nói thoát không" chính là nói lý suông bát-nhã, đồng với hý luận, thậm chí nói một đàng làm một nẻo, mà không có sự tu hành chân thực. Người như vậy có thể gạt người, gạt đời, nhưng làm sao có thể gạt được luật nhân quả? "Mã tướng công" là hình ảnh ngục tốt đầu trâu mặt ngựa nơi địa ngục theo tín ngưỡng nhân gian, dùng để dụ cho quả báo khổ đau nơi địa ngục!

Cho nên, trước khi hoạt dụng được tuệ giác bát-nhã, thấy tất cả các pháp là không, thì cần phải có "một tâm thẳng." Như vậy, tu hành mới có được lợi ích chân thực. Vậy thế nào gọi là "một tâm thẳng"? Thực ra, căn bản của việc tu hành là cần phải chân thực ngay thẳng. Trong Kinh Di Giáo, trước lúc nhập niết-bàn, đức Phật đã ân cần dặn dò các hàng đệ tử: "Này Tỳ-kheo các ông, tâm dua nịnh trái Đạo! Cho nên phải giữ tâm luôn chân thực ngay thẳng. Nên biết tâm dua nịnh chỉ vì dối gạt người. Người đã vào trong đạo đừng dua nịnh như vậy. Cho nên các ông phải đoạn chánh tâm ý mình, lấy tâm ý ngay thẳng làm gốc của tu hành." (3) Kinh Duy-ma-cật cũng nói: "Tâm ngay thẳng là đạo tràng vì không có giả dối." (4) Đạo tràng là nơi thành đạo của đức Phật. Cho nên, chính "một tâm thẳng" này là chỗ thành đạo của mỗi hành giả!

Lại nữa, nếu giữ được tâm luôn ngay thẳng này, hành giả có thể vượt trên thị phi, thương

ghét, ấm lạnh của tình đời và đi ngược dòng lợi danh của thế tục, đến tận cùng ngọn nguồn của bản giác chân tâm:

*Nhân tình ấm lạnh lợi với danh
Dở người khinh dễ, giỏi lại ganh
Khốn khó ít ai ra tay đỡ
Công thành lắm kẻ khởi tâm giành!
Chim hết vút cung: ân bạc thêch
Cầu qua rút ván: nghĩa lạnh tanh!
Trượng phu "tâm thẳng", hề thương ghét
Hỏi lòng không then, mặc ai tranh!*
(Sakya Minh-Quang-Nhân Tình)

Lại nữa, tuy tu hành lấy tâm ngay thẳng làm cội gốc, lấy trí bát-nhã để dẫn đường, nhưng vì lợi ích căn cơ bất đồng, nên hành giả nhiều khi phải phương tiện tùy duyên, mượn hình tướng trang nghiêm để dẫn dắt chúng sinh. Thực ra, "không" trong Phật Pháp là "không thực có" vì duyên khởi tánh không, mà không phải là "không có", phủ định thế gian. Cho nên nói "Phật Pháp không hoại thế gian pháp" là vậy! Do đó, chỉ cần đừng "chấp thực" thì có không đều vô ngại. Các pháp duyên khởi nên tánh không và vì tánh không nên duyên khởi, bản chất vốn không hai.

*Ba ngàn thế giới thấy đều không
Biết chúng sinh ưa "cái lòng vòng"
Phương tiện trang nghiêm vì đại chúng
Công phu chân thực ở trong lòng!*

Như vậy, chư tôn đức mang tràng hạt là vì đại chúng mà không phải vì chính mình. Cho nên, nhiều vị thiền đức tu hành lâu năm, đạo cao đức trọng mà vẫn cổ đeo tay lần tràng hạt. Đây là các ngài vì lòng từ bi, trang nghiêm pháp tướng, khiến đại chúng sinh tâm hoan hỷ và làm gương nhắc nhở người niệm Phật. Còn công phu của quý ngài nằm ở trong lòng mà không phải ở nơi tràng hạt! Đó cũng là lý do vì sao Hòa thượng Hư Vân, một đại thiền sư nổi tiếng cận đại, vẫn mang chuỗi tràng như hình chụp của ngài cho thấy!

Tóm lại, bút giả đã dài dòng, vẽ rắn thêm chân. Kính mong người đọc trước hết không vì người mà bỏ lời, kể nữa được ý quên lời, để cùng nhau gột rửa thân tâm trong dòng nước pháp thanh tịnh qua lời Phật ý tổ trong mùa an cư kiết hạ.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.
Viết tại Tu Viện Thiện Tướng, Champaign, IL
Sakya Minh-Quang

Đại Chánh Tạng, q.17, kinh 786, tr.726, a20-28. 「若欲滅煩惱障、報障者，當貫木楔子一百八，以常自隨。若行、若坐、若臥，恒當至心，無分散意，稱佛陀、達摩、僧伽名，乃過一木楔子，如是漸次度木楔子，若十、若二十、若百、若千，乃至百千萬。若能滿二十萬遍，身心不亂，無諸諂曲者，捨命得生第三焰天，衣食自然，常安樂行。若復能滿一百萬遍者，當得斷除百八結業，始名背生死流，趣向泥洹，永斷煩惱根，獲無上果。」



SINH NHẬT (3)

*Thức giấc vì làn gió lạnh
Cửa sổ đón nắng ban mai
Đã lâu không còn đếm tuổi
Cuộc đời như cuộc tình dài*

*Nhân nha từ hàng đến quán
Tách trà ấm tình bạn bè
Kể nhau thẳng thắn buồn chán
Từ lâu mình chỉ lắng nghe*

*Giấu chi tóc bạc theo tuổi
Sợi nào là sợi năm xưa
Ký ức không gìn giữ nổi
Kỷ niệm... thời gian đang đưa*

*Nắng gió một ngày dần tắt
An nhiên động một nụ cười
Ấn nghĩa trong đời ghi tạc
Cảm ơn đã được làm người.*

Tháng 12/2017

TÔN NỮ THANH YÊN

Thiền Sư Từ Thọ Dạy Tập Sự Xuất Gia (Từ Thọ Thiền Sư Huấn Đồng Hành), Sakya Minh Quang dịch. Xem Nghi Thức Huân Tu Hằng Ngày.

Kinh Di Giáo, Sakya Minh-Quang dịch, xem Nghi Thức Huân Tu Hằng Ngày.

Đại Chánh Tạng q.14, kinh 475, tr.542, c10. 直心是道場無虛假故

NI GIỚI HOA KỲ GẶP GỠ, TRAO ĐỔI, ĐỂ GIÚP NHAU TU HỌC, HÀNH ĐẠO

Việt Báo



Ni giới gặp mặt cùng chụp hình lưu niệm tại Chùa Bát Nhã, Santa Ana với Nhị Vị Hòa Thượng Thích Nguyên Trí và HT Thích Nguyên Siêu. (Photo VB)

SANTA ANA (VB) -- Một sự kiện rất đáng hoan hỷ là lần đầu tiên tại Hoa Kỳ Ni giới đã có buổi gặp gỡ đạo tình trong tinh thần hòa hợp để cùng nhau trao đổi, thảo luận và tìm cách giúp đỡ lẫn nhau trên con đường hành đạo nơi xứ người, tại Chùa Bát Nhã, Thành Phố Santa Ana, Nam Cali.

Buổi gặp gỡ của chư Ni có sự quang lâm chứng minh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH và Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, vào sáng Thứ Ba, ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ GHPGVNTHK kiêm Trưởng Ban Tổ Chức, đã mở đầu buổi gặp gỡ với lời tuyên bố lý do. Ni Trưởng nói rằng nhờ có sự khuyến tấn của chư tôn Giáo Phàm của Giáo Hội, nên chư Ni mới mạnh dạn đứng ra tổ chức ngày gặp gỡ này. Ni Trưởng cho biết mục đích của buổi gặp gỡ là để nối kết tình pháp lữ, cùng nhau trao đổi kinh nghiệm hoằng pháp, và tìm cách giúp đỡ lẫn nhau để cùng sinh hoạt và phục vụ Đạo Pháp tại Hoa Kỳ. Ni Trưởng nhắc lại chỉ nguyện của người xuất gia là "Phát túc siêu phàm, tâm hành dị tục, thiệu long thánh chủng..." Nên, Ni Trưởng mong muốn

chư Ni tìm ra cách để giúp cho quý Ni có điều kiện nghiên cứu Kinh Luật Luận, học tiếng Anh, học các chuyên ngành để góp phần trong công tác hoằng dương chánh pháp.

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, trong lời đạo từ, nói rằng ước nguyện để chư Ni ngồi lại đã có từ lâu, nhưng cho đến nay mới đầy đủ duyên lành để thực hiện được. Hòa Thượng cho biết rất mong cuộc gặp gỡ lần này chư Ni có thể gạt bỏ tất mọi dị biệt để cùng nhau tìm ra phương thức để nâng đỡ quý Ni về vật chất, chỗ ăn chỗ ở cũng như về mặt tinh thần để có thể an tâm tu học và hành đạo. Hòa Thượng nói rằng chư Ni là tiềm năng lớn của Phật Giáo có thể đáp ứng nhu cầu hoằng pháp tại đất nước Hoa Kỳ rộng lớn này. Hòa Thượng cũng nhắn nhủ chư Ni nên lấy tinh thần hòa hợp làm chất keo nối kết.

Sau lời khuyến tấn của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí tất cả chư Ni đều đồng xướng "Y giáo phụng hành," 3 lần để đáp lễ kính tri ân Hòa Thượng.

Trong phần phát biểu, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu nói rằng rất vui mừng vì từ khi thành lập GHPGVNTHK vào năm 2008 đến nay, đây là lần đầu mà cũng là bước tiến rất xa của ni chúng khi cùng nhau ngồi lại. Hòa Thượng cho biết điều này có thể thực hiện được một phần nhờ nỗ lực và đức độ của Ni Trưởng Giới Châu. Hòa Thượng cũng mong sự gặp gỡ này có thể mang lại phương thức giải quyết các khó khăn cho Ni giới. Hòa Thượng mong mọi người cùng mở rộng vòng tay đón nhận mọi phụng sự cho Phật Pháp.

Trong buổi gặp mặt còn có nhiều vị Ni có uy đức, như Ni Trưởng Thích Nữ Như Tường, là bạn thân của Ni Trưởng Thích Nữ Giới Châu, cũng đã từ Việt Nam sang đây để cùng chung lo Phật Sự.

Được biết vào tối Chủ Nhật, ngày 10 tháng 12, chư Ni cũng đã tổ chức cơm chay gây quỹ tại Nhà Hàng Moonlight, thành Phố Westminster, để có phương tiện tài chánh làm Phật sự.

Ni Trưởng Giới Châu cho biết mấy ngày trước chư Ni đã thân hành đến đánh lễ thưa thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni là những bậc trưởng thượng trong hàng Tăng Ni tại Miền Nam California và đã được chư tôn đức Tăng, Ni hoan hỷ tán thán và hứa hỗ trợ mọi Phật sự cho Ni giới.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HÒA KỲ & CANADA
KHOA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC

THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII

1105 Hinda Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

THÔNG BẠCH (SỐ 2)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni.

Kính thưa Quý Phật Tử học viên.

Chiếu theo thông bạch số 1 của khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 8 Năm 2018, đề Ngày 20 Tháng 7 Năm 2017 về địa điểm tổ chức vẫn không có gì thay đổi. Tuy nhiên, ngày tổ chức có thay đổi sớm hơn vài ngày. Khóa tu học sẽ bắt đầu từ Ngày 11 (Thứ Ba) đến Ngày 17 (Thứ Hai) Tháng 09 năm 2018. Trong thời gian này, chúng ta có 4 ngày tu học và 2 ngày du lịch tâm linh. Vì giá phòng ngủ ở tiểu bang Hawaii rất đắt cũng như đời sống sinh hoạt rất cao, nên ban tổ chức chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp phòng ốc theo tiêu chuẩn yêu cầu của các học viên cho 7 ngày 6 đêm trong suốt thời gian tu học và đi tham qua. Giá biểu bao gồm:

- Phòng ngủ cho 1 người là: \$1,605.00 USD. Phòng ngủ cho 2 người là: \$ 988.00 USD.
- Phòng ngủ cho 3 người là: \$ 896.00 USD. Phòng ngủ cho 4 người là: \$ 851.00 USD.

Đặc biệt trong khóa tu học Bắc Mỹ lần thứ 8 này, Chư Tôn Đức Tăng Ni được thỉnh mời cũng cần phải ghi danh để lấy phòng. Mỗi vị đóng \$500 USD. Sau khi hoàn tất khóa tu học, Ban tổ chức sẽ cung đường lại 1 phần chi phí cho vé máy bay của quý vị.

Chương trình tu học chi tiết sẽ được thông báo trong thông bạch (Số 3). Ngưỡng mong Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Phật Tử học viên xin ghi danh càng sớm càng tốt để Ban tổ chức tiện việc đặt khách sạn và sắp xếp phương tiện di chuyển.

Thời gian hạn chót ghi danh là Ngày 01 Tháng 07 Năm 2018. Mọi chi tiết ghi danh xin liên lạc Ban tổ chức qua những số điện thoại sau đây: (808) 222-0909 / (805) 479-3939 / (808) 258-6289.

Thành kính đánh lễ vãn an sức khỏe Chư Tôn Đức Tăng Ni và kính chúc quý Phật Tử học viên vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.



Nam Mô Thường Hoan Hy Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nay thông bạch

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 12 năm 2017
TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HAI

VUI TRONG ĐAU KHỔ

Một hôm thuyết pháp trở về
Phật cùng đệ tử đang đi trên đường
Chợt đâu thấy một anh chàng
Lùa bầy bò chạy nghênh ngang reo hò.
Đàn bò vừa được ăn no
Vui chân nhảy nhót đủ trò trước sau
Rồn đùa, kêu rống, chen nhau
Để rồi lán ép húc đầu, máu văng
Thêm đòn vọt của người chăn
Bò kêu đau đớn, lưng hằn vết roi.
Chỉ đàn bò, Phật ban lời:
"Anh chàng hàng thịt thành thoi chẵn bò
Hàng ngày lùa chúng ra vô
Tìm nơi cỏ tốt tha hồ bò ăn
Đàn bò có tới ba ngàn
Con nào béo tốt là chàng lựa ra
Phanh thầy, xẻ thịt, lột da
Dem qua chợ bán gần xa kiếm lời.
Nửa đàn bò bị giết rồi
Những con còn lại có đời nào hay
Phận mình biết sẽ sao đây
Thản nhiên vui vẻ đùa bầy rồn nhau."

"Đời người có khác gì đâu
Biết bao nhiêu kẻ vui sâu thân mình
Tham lam dục lạc thường tình
Bạc tiền chất chứa, lợi danh mưu cầu
Trăm phương nghìn kế hại nhau
Nào hay cuộc sống trước sau vô thường
Mong manh như một giọt sương
Long lanh ngọn cỏ bên đường gió lay!
Cạnh bên sự sống hàng ngày
Tuổi già, cái chết kề ngay đó rồi
Từng giờ từng phút lặng trôi
Con người lại tiền gần nơi mộ phần
Như dòng nước nhỏ nhẹ tuôn
Soi mòn bờ đất dần dần sụp tan,
Giống như bể cá thỉnh thoảng
Nước theo khe nứt nhẹ nhàng thoát đi
Cá còn sống được lâu chi?
Con người nào có nghĩ gì sâu xa
Để mà hay biết thân ta
Cái tôi 'bản ngã' chỉ là tạm thôi!"

(thi hóa phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

ÔNG PHẬT MŨI ĐEN

Ni cô quyết chí tu hành
Cầu tìm giác ngộ lòng thành thiết tha
Nên cô nhờ thợ tạc ra
Một pho tượng Phật thật là uy nghi
Dát thêm vàng, đẹp kể chi
Cô mang tượng Phật luôn đi theo mình.
Nhiều năm lặng lẽ trôi nhanh
Ni cô ôm tượng du hành khắp nơi
Thế rồi một buổi đẹp trời
Cô dừng chân sống trong ngôi đền thờ
Em đầm, nhỏ bé, nên thơ
Ẩn sâu thôn dã, khuất xa thị thành.
Trong đền tượng Phật xếp quanh
Mỗi bàn một tượng phân ranh rõ ràng
Ni cô cũng đặt tượng vàng
Lên bàn thờ nhỏ giữa hàng đầu tiên
Rồi cô muốn đốt hương lên
Để mà tụng niệm ở bên Phật vàng,
Sợ hương thơm sẽ tràn lan
Bay sang Phật khác nơi bàn kế bên
Cô dùng phễu chụp phía trên
Khiến cho khói chỉ bốc lên một đường
Chui vào ống phễu, thơm lừng
Đến ngay mũi tượng Phật vàng mà thôi.
Thời gian vẫn lặng lẽ trôi
Một ngày nhìn lại, than ôi dị kỳ!
Khói lên theo ống phễu kia
Làm cho mũi Phật xâu đi mất rồi
Phật vàng mũi lại đen thui!

(thi hóa phỏng theo Black-Nosed Buddha
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES)



thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

MỘT QUỐC HỘI TỈNH THỨC

Nguyễn Giác

Cần nói rõ ngay từ dòng chữ đầu tiên, rằng đây là chuyện Quốc hội Mỹ, không dính gì tới Quốc hội Tây, Tàu, Ta, Đức, Nhật... Nói thế, để hoàn toàn xa lìa mọi liên tưởng không thích nghi. Và tỉnh thức, là nói theo nghĩa Thiền tập, tức là mindfulness, một phương pháp đang ứng dụng nhiều tại Hoa Kỳ, không còn ý nghĩa tôn giáo và được dùng chỉ như một liệu pháp đa dụng.

Nói Quốc hội Mỹ cũng không chính xác. Vài vị dân cử thôi. Bên vực công khai cho pháp Thiền tỉnh thức chỉ là vài người, đúng ra là một người nổi bật. Đó là Tim Ryan, Dân biểu liên bang địa hạt 13 của tiểu bang Ohio, giữ chức này từ 2003. Trước thời gian đó, Ryan trong Thượng viện tiểu bang Ohio.



*Congressman Tim Ryan
(Photo For The Dispatch by Pete Marovich)*

Dĩ nhiên, cũng cần nói ngay từ đầu, DB Tim Ryan là tín đồ đạo Ky tô. Trong khi Ryan hoạt động tích cực (và viết sách, thuyết trình) cho Thiền tỉnh thức, Quốc hội Mỹ có 3 vị theo Phật giáo, nhưng không ai hoạt động gì. Thậm chí, Thượng nghị sĩ Mazie Hirono của Hawaii nhìn nhận rằng bà không tu tập gì đặc biệt. Với bà Hirono, và nữ Dân biểu liên bang Colleen Hanabusa, cũng từ Hawaii, tin theo Phật giáo vì tự nhiên truyền thống, vì sinh trong gia đình gốc Nhật Bản. Vị Phật tử thứ ba là ông Hank Johnson, đại diện địa hạt 4 ở tiểu bang Georgia.

Trong khi Phật tử trong Quốc hội Mỹ không bàn gì chuyện Thiền tập, DB Ryan lại tích cực theo kiểu riêng: bản thân Ryan đã viết và xuất

bản cuốn A Mindful Nation (Một Đất Nước Tỉnh Thức) hồi tháng 3/2012, hướng dẫn tập Thiền tỉnh thức. Và ông kêu gọi cần phải có "một Quốc hội tỉnh thức" – nên hiểu đúng ý ông rằng, Quốc hội cần tập Thiền tỉnh thức, nghĩa là đi đứng nằm ngồi đều biết là đang đi đứng nằm ngồi, thấy nghe hay biết đều biết là đang thấy nghe hay biết...

Riêng đối với DB Tim Ryan, ông nói rằng sống dưới thời đại của Tổng Thống Donald Trump, nếu không tập Thiền tỉnh thức hẳn là không chịu nổi. Ryan dĩ nhiên là người của đảng Dân Chủ. Hãy hình dung câu chuyện thế này: trong khi hơn một nửa đất nước Hoa Kỳ sôi sục lên, bày tỏ bất đồng dữ dội với nhiều chính sách và tính khí của TT Trump, vẫn có một Dân biểu Hoa Kỳ ngồi bình lặng theo dõi, và vui hưởng "thiền duyệt pháp hỷ"... Phải chi, ông Trump chịu theo Ryan tập thiền, hẳn là Trump sẽ dịu dàng hơn, sẽ từ bỏ loại ngôn ngữ kiểu "sẵn sàng thọ tay xúc phạm" và sẽ rời thói quen la mắng, kể cả việc dùng lời xúc phạm trước toàn cầu đối với cả Bộ Trưởng Tư Pháp Jefferson Sessions do chính ông bổ nhiệm...

Trên bản tin của thông tấn ABC News ngày 5 tháng 7/2017, DB Tim Ryan nói rằng thiền tập không chỉ giúp ông giảm căng thẳng, nhưng có thể giúp ông làm việc tốt hơn với TT Trump, và với các bạn dân cử Cộng Hòa.

Ryan nói rằng Thiền tập sẽ có thể giúp đất nước Hoa Kỳ trong thời của bất định. DB Ryan nói với phóng viên Dan Harris của ABC: "Không có nơi nào tốt hơn để... thực tập kham nhẫn khi đối mặt với những bất định hơn là trong Quốc hội Hoa Kỳ. Đặc biệt là bây giờ... không ai thấy rõ gì về hướng đi của Hoa Kỳ."

Bản tin này do phóng viên Harris phỏng vấn Ryan và Thiền sư Jeff Warren trong khi Ryan và Warren đang thực hiện "chuyến đi Thiền tập" xuyên Hoa Kỳ sau khi Trump đăng quang Tổng Thống. Dĩ nhiên, nên biết rằng DB Ryan không ưa Trump.

Ryan hồi tháng 1/2017 đã nói rằng Thiền tập giúp ông làm việc tốt hơn với phía Cộng Hòa và với tân nhiệm Tổng Thống Trump: *"Tôi không phải ưa thích ông ta, tôi không phải đi uống bia với ông ta, tôi không phải chơi golf với ông ta. Nhưng nếu ông ta muốn giúp dân trong địa hạt của tôi, tôi hy vọng tôi có thể làm mọi thứ có thể để giúp. Tôi muốn nói, trách nhiệm của tôi là phải làm thế."*

DB Ryan đã từng tổ chức nhiều buổi Thiền tập cho các vị dân cử Quốc hội và nhân viên của họ trong nhiều năm, đã từng cung thỉnh nhiều Thiền sư tông phái khác nhau tới. Ryan nói rằng các buổi Thiền tập là lưỡng đảng, ai cũng tham dự được. Phải chăng, khi ngồi lim dim đôi mắt, ngồi theo dõi hơi thở, ngồi im lặng và không bàn gì về “luật mới bảo hiểm y tế”... thì kiểm đầu ra chuyện phân biệt đảng Dân Chủ hay đảng Cộng Hòa.

Ryan nói rằng trong năm 2017 (tức là năm khởi đầu nhiệm kỳ của Tổng Thống Trump), có nhiều người hơn đã tìm tới dự Thiền tập với ông để giảm căng thẳng. Vấn đề là, làm việc trên Quốc hội không có nhiều thì giờ cho Thiền tập.

Ryan nói về các dân cử và nhân viên ở Quốc hội, “Đúng là khó – vì bạn phải bay tới cho kịp khóa họp để bỏ phiếu, phải xếp thời gian cho những buổi họp, rồi phải bay về địa hạt nhà càng sớm càng tốt, nên tìm thời gian và xếp ưu tiên cho Thiền tập là khó cho nhiều người. Đó là điều tôi nghĩ rằng sự tham dự của các nhân viên trong văn phòng thực sự quan trọng vì bạn có thể Thiền tập trong văn phòng, khi muốn thay đổi sự năng động của văn phòng.”

Ryan kể rằng hồi năm 2008, nhiệm kỳ thứ ba trong Hạ viện của ông, sau thời gian vận động và gây quỹ giúp các bạn ứng viên trong tiểu bang xôi đậu của ông, Ryan gần như kiệt sức. Nói tiểu bang xôi đậu, vì năm 2008 là trùng thời gian tranh cử Tổng Thống, và lá phiếu Cộng Hòa và Dân Chủ kể như ngang ngửa nhau, gọi là swing state, tiểu bang đánh võng.

Thế rồi Ryan quyết định tham dự khóa thiền 5 ngày với Thiền sư Jon Kabat-Zinn... Ngồi lặng lẽ nhiều giờ trong kỳ nhập thất, Ryan nói rằng ông cảm nhận lợi ích của Thiền tập. Ông nói, gần như không tin nổi, rằng bạn bắt đầu nhìn thấy niệm trong tâm, và bạn biết tại sao bạn có áp huyết cao...

Mới hồi tháng 5/2017, Ryan đồng bảo trợ một dự luật nhằm cấp tài trợ cho việc giảm căng thẳng các giáo viên. Ryan giải thích rằng Thiền tập không phải chuyện của những người cấp tiến hay của các anh chị hippy. Ryan nói: “Thiền tập là tự chăm sóc bạn. Là tự im hiểu chính bạn. Là tự làm cho bạn khỏe mạnh hơn.”

Dù vậy, DB Tim Ryan không đơn độc. Nhiều vị dân cử đã đồng ý với ông.

Theo báo The Roll Call ngày 30/6/2017 -- tức là thời điểm sắp Lễ Độc Lập (July Fourth) và là thời điểm các dân cử Quốc hội sắp rời thủ đô để về địa hạt nhà, vừa để nghỉ ngơi vừa để gặp cử tri địa phương – Dân biểu Tony Cardenas (Dân Chủ, California) hôm Thứ Năm 29/6/2017 đã họp với Đại sứ Thái Lan Pisan Manawapat và 4 nhà sư Phật giáo Thái Lan để nói về Thiền tỉnh thức trong thời kỳ căng thẳng ở Quốc Hội. Cùng tham dự buổi họp về Thiền

tập này có các Dân biểu Tim Ryan (Dân Chủ, Ohio), và Tom Suozzi (Dân Chủ, New York).



Dân biểu Tom Suozzi đàm đạo cùng các nhà sư Mỹ tu tập theo truyền thống Phật giáo Thái Lan tại sảnh đường Quốc Hội, tại Washington D.C. (Source: <http://thaiembdc.org>)

Không chỉ thúc đẩy Quốc Hội phải tỉnh thức, DB Tim Ryan cũng hỗ trợ các chương trình Thiền tỉnh thức tại các trường học Ohio. Bản tin wksu.org ngày 11 tháng 3/2017 cho biết DB Ryan đang hỗ trợ cho tổ chức bất vụ lợi Inner Explorer hướng dẫn các giáo viên tổ chức các buổi Thiền tập hàng ngày trong một số trường học phía đông bắc Ohio. Ryan nói rằng Thiền tỉnh thức đang được thực tập trong Thủy quân Lục chiến, trong cảnh sát, trong giới vận động viên, không bàn gì chuyện tín ngưỡng hay bất kỳ chuyện gì khác... vì chỉ là tỉnh thức thôi.

Hội Inner Explorer có bản doanh ở Massachusetts, đề ra phương pháp và kêu gọi học sinh nên Thiền tập qua mạng 10 phút mỗi ngày khi trường sắp vào lớp.

Laura Bakosh, đồng sáng lập Inner Explorer, nói rằng hãy hít hơi thở sâu là phương pháp tuyệt vời để an tĩnh những khi bạn bức dọc hay nổi giận, và giúp cho bạn cả khi bạn vào kỳ thi, chơi thể thao, hay chơi nhạc...

Cuối mỗi buổi Thiền tập, học sinh nên viết vào một nhật ký những cảm thọ trong khi Thiền tập... dần dà sẽ nhận ra các dị biệt, thăng tiến qua thời gian.

Bakosh dẫn ra cuộc nghiên cứu của đại học University of Wisconsin, cho thấy căng thẳng gây trở ngại cho việc học, trong khi 51% trẻ em Mỹ đang sống trong các hoàn cảnh nghèo và căng thẳng, và chỉ có Thiền tập mới xóa được căng thẳng – đó là cách giúp các em học nhanh, học giỏi.

Dân biểu Ryan nói rằng các trường Warren City Schools, nơi các thầy cô dạy Thiền tỉnh thức cho trẻ em vài phút trước khi bắt đầu lớp, đã giảm được số lượng các em bị phạt cấm-vào-lớp từ 250 em hồi 5 năm trước, xuống còn 14 em hồi năm 2016. Ryan nói, dĩ nhiên là tâm

thức của bạn sẽ không làm việc đúng đắn được, nếu ba mẹ trong nhà xảy ra chuyện bạo lực, hay trong xóm cứ mãi xung đột bằng đảng, hay bất cứ thứ gì tương tự.

Các bạn quan tâm về Thiền tỉnh thức? Sau đây là tóm lược một phương pháp đơn giản từ trung tâm đại học UCLA Mindful Awareness Research Center.

Trước tiên, tìm một vị trí thoải mái, vững vàng, hoặc ngồi, hoặc nằm để lưng áp sát sàn nhà. Lưng nên thẳng, thư giãn, dịu dàng, chớ gò ép gì. Cánh tay và bàn tay để vị trí thoải mái. Nhắm mắt, hoặc lìm dìm, sao cho thoải mái. Cảm nhận cơ thể trong giây phút hiện tại. Hướng tâm từng điểm, từ trên đầu, tuần tự xuống ngón chân, mỗi nơi bạn cảm nhận nơi đó – thí dụ, cảm nhận hơi ấm hoặc hơi mát (ở đầu, cổ, bụng, chân...) hoặc cảm nhận bắp thịt thư giãn theo thứ tự từng nơi trên cơ thể. Nếu tâm nghĩ tới chuyện khác, hãy kéo về lại: tất cả chỉ là bây giờ và ở đây thôi. Sau khi cảm nhận toàn thân, hãy cảm nhận về môi trường, từ âm thanh bạn nghe chung quanh xóm cho tới tiếng km đồng hồ, cho tới tiếng gió lùa, tiếng đập nhịp tim. Cảm nhận nhiệt độ trong phòng, ấm hay mát. Rồi chú tâm vào hơi thở vào và ra nơi mũi, nhẹ nhàng, dịu dàng. Rồi chú ý lồng ngực hay bụng chuyển động theo hơi thở. Theo dõi hơi thở từ khi khởi đầu hơi thở cho tới khi hơi thở biến mất để sang chu kỳ thở khác. Chớ kiểm soát hơi thở, hãy tự nhiên. Khi nào muốn ngưng, hãy dịu dàng cử động từ từ, duỗi nhẹ tay ra, tương tự với duỗi chân, với đứng dậy, với đi đứng nằm ngồi. Thế giới của bạn đang biến đổi từng ngày, từng giây phút.

Hãy tin rằng, nếu các Quốc hội trên thế giới đều là Quốc hội Thiền Tỉnh Thức, chiến tranh hiển nhiên sẽ biến mất vậy.



(Photo: <http://thaiembdc.org>)



MỘT LẠY, MUÔN KÍNH THƯƠNG

*Lá phong vàng ngô trúc
Đường thiên rợp bóng hoa
Lòng chợt rung rung nhớ
Vật nặng phượng trời xa*

*Thị Ngạn Am khuất lấp
Sau rừng cây quạnh hiu
Bóng Thầy nghiêng nắng xế
Lung linh công phu chiều*

*Chỉ chừng đó, thanh lặng
Không gian tỏa ngát hương
Lời không lời bất tận
Ôi, mầu nhiệm lạ thường!*

*Tâm con bùng nở rộ
Quỳ dâng đóa trầm hương
Hương vọng về Quê Mẹ
Một lay,
Muôn kính thương ...*

thơ

TN HẠNH CHI

(Tào Khê Tịnh Thất – sau thời công phu chiều)

NGHĨ VỀ NGÀY THÀNH ĐẠO

TN Diệu Phúc

Sự thành tựu đầu là thành tựu về phương diện gì chẳng nữa vẫn là điều kỳ diệu. Vì đó là kết quả của một quá trình cần nhiều ý chí nhiều nỗ lực vươn lên và phải trải qua nhiều gian nan, khó khổ, thử thách...

Cụm từ "Thành đạo" ở đây phải chăng để chỉ cho sự thành tựu đạo nghiệp mà không chỉ đơn thuần bằng sự trải nghiệm tâm hồn hay thể chất. Nó mang tính chất siêu tuyệt hơn nhiều, bởi đây là sự thành tựu do sự nỗ lực tinh tấn tu tập không gián đoạn. Người tu tập phát triển không ngừng tất cả thiện hạnh và đoạn tận mọi ác hạnh từ thô đến tế, từ hành động đến tư duy... trong kinh Phật gọi là "đoạn tận lâu hoặc."

Có dễ dàng chăng đối với một chúng sinh bình thường như chúng ta có thể thực hiện pháp tu trong một đời hay là phải trải qua vô lượng kiếp? Chúng ta đã lênh đênh trong sáu nẻo luân hồi, lặn hụp trong bao dòng sông sinh tử chập chùng, lang thang trong ba cõi và bây giờ thì sao?

Đức Phật của chúng ta, đầu là một ứng hóa thân hay một CON NGƯỜI có thật trong lịch sử nhân loại đi chăng nữa thì trong đời này Ngài cũng đã đến cõi Ta bà với chúng ta dưới hình ảnh một CON NGƯỜI rất đời bình thường. Hoàn toàn không hề có sự kỳ bí khác thường hay phép lạ. Dầu vậy, vẫn có những nét đặc thù mà chúng ta không thể tìm thấy ở bất kỳ chúng sanh nào. Như trong *Kinh Pháp hoa* có dạy: "Đức Phật xuất hiện ở đời như hoa linh thoại ngàn năm mới nở một lần," với mục đích duy nhất là khai thị cho chúng sanh được giác ngộ giải thoát. Và nét đặc thù tưởng chừng như mộc mạc mỗi khi chúng ta nhìn thấy những đóa sen vươn lên từ bùn lại tỏa hương ngào ngạt, lá sen không thấm nước cũng có nghĩa không bao giờ vướng nước đọng bùn hôi; hình ảnh ấy nhắc chúng ta liên tưởng đến đức Phật hay những bậc Bồ tát tối thượng thừa: Sống trong cõi trần nhưng

không hề bị bám bụi trần!

Có đơn thuần chăng, một CON NGƯỜI được sinh ra trong hoàng tộc đế vương, lại rũ bỏ tất cả để đổi lấy một mảnh y thô và chiếc bát sành, đầu đội trời chân đạp đất đi xin ăn hoặc nhịn đói làm phương tiện sống qua ngày để trưởng dưỡng tuệ mạng và tăng trưởng tâm bồ đề?

Tìm đâu cho thấy một CON NGƯỜI sống trong nhung lụa, trong vô vàn lạc thú của thế gian, nơi mà hầu như ai cũng mơ tưởng có được, thế nhưng NGƯỜI lại dứt khoát ra đi, không một chút vẩn vương, luyến tiếc. Để rồi cũng CON NGƯỜI lịch sử ấy, sáu năm ròng rã dưới nắng cháy, mưa giã, dưới tuyết sương băng giá, thân chỉ còn lại màng da mỏng manh bọc lấy xương. Thể chất NGƯỜI hoàn toàn khô kiệt vì đã bao năm chịu đói khát cùng tất cả tiện nghi tối thiểu của loài người. Nhưng tâm hồn NGƯỜI luôn bừng sáng như mặt trời rọi chiếu ban ngày, như trăng tròn tỏa sáng ban đêm - ấm áp đại bi tâm bao la vô lượng đến với muôn loài.

Rồi một đêm khi sao mai vừa mọc, NGƯỜI đã đạt được đạo quả giác ngộ và tìm ra con đường cứu khổ chúng sanh - NGƯỜI đã hàng phục ma quân và thành đạo dưới cội cây Đại Giác.

NGƯỜI chính là đức Từ phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni!



SÚP LỚ XANH

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Súp lơ xanh (broccoli) được giới ăn uống coi như “Viên Ngọc Dinh Dưỡng Quý Giá” và được trồng bán quanh năm, nhiều nhất là từ mùa Thu tới mùa Xuân.

Thành phần dinh dưỡng

Súp lơ xanh không có chất béo, rất ít muối và năng lượng, nhưng lại có nhiều chất chống oxy hóa, beta carotene, sinh tố C, chất xơ, folic acid, calci và kali. Nước chiếm khoảng 90% trọng lượng rau.

Nửa cân súp lơ xanh có một lượng sinh tố C tương đương với 4 kg trái cam hoặc hai trăm quả táo.

Khi nấu, một số lớn sinh tố C bị tiêu hủy, nhưng vẫn còn nhiều hơn trong trái cam tới 15% và có lượng calci tương đương với sữa.

Một bát súp lơ xanh (khoảng 250 ml) nấu chín có 100mg calci, 500mg kali, 125mg sinh tố C, 5g chất đạm, 8g carbohydrat, 3 gr chất xơ, 1.2 mg sắt và chỉ cung cấp 45 calori.

Súp lơ xanh cũng có một ít bioflanovoids, thiamin, niacin, các chất chống oxy hóa.

Công dụng y học

Súp lơ xanh có khoảng 30 hóa chất mà nhiều nghiên cứu cho là có công dụng ngăn ngừa ung thư, nhất là ung thư vú. Đó là chất indole carbonol làm tiêu bớt kích thích tố estrogen thường được coi như có nguy cơ gây ra ung thư này.

Súp lơ xanh cũng làm giảm nguy cơ tăng huyết áp, tai biến động mạch não, bệnh tim

mạch, giảm biến chứng của bệnh tiểu đường, giảm nguy cơ bị bệnh loãng xương, giảm cholesterol xấu.

Súp lơ xanh có nhiều folate nên giúp giảm thiểu nguy cơ trẻ sơ sinh khuyết tật gây ra do người mẹ thiếu sinh tố này. Một đợt súp lơ xanh có 110mcg folate, bằng một nửa nhu cầu hàng ngày.

Năm 1978, bác sĩ Saxon Graham của viện Đại Học Nữ Ước ở thành phố Buffalo, công bố kết quả cuộc nghiên cứu với một nhóm bệnh nhân ung thư ruột già và một nhóm người không bị ung thư. Theo kết quả nghiên cứu này thì có một sự tăng gia rõ rệt về nguy cơ mắc bệnh ung thư ở những người ăn ít rau cải, trái lại có một sự giảm thiểu rõ rệt những nguy cơ ấy ở người ăn nhiều bắp su, su tí hon và súp lơ xanh.

Năm 1983, bác sĩ Graham lại tìm thấy là các thực vật thuộc họ cải còn có tác dụng chống sự phát triển tế bào ung thư bàng quan.

Cũng năm 1983, nhiều nhà nghiên cứu ở Hy Lạp, khi phân tách thực đơn của 100 bệnh nhân ung thư đại tràng, đã khám phá ra một đặc tính chung của nhóm bệnh nhân này, đó là họ ăn thịt nhiều hơn, ít ăn rau, cải. Theo các vị này thì muốn có tác dụng chống ung thư, các loại rau, cải phải được ăn thường xuyên chứ không phải chỉ ăn một hay hai lần một tuần.

Cũng như các rau thuộc họ cải (Brassicaceae), súp lơ xanh có chứa hóa chất goitrogene. Khi ăn thật nhiều cải bắp, hóa chất này gây khó khăn cho sự sử dụng iod của tuyến giáp. Tuyến sẽ sản xuất ít kích thích tố thyroxine. Để sản xuất thêm thyroxine đủ dùng cho cơ thể, tuyến giáp buộc phải tăng nhanh kích thước, tạo thành bướu cổ. Những người có bệnh tuyến giáp nên lưu ý. Còn đối với người bình thường, khi ăn súp lơ xanh vừa phải và có dùng muối iod thì lượng goitrogene không đủ để gây ra tác dụng xấu.

Dùng trong ăn uống

Súp lơ xanh có thể ăn sống, nhưng gây nhiều hơi nên nhiều người thích nấu chín. Hấp với ít nước hay xào vừa chín tới, rau giòn, thì còn nhiều sinh tố và chất dinh dưỡng hơn là luộc quá chín, ăn mất ngon lại mất đi một phần chất bổ.

Súp lơ xanh sau khi luộc chín hoặc đông





lạnh giảm tới 40% lượng sinh tố C.

Phần ngon ngoài cùng của súp lơ xanh chứa nhiều beta- carotene hơn là phía trong cuống.

Luộc súp lơ xanh với nước lạnh đun sôi dần thì sinh tố C bị phân hủy nhiều hơn là đợi khi nước đã sôi rồi mới cho súp lơ xanh vào. Lý do là khi bắt đầu sôi, nước sinh ra oxygen làm phân hủy sinh tố C. Vì thế, nên đợi nước sôi một lát cho hết bọt rồi hãy bỏ broccoli vào nồi.

Phần cuống của broccoli lâu chín hơn đầu hoa, nên cần nấu cuống trước, kéo phần đầu quá nhũn. Đây vùng dễ tránh mùi hăng hăng của rau bay khắp nhà trong khi nấu. Súp lơ xanh tươi cần khoảng mười phút để nấu chín, còn rau giữ đông lạnh chỉ cần sáu bảy phút, vì trước đó đã được chần qua rồi.

Lựa và cất giữ broccoli

Rau càng xanh đậm càng nhiều chất dinh dưỡng. Súp lơ xanh có quanh năm. Rau giữ đông lạnh cũng ngon như rau tươi.

Khi mua, nên chọn rau còn xanh tươi, các nụ khép kín, chắc thịt và có nhiều hoa non. Tránh rau có cuống quá cứng, hoa non đã ngả màu vàng.

Gói súp lơ xanh trong bao nylon, cất trong tủ lạnh để bảo vệ sinh tố C và có thể để dành tới vài tuần lễ. Đối với súp lơ xanh, ánh sáng và sức nóng đều làm phân hủy sinh tố C.

Rau đông lạnh cũng ngon nhưng còn ít sinh tố C hơn vì rau đã được chần qua để tránh rau tiếp tục chín muối trong ngăn đá. Nếu làm chín vừa phải trong lò vi-ba thì giữ được nhiều sinh tố này hơn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

ĐỌC KINH PHÁP CÚ

*Bài Pháp đầu tiên giảng chữ TÂM,
Việc làm thiện ác đều do Tâm.
Gieo nhân gặt quả là chân lý,
Nghệp lực khai sinh diễn đúng tâm.*

*Bốn trăm hai mươi ba câu, lời vàng ngọc,
Dạy người tu học cõi trần gian,
Là truyền Bát Nhã qua bờ khổ,
Chuyển kiếp trầm luân đến Niết Bàn.*

NGÀN THU KHỞI SẮC

*Đời người trần thế kiếp phù du,
Như gió đưa mây sương khói mù.
Chức vụ tranh giành mang nhục nhã,
Đất đai cướp đoạt họa thâm u.
Nhìn xem thế sự tình tan vỡ,
Nghe thấy nhân sinh dạ vướng thù.
Xả bỏ mau về theo Chánh Pháp,
Cho đời khởi sắc mãi ngàn thu.*

BIẾT SỐNG CHO MÌNH (TỰ ĐỘ)

*Dòng đời, nhân quả do mình,
Tùy duyên, nghiệp lực, hiện hình Chân Như.
Đời người, trái mấy Xuân Thu?
Vô minh che lấp, hận thù đeo mang!
Khôn ngoan phải biết, lọc sàng,
Loại bỏ bất tịnh, dọn đường ta đi.
Tâm từ quán chiếu liền khi,
Tiêu tan oán hận, liễu tri lối về.
Xem thường thế sự khen chê,
Bình tâm, tự tại, phá mê độ đời.
Chân lý, không nói thành lời,
Niết Bàn, Địa Ngục chung trời với ta.
Thương mình, nên sống vị tha,
Tham lam, ngạo mạn là ma bất hòa.
Nhìn xem sương sớm nhạt nhòa,
Nắng xuyên chốc lát, rõ ra thường hằng.*

thơ NGUYỄN NGỘ

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



VÌ SAO QUẢ KHÁC NHAU

Mấy tuần nay dân chúng phần nộ, vì cùng làm một việc ác nhưng có kẻ thì lãnh hậu quả nặng nề, người thì nhẹ hều. Nhiều kiến nghị, biểu tình... nhưng chẳng thay đổi được. Có người hỏi thì thầy bảo:

- Ấy tại phước báo của họ khác nhau.

Người hỏi tỏ vẻ nghi ngờ:

- Hình như có sự yêu-ghét, có sự biện hộ chẳng?

Thầy rất từ tốn nhưng mạnh mẽ:

- Không hề, đây là sự thật! Bữa ăn có thêm trái ớt, lát chanh thì ngon lắm, không sao cả với người khoẻ mạnh nhưng tai họa với người loét bao tử, lở miệng!

HƯ KHÔNG TRANH ĐƯỢC SAO

Đã lâu không thấy Tổ, Trạng An đồn đại: Tổ tịch, Tổ hồi hương... có người còn bảo Tổ bị hạ độc. Người ta nói: có người ghen tỵ và tranh với Tổ nên đã hạ thủ, y còn khẳng định thấy bút tích của Tổ trên vách viết:

- Hư không tranh được sao?

Vua cho người lên động thăm, khi trở về bảo:

- Không thấy Tổ, Chỉ thấy ai đã tạc vào vách đá hình Tổ cùng bài thơ:

Gã Hồ râu đỏ quả hài ()*

Lũng Tây gập sủ hỏi ngài đi đâu



Cười khàn quắc mắt vĩnh râu

Trùng trùng vô tận từ lâu chứa vẻ.

CHÚNG MÀY THÂM THỂ

Ngày hết tết đến; mọi người rộn ràng mua sắm, dọn dẹp chưng bày để đón xuân. Mẹ thỉnh cặp liễn, người ta tặng thêm mấy chữ "phước" về dán trước nhà. Hôm sau gã cán bộ phưởng vốn là người mới đến phê bình:

- Bà lạc hậu quá, thời đại mới rồi mà còn dán mấy chữ cũ kỹ này, đã thế còn dán lộn ngược nữa!

A Thòng nhà kể bên nghe thấy bèn bảo y:

- Ai da, tại nị hồng biết đấy thôi! Chữ phước dán ngược là phước đảo tức là phước đến nhà đấy!

Y tên tò nói:

- Chúng mày thâm thể à!

QUA SAO BIẾT ĐƯỢC LÔNG NÓ ĐEN

Lão ma đầu giết người không gớm tay, hại nhân, hại vật, làm cho quốc gia phá sản, quốc kế dân sinh lụn bại... ấy vậy mà khi chết y còn bảo:

- Ta cả đời cống hiến cho dân nên không có gì hối tiếc!

Dân hận thấu trời mà không làm gì được, thầy mới khuyên:

- Quạ làm sao biết được lông nó đen, tiếng của nó đáng sợ. Sở dĩ an nhàn hưởng phú quý là vì dư phước của y. Phàm việc gì cũng có nhân quả, chỉ tiếc bọn ta chỉ có nhục nhãn, mệnh ngắn nên không thể thấy xa hơn, sâu hơn!

APSARA

Vũ điệu mê hồn và nụ cười bí hiểm hóa đá ngàn năm trên thành quách, đền đài. Ấy vậy mà khi bọn thảo khấu về thành chúng đập phá tan hoang, phần gỗ bán cho bọn buôn đồ cổ. Chúng bảo:

- Phế bỏ cái cũ của phong kiến, lạc hậu, đồi trụy... xây dựng một thế giới đại đồng!

Cùng chung số phận Apsara là hàng triệu người chết thảm nhưng rồi cuộc chúng thua phải rút về rừng. Đêm trước có người khẳng khái bảo:

- Bọn các người chỉ đập phá được tượng đá chứ hình hài. Apsara ở trong tâm khám làm sao phá được!

ĐẠI TƯỢNG

Xứ sở đại tượng vốn bình an, cư dân hiền hòa, cuộc sống chậm rãi an lạc như bước chân voi bao đời nay. Thời thế thay đổi, ma vương bên ngoài giạt dây làm anh em chia phe đánh nhau. Có lần hai toán quân chạm mặt nhưng họ không bắn nhau mà còn nói:

- Chúng ta con cháu đại tượng, tuy khác chủ nhưng không hại nhau!

Đoạn bỏ đi hai hướng. Bọn đầu lĩnh mới u mê ngẩn sông, phá núi, ủi rừng, bán tháo tài nguyên... phục vụ ma vương. Dân đại tượng khóc:

- Đại ngàn của đại tượng giờ hư hỏng hết rồi!

Ất Lăng thành, Nov. 2017

"*" Hồ: Người Tàu xưa tự phụ cho mình là văn minh, bốn bên man-di-mọi-rợ. Họ gọi các dân tộc bên kia Hy mã Lạp Sơn là người Hồ, rợ Hồ.

HÁI HOA CÚNG DƯỜNG

Một đêm sương lạnh sơn hà
Cánh hoa lay khẽ Sa-Bà đông đưa
Sầu từ cổ lũy xa xưa
Tình còn rong ruổi người chưa thấy về
Sắc vàng nhuộm thắm sơn khê
Xạc xào lá đổ bốn bề cô liêu
Nghiêng nghiêng một vạt nắng chiều
Thương em gây guộc hồn xiêu mấy mùa
Tuyết phong tịch tịch mịch cổng chùa
Ngoài sân con trẻ chơi đùa hỷ hoan
Màu trình bạch ấy hầy còn
Giang hà khoác chiếc áo choàng tình khôi
Hài rơm in khắp núi đồi
Vết chân hành cước mây trôi trắng trời
Đêm qua tuyết đổ bờ bờ
Sư về khép cửa tụng lời Tâm Kinh
Tử-sanh nửa cuộc đăng trình
Huệ là Bát Nhã độ mình, độ tha
Ngoài đồng nẩy một nụ hoa
Giữa trời tuyết trắng ấy là chơn như
Vô tình mở lại trang thư
Tôi xa cố quận chưa từ tạ nhau
Sầu nào chẳng chút thương đau
Tình nào chẳng đẹp người đâu thương người
Tàn đêm mộng寐 em cười
Nhân duyên tri ngộ ợt đời phi phong
Bao giờ mình ngộ sắc-không
Về chơi nguồn cội ra đồng hát ca
Mùa xuân con én la đà
Lòng thênh thang quá hái hoa cúng dường
Như Lai thường trụ thập phương
Khỏi trầm phảng phất Huệ hương ngũ phần
Bồ đề hóa hiện Phật thân
Đại từ khai nụ tử lan cát đẳng
Một trăm con bướm hạ vàng
Vỗ đôi cánh mỏng ngộ ngang áo xiêm
Vườn chùa lạnh lớt tiếng chim
Tân Già, Bạch Hạc... rủ tìm về đây
Nghìn trùng cố quận trời mây
Một trời phương ngoại người say chẳng người
Ta còn rong ruổi cuộc chơi
Sư về nguồn cội thanh thoi nói cười.

GIỮA DÒNG SANH DIỆT

Trời đông tuyết đổ trắng rừng
Mà mai chín đỏ mấy từng em ơi
Con chim ngơ ngác giữa trời
Lẻ đàn di trú kêu lời thiết tha
Màu trình bạch phủ sơn hà
Lặng im lay động Sa-Bà nguyên sơ
Sắc là bụi tuyết phát phơ
Không thành nước tụ bốn bề vô biên
Như Lai hóa nụ cười hiền
Sóng âm đồng vọng trăm miền hỷ hoan
Bạt ngàn hoa nở xuân sang
Gắm theo mặt đất địa đàng là đây
Kìa con bướm vũ mễ say
Mộng hồ điệp hầy còn cay cay lòng
Vĩ chùng chứa ngộ sắc-không
Nên mình vất vả lội dòng vô minh
Sắc xuân nằng nhé chân tình
Ái ân là nợ vô hình buộc nhau
Hư mà lại thực niềm đau
Xuân xanh bắt tận với nhau mấy mùa
Áo nâu tịch mịch cổng chùa
Sư lên núi cả đã vừa hạ quân
Giang hà một giải thanh tân
Bồ đề cao thụ non thần trăm tư
Hạc tìm theo vết thiền sư
Nương dòng bát-nhã xuôi từ đại bi
Cỏ cây một cội xanh rì
Vĩ mễ hoặc nói những gì giả-chân
Sát-na này mỗi pháp trần
Vạn hoa hóa hiện pháp thân Di- Đà
Giữa đồng có kẻ cuồng ca
Tụng dòng kinh tuệ giữa hoa lá ngàn
Đẹp lên man mác mùa vàng
Xạc xào lá đổ ngập tràn sắc thu
Am mây sư cử công phụ
Giữa dòng sanh diệt kể từ trắng lên
Đường trần nay rộng thênh thênh
Hành thâm bát-nhã bỏ quên cội ngoài
Vàng thu nhuộm đỏ non đồi
Hai con bạch hạc dưới trời hoàng hoa
Trùng trùng mây bạc xa xa
Thấy hoa hàm tiếu thấy là Như Lai.

thơ

ĐỒNG THIỆN

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

GỎI XOÀI



Nguyên Liệu:

- 1 trái xoài xanh
- 1 bìa đậu hũ
- Rau húng huế, rau răm
- 2 muống canh đậu phộng đập dập
- 1/2 củ cà rốt có cũng được, không cũng không sao
- Gia vị : Mắm chay, đường, chanh, ớt

Cách làm:

- Xoài và cà rốt bào vỏ, rửa lại thật sạch với nước sau đó nạo thành sợi hoặc băm.
- Rau thơm lặt lá già, lá sâu rồi rửa sạch sau đó xắt nhỏ (chú ý không xắt quá nhỏ lúc trộn gỏi làm nát rau).
- Đậu phụ rửa sạch rồi dùng khăn thấm bớt nước sau đó chiên đậu chín vàng đều. Sau khi chiên đậu xong các bạn xắt đậu thành miếng mỏng vừa ăn.
- Pha nước chấm theo tỉ lệ sau: 1 muống canh cốt chanh, 1 muống canh đường, 1 muống canh nước mắm chay hoặc xì dầu, 1 muống cà phê ớt xay, tỏi xay, 1 muống canh mắm.
- Tiếp theo trộn đều các nguyên liệu vừa chuẩn bị với nước mắm đã pha đợi 10 phút cho ngấm rồi bày ra đĩa.
- Cuối cùng rắc thêm đậu phộng rang và rau thơm lên trên là hoàn thành món gỏi chay ngon đậm đà.

(Nguồn cookpad)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

THOÁT KHỔ, THOÁT LUÂN HỒI

Lê Khắc Thanh Hoài

*Vui hạnh xuất gia khó
Tại gia sinh hoạt khó
Sống bạn không đồng khổ
Trôi lặn luân hồi khổ
Vây chớ sông luân hồi
Chớ chạy theo đau khổ. (1)*

Sáu câu thi kệ này trích từ bản kinh Pháp Cú, phẩm Tập. Sáu câu bao hàm sáu ý khác nhau nhưng ý chính chỉ là một lời khuyên tha thiết của đức Phật Thích Ca: Hãy thoát khổ!

Và thoát khổ ở đây đồng nghĩa với sự việc: Hãy thoát luân hồi.

Hai câu thi kệ đầu nói đến hai cái khó của hai con đường, hai nếp sống, xuất gia và tại gia. Đức Phật nêu ra hai cái khó của hai con đường khác nhau và ý nghĩa của hai cái khó này cũng hoàn toàn khác nhau.

Câu thi kệ thứ ba nhắc lại một trong Tám Khổ, đó là Oán tăng hội khổ. Tại sao lại là Oán tăng hội khổ và đức Phật chỉ nhắc đến nỗi khổ này mà không nói hết tất cả Tám nỗi khổ của trần gian? Chúng ta sẽ từ từ tìm hiểu sáu câu thi kệ này với lời khuyên tha thiết ở hai câu cuối, không sống theo luân hồi, không chạy theo đau khổ. Một sự khẳng định được thấy ngay ở đây: Luân hồi là khổ. Thoát luân hồi là thoát khổ.

Bước đầu tiên hãy phân tích câu thi kệ thứ nhất:

Vui hạnh xuất gia khó

Con đường xuất gia thường được ví như con đường đi ngược dòng. Người xuất gia là người lội ngược dòng sông hay đi ngược với dòng đời, dòng sinh hoạt bình thường của thế gian. Sông xuôi dòng thì chảy ra biển, lội ngược là tìm lại nguồn gốc của con sông, nơi nó xuất phát. Người xuất gia là người đi tìm cho ra cái nguồn gốc này, con người xuất phát từ đâu? Đi về đâu? Tại sao có sanh có tử? Đâu là nguồn gốc của sanh của tử? Làm thế nào để thoát khỏi sanh tử?

Dưới mắt thế gian thì đây là chuyện làm viễn vông không thực tế. Không thực tế thì không dễ dàng như những chuyện thường tình của người đời. Cày ruộng, cuốc đất, bán buôn... hay bất cứ việc gì khác ở đời thật ra không khó làm, chỉ cần được chỉ dạy và chịu khó học hỏi và làm theo là được. Nhưng suy nghĩ và tìm cho ra nguồn gốc, ý nghĩa của cuộc sống, của đời người, của con người, của sự sống chết thì

không phải chuyện dễ làm. Suy nghĩ đã là một chuyện khó. Lại còn phải sống thiếu thốn, đạm bạc, từ bỏ mọi thụ hưởng dục lạc nữa. Như vậy ở đây, xuất gia đúng là một điều khó làm.

Bản đến con đường thì con đường thuận chiều, thuận theo dòng đời sẽ đưa đến một nơi nào đó, cuối con đường sẽ là một nơi để trú thân, một nơi để yên nghỉ, một ngôi chùa, một ngôi nhà, một tổ ấm, một mái gia đình, một xóm làng, một phố thị hay chỉ là một khu rừng, một ngọn đồi...

Mà con đường cũng có thể mang ý nghĩa hoàn toàn trừu tượng như một ước muốn, một mong cầu, một hi vọng, một tham vọng, một khát khao, một lý tưởng nào đó.

Có một con đường là phải có một cái đích đến, một điểm đến, phải dừng lại ở một nơi nào đó. Dừng lại tất nhiên là đã tới nơi, đã đạt được, đã thành công, đã thỏa mãn, đã toại nguyện.

Nhưng người xuất gia thì đi ngược với con đường thuận chiều này. Nghĩa là người xuất gia không đi trên con đường để dừng lại, cho dù là dừng lại nơi một ngôi chùa, nói chỉ đến một ngôi nhà, một tổ ấm, một mái gia đình... Cũng không dừng lại nơi một ước muốn nào, một mong cầu nào, một hi vọng nào, nói chỉ đến một tham vọng nào, một khát khao nào, cho đến cả một lý tưởng nào! Và như thế là đi trên một con đường mà chẳng đưa tới một nơi nào hết, chẳng có gì để đạt, chẳng thành công cũng chẳng thỏa mãn, toại nguyện gì hết! Cho dù là biết mình đi tìm nguồn cội, tìm chân lý, đi trên con đường Đạo nhưng người xuất gia cũng phải buông bỏ tất cả, không trụ vào đâu, không chấp vào đâu được cả! Đi trên con đường để giải thoát khỏi con đường. Để phóng mình ra khỏi con đường. Đây mới là điều khó, quá khó!

Nhưng đó là chưa bàn đến cái khó trước khi đi vào con đường xuất gia.

Không phải dễ đâu. Chẳng phải ai muốn xuất gia là làm được. Chẳng phải vì sợ chết, sợ khổ mà xuất gia được, chẳng phải vì thất bại trên đường đời, nơi công ăn việc làm, nơi đường công danh mà xuất gia được, chẳng phải vì tình duyên trắc trở, ngang trái, éo le, mà xuất gia được, chẳng phải vì chán chường khổ sở vì cái thân tật nguyền, bệnh hoạn mà xuất gia được, chẳng phải vì trăm ngàn muôn lý do nào đó đã không tìm thấy hạnh phúc nơi cuộc sống tại gia mà xuất gia được.

Như vậy, sự việc từ bỏ cuộc sống tại gia để xuất gia là một quyết định khởi điểm từ sự hiểu biết, từ trí tuệ và hẳn phải có đầy đủ căn duyên, túc duyên, cơ duyên, không những thế, lại còn phải dựa vào nguyên lực nữa. Có đủ phước đức và nhân duyên rồi cũng không có gì chắc chắn nếu không cố gắng, nhẫn nại, kiên trì để vượt qua bao thử thách gian nan, chí xuất trần phải vô cùng mạnh mẽ, vững chắc như bần thạch, dụng công tu tập không ngừng nghỉ, tinh tấn từng phút từng giây, bởi giới luật không phải là điều dễ tuân thủ và nghiệp lực thì không thể lường, thêm vào đó, luôn giữ cho tâm không lay chuyển trước Tám Ngọn Gió của thế gian cũng không phải là chuyện dễ. Cho dù mình có quay lưng với thế gian, vẫn bị Tám Ngọn Gió đời ảnh hưởng và chi phối. Vì vậy mà đức Phật dạy “Vui hạnh xuất gia khó.”

Tám Ngọn Gió của thế gian, được mất, thương ghét, khen chê, sướng khổ, thì thổi ào ào nơi dòng đời, nơi cuộc sống của một con người bình thường. Không ai mà không bị Tám ngọn gió đời này làm lay động, ngay đến cả người xuất gia, không phải là Tám Ngọn Gió này không thổi tới. Vẫn còn bị xao động bởi chuyện được và mất nơi vật chất, lợi dưỡng, sự cúng dường, thọ hưởng, sự ăn, sự ở, sự mặc, thuốc men... Vẫn còn bị xao động bởi những tình cảm thương người này, ghét người kia, thích chỗ này, điều này, không thích chỗ kia, điều kia hay ngược lại, được người này thương thì người kia ghét, được chỗ này quý trọng thì chỗ kia khinh nhờn... Vẫn còn bị xao động bởi những lời khen, chê dành cho mình cũng như rơi vào sự khen chê, đánh giá người kia, việc nợ... Vẫn còn bị xao động trước những tình huống làm cho vui sướng, thoải mái hay đớn đau, khổ sở. Tóm lại, không phải khi bước vào con đường xuất gia, khi trùm chiếc áo tu lên thân mình là Tham Sân Si, phiền não chướng tự nhiên rơi rụng, biến mất trong hư không!

Có những người thường hiểu lầm như thế cho nên một khi họ thấy một người xuất gia có những phản ứng hay hành động còn nhuốm chút Tham Sân Si như người đời thì họ thất lễ, không còn kính trọng và tin tưởng vào vị xuất gia này nữa. Đôi khi còn tai hại hơn, họ đánh mất luôn cả lòng tin vào Tăng đoàn và Giáo Pháp Phật, không thiết tha lui tới chùa chiền, lễ Phật, thăm viếng hay học hỏi nữa. Đây là một điều lầm lẫn lớn và đánh mất lợi lạc rất đáng tiếc. Họ không biết rằng đời sống của vị xuất gia là khó gấp bội phần người tại gia. Nhất cử nhất động của vị xuất gia đều bị dòm ngó, soi mói, đánh giá rất nhanh, rất vội vàng, rất nặng nề dưới con mắt của người thế tục! Họ quên rằng người xuất gia cũng chỉ là người đang đi trên con đường tu tập, chưa phải là thánh nhân!

Vui hạnh xuất gia khó! Quả đúng như thế lời Phật dạy.

Con người bình thường không xuất gia, con người thế tục, có đời sống gia đình hay có

thể sống đơn độc, đều được xem là tại gia. Tại gia gồm nhiều hạng. Sĩ nông công thương. Tạm thời phân chia như thế nhưng thật ra có bao nhiêu ngành, nghề là có bao nhiêu hạng tại gia, kể cả người không có ngành nghề gì cả, thí dụ những bà mẹ chỉ ở nhà chăm sóc con cái, quán xuyến việc gia đình.

Lại có thể phân chia tại gia theo phương diện tu tập. Hạng không biết gì Phật Pháp, thì tất yếu là không hành cũng không tu. Hạng có biết Phật Pháp nhưng không hành, cũng không tu. Hạng biết Phật Pháp và có tu, có hành. Cuộc sống của ba hạng người tại gia này chắc chắn là cũng có sự khác biệt. Tuy nhiên, hai hạng đầu, không biết Phật Pháp và biết Phật Pháp nhưng chẳng tu, chẳng hành thì được liệt vào cùng một hạng, hạng không tu hành. Cho dù được biết, được nghe Phật Pháp nhưng không áp dụng thì cũng như không.

Như vậy thì chỉ còn lại hai hạng người tại gia, hạng người có tu có hành và hạng người chẳng tu chẳng hành. Có thể gọi hạng tại gia có tu có hành là cư sĩ.

Tại gia sinh hoạt khó

Câu thi kệ này chẳng phân biệt các hàng tại gia, chỉ đề cập đến cuộc sống của tại gia là khó. Vậy chúng ta thử tìm hiểu cái khó là cái khó nào? Khó nơi phương diện nào?

Ai cũng biết, một điều thật hiển nhiên, con người sinh ra đời thì có cái thân phải lo. Lo nuôi dưỡng thì sự sống mới tồn tại. Lo cơm ăn, lo áo mặc, lo chỗ ở, lo thuốc men... Lo những chuyện này thì tất nhiên là dính líu đến chuyện phải phấn đấu để có công ăn việc làm, có công ăn việc làm thì mới có phương tiện nuôi dưỡng cái thân. Có công ăn việc làm là do chịu khó, chịu nhọc, cố gắng học hành, học nghề, buôn bán, lao động, vất vả, bươn chải, đổ mồ hôi đổi bát cơm, không phải tự dựng mà có. Lo được miếng cơm, manh áo, chỗ ở rồi thì còn lo cái thân tránh bệnh tránh tật, nhưng tai nạn nơi thân thì không thể nào lường và tránh cho hết được. Nhưng con người không phải chỉ có cái thân vật chất mà còn có cái phần tinh thần. Là một thực thể tâm sinh lý rất phức tạp, con người không chỉ bệnh hoạn nơi cái thân vật chất mà còn bệnh hoạn cả nơi cái phần tâm lý khá rối ren này nữa! Nên lo cho cái thân cũng là lo cả hai mặt tinh thần và vật chất. Những cái khó khăn đến từ mối lo vật chất thì nhiều kể không hết mà đối lại, các mối lo cho cái phần tinh thần được an ổn, quân bình, vững vàng để điều khiển cái thân thì cũng không thể kể xiết. Cuộc sống con người bị bủa vây toàn những mối lo. Từ sáng tinh mơ cho đến chiều tối, và cả ngay trong giấc ngủ cũng vẫn còn lo. Ở nhà thì có chuyện lo của người ở nhà, chăm sóc, dạy dỗ con cái, hoặc giúp đỡ ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, người đau ốm, quán xuyến việc bếp núc, giữ gìn vệ sinh nhà cửa... Đi làm thì có mối lo của người đi làm, công việc phải hoàn tất chu đáo, sợ chủ phạt, sợ thất bại, sợ mất việc,

không tiền, không gánh vác được gia đình...Ai cũng có bốn phận và trách nhiệm trên vai. Gánh thì chỉ có nặng thêm chứ không nhẹ bớt. Con cái thì khó dạy, người lớn tuổi thì khó tính. Bên ngoài thì người này hà hiếp người kia. Chưa kể những tai họa, hoạn nạn bất ngờ xảy đến. Bệnh tật làm thân thể yếu đuối, hao mòn, lại càng không gánh vác thêm được việc gì. Lo âu vì thiếu thốn vật chất gây nợ nần, nợ nần lại gây lo âu. Lo âu lại gây bất hòa. Cha mẹ, con cái, vợ chồng cãi vã, trách móc nhau, có khi trở thành hận thù. Đó là người thân, hưởng hồ người dung thì từ bạn trở thành thù địch còn dễ hơn, nhanh hơn nữa. Trải qua năm tháng, không ai không có những hành động sai trái đối với người chung quanh, có thể là lỗi nhỏ, đi đến những lỗi lầm nặng nề khác mà con người vô tình hay cố ý gây cho nhau, có thể được cảm thông, được tha thứ mà cũng có thể không được cảm thông tha thứ và rồi gieo hận cả một đời.

Cuộc sống của con người quay cuồng, xoay vòng như một con quay, tất bật, chạy ngược chạy xuôi, hối hả, mệt nhọc, bơ phờ đến tấp tễnh! Hạnh phúc thì ít mà đau khổ thì chồng chất. Trong cái vòng quay của bánh xe cuộc đời đầy bất trắc, bất như ý này, tuy nhiên vẫn còn có người đứng vững, cố gắng leo lách và vượt lên khó khăn, ráng giữ mình không rời xa con đường thiện, luôn hoàn thiện mình, luôn giữ hòa khí, nhẫn nhục và nhường nhịn, có thể nói những người này thuộc hạng tại gia được biết Phật Pháp, có tu có hành, nhưng một số không phải là ít thì mù quáng, hành động sai lầm, sa lầy vào con đường ác, luôn gây hấn, luôn kiếm chuyện hơn thua, tranh chấp, đả phá và điều này không giải quyết một vấn đề nào được cả, chỉ làm cho cuộc sống càng thêm khó khăn và đau khổ. Có thể xem những người này là hạng tại gia không tu cũng không hành, cho dù biết hay không biết Phật Pháp.

Đúng thay "Tại gia sinh hoạt khó"!

Sống bạn không đồng khổ

Câu thi kệ thứ ba "Sống bạn không đồng khổ" là câu kệ mà chúng ta xếp ngang hàng với một trong Tám Khổ mà Phật dạy, đó là Oán tăng hội khổ (2) Vì sao? vì sống với bạn không đồng, phải được hiểu là không đồng chí hướng, không đồng lý tưởng hướng thiện, không đồng đi trên con đường đạo hạnh, không đồng thông hiểu Phật Pháp, không đồng tu, không đồng hành, không ngang hàng với mình, không cùng trình độ, cùng căn cơ, làm bạn với người này quả thật là vô cùng khổ tâm và sẽ gây cho ta phiền não vô tận. Cái khổ phải sống với người bạn không đồng này cũng chẳng khác nào cái khổ phải sống, phải gặp, phải chịu đựng, phải chung đụng, liên kết với người mà ta oán ghét, không ưa thích vậy. Ta nói trắng thì họ phải nói đen cho bằng được. Ta có đúng họ cũng tìm cách nói ta sai. Ta chạy tịnh, họ chỉ thích khoe

không, diêm dúa. Ta tìm về tĩnh lặng, họ thích nhóm họp, ồn ào. Ta thích bố thí cúng dường thì họ keo kiệt bủn xỉn...Sống với hạng người không đồng tính khí, không đồng quan điểm, không đồng tư tưởng, không đồng sở thích này chẳng giúp ích, đem lợi lạc gì cho ta.

Ngạn ngữ Pháp có câu "Thà sống đơn độc một mình còn hơn sống cùng kẻ không xứng"(3) Và dân gian ta cũng có câu "Chọn bạn mà chơi" để tránh cái khổ gây ra cho sự không tương xứng trong mọi giao hảo. Tục lệ xưa như "Môn đăng hộ đối" cũng nói lên được sự tương xứng cần thiết trong hôn nhân, giữa hai vợ chồng, không phải là chuyện đáng coi thường, chê bai.

Ở đây, trong bài thi kệ, đức Phật không nêu ra tất cả Tám Khổ mà chỉ nói đến Oán tăng hội khổ bởi vì đây cũng là một chương ngại cho việc tu hành, trên con đường Đạo, chúng ta cần có những người đồng hành nhất tâm nhất trí, có thể sách tấn, khuyến khích, chỉ bảo cũng như vạch ra lỗi lầm để chúng ta hoàn thiện hơn. Những người bạn đồng hành, đồng tu rất cần thiết trên con đường tu tập.

Câu này của dân gian ta mà ại cũng thường nghe qua và thật chính xác: "Ăn cơm có cạnh, tu hành có bạn."

Ở trong đời thường, tại gia mà gặp Oán tăng hội khổ cũng là đã quá khổ, hưởng hồ nơi con đường Đạo thì sẽ là một chương ngại khá lớn, chỉ gây thêm phiền não không cần thiết.

"Sống bạn không đồng khổ" là vậy.

Trôi lăn luân hồi khổ

Tiếp đến "Trôi lăn luân hồi khổ," câu thi kệ này tiếp tục nói đến cái khổ, sau cái khổ không gặp bạn cùng đồng chí hướng, đồng tu là cái khổ trôi lăn trong luân hồi. Luân hồi là cái bánh xe sinh tử quay vòng không hề dừng lại của kiếp nhân sinh. Con người không phải chỉ mới sinh ra nơi đời này mà đã sinh ra từ vô lượng kiếp, không thể tính đếm và nhớ cho hết. Sau khi hiện đời này chấm dứt thì con người lại tiếp tục tái sinh ở một cõi khác, một trong sáu đường, từ địa ngục lên đến cõi trời, mang một cái thân khác tùy nơi cảnh giới sinh ra và lại tiếp tục một cuộc sống khác. Cứ như thế mà luân lưu bất tận, chết đi rồi lại sinh, sinh ra rồi lại chết đi. Luân hồi là như thế. Và luân hồi chắc chắn là chỉ có khổ cho dù có được sinh lên cõi trời hưởng thụ dục lạc một thời gian khá lâu khá dài so với kiếp người nhưng rồi cũng phải chấm dứt và trôi lăn trong luân hồi. Hạnh phúc cách mấy cũng hết. Không ai có quyền năng, hay thần thông gì để làm cho mọi chuyện dừng chấm dứt, cứ kéo dài để hưởng thụ, không thời gian, không hạn định. Con người bất lực trước Vô Thường. Điều này đương nhiên gây đau khổ.

Chúng ta nhận ra rằng yếu tố Vô Thường và Luân Hồi thật tương đồng. Vô thường là sự chuyển dịch, đổi thay không ngừng thì Luân Hồi cũng thế mà thôi. Nơi Vô thường không thể có Ngã thì nơi Luân Hồi cũng vậy, không thể có



một cái Ngã thường hằng bất biến đi tái sinh, chết đi và cũng cái Ngã đó tái sinh và chết đi. Vô Thường gây đau khổ vì đưa đến sự mất mát, chia lìa, hoại diệt, lụi tàn thì Luân Hồi cũng vậy, phải chết ở đây để sống lại chỗ khác, tới chỗ khác thì lại phải chết đi, luôn luôn giã từ, luôn luôn vĩnh biệt và như thế là làm cho mãi mãi khổ đau. Chưa kể là nơi sự luân lưu chuyển dịch đó, con người không đủ sức để làm chủ, chính Nghiệp làm chủ mình, và chỉ có tuân theo nghiệp lực đẩy đưa, có thể bị đọa lạc mà cũng có thể thăng thiên, cho dù ở bất kỳ cảnh giới nào cũng không vĩnh cửu, không thể có an lạc.

“Trôi lăn luân hồi khổ” Đức Phật không hề nói sai.

Thấy rõ đau khổ do Luân Hồi đem lại ở mỗi cuộc sinh tử, tử sinh, đức Phật mới có lời khuyên như “Vậy chớ sống theo luân hồi. Chớ chạy theo đau khổ.”

Con người tạo nghiệp do mê mờ nhận một cái Tôi có thật, từ đó sinh Tham và Ái chỉ để củng cố cái Tôi này, ôm chặt lấy nó, nuôi dưỡng nó, mọi hoạt động đều qui về cái Tôi này, cho Tôi, của Tôi, là Tôi. Từ đó mà mọi khổ đau cũng bủa đến. Cũng như chúng ta xây một lâu đài trên cát, chẳng có gì vững chắc, sóng biển Vô Thường sẽ ồ ạt kéo đến cuốn trôi và lấp đi. Xây dựng đủ điều quanh cái Tôi này cũng như lâu đài trên cát mà thôi.

Hai câu cuối của bài thi kệ đưa đến kết luận phải chấm dứt luân hồi, đau khổ. Không sống theo luân hồi là không sống để tạo nghiệp và bị nghiệp dẫn dắt, mãi mãi trôi lăn trong sáu nẻo. (4)

Tạo nghiệp cũng là do cái tâm không biết buông tha, xả bỏ, bao dung, tha thứ. Bị giết, bị phản bội, bị lường gạt thì chỉ muốn trả thù. Và như thế, cái tâm này cứ nuôi lòng đeo đuổi, tìm cho được thủ phạm sát nhân, kẻ đã từng phản bội, lường gạt mình để đòi mạng, đòi nợ. Oán thù vay trả không bao giờ xong. Mang cái tâm đeo đuổi không buông tha này thì tất nhiên là phải lao vào luân hồi.

Ngược lại cũng thế, cái tâm yêu thương,

trìu mến, quá quyến luyến, quá đắm đuối, quá say mê không thể rời bỏ người mình thương, mình yêu, từng say đắm, từng hạnh phúc bên nhau mà không nở rời, thế là luân hồi để quay tìm người cũ nhưng mà có gặp được đâu! Lại nữa, có kẻ chưa hoàn thành xong một công trình gì đó nơi hiện đời thì trong lòng còn nuôi tiếc, cứ thế mà không thể buông, lại còn mong cầu...luân hồi hầu mong tiếp nối công trình dang dở! Nghĩ cho cùng, nếu luân hồi để làm điều thiện điều tốt cho người, cho nhân loại thì cũng nên nhưng điều này chỉ có hàng Bồ Tát mới thực hiện nổi vì các vị này không còn tạo nghiệp và có thể ra vào tự tại trong sinh tử, cho dù còn chịu nghiệp báo của bao đời trước, còn phạm phu chúng ta chưa thể tự tại như thế, vừa lãnh nghiệp cũ vừa tạo nghiệp mới, và chỉ bị nghiệp lực cuốn đi mà thôi. Vậy thì chúng ta cũng nên tu tập để trở thành Bồ Tát trước khi muốn ra vào sinh tử tự tại và khi chưa đủ sức để kham nổi luân hồi thì cũng nên nghe lời Phật, trước tiên là hãy dừng lại vòng quay của bánh xe sinh tử!

Không chạy theo đau khổ cũng có nghĩa là dừng lại, chặn lại vòng quay bất tận của bánh xe luân hồi sinh tử. Chứng nào chúng ta thật sự nhận ra thế nào là luân hồi, thế nào là khổ thì chúng ta mới có thể chán ngán và làm một quyết định mạnh để dứt mình ra khỏi dòng sinh tử, tử sinh. Khởi đầu phải có nhận thức rõ ràng về khổ, về dòng sinh tử, tử sinh này rồi, bấy giờ mới có thể nương theo con đường đi ngược dòng sinh tử, tử sinh này. Chính vì vậy mà đức Phật đã thuyết về Bốn Chân Lý mà Chân lý đầu tiên là nhận ra Khổ.

Sáu câu thi kệ mà bốn câu đầu tiên nói về cái khổ của xuất gia cũng như tại gia, nói về cái khổ phải chung sống, phải chịu đựng người không ngang hàng, không cùng chí hướng với mình, nói về cái khổ của luân hồi sinh tử để rồi kết luận là lời nhắn nhủ hãy chấm dứt luân hồi, chấm dứt khổ đau. Một chân trời mới chỉ vừa hé mở cho ai nhận được thông điệp từ bi và trí huệ của đức Phật. Con đường ngược dòng sinh tử vẫn còn chờ người lên đường, dẫn thân vào một cuộc cách mạng lớn nhất của muôn kiếp nhân sinh.

Lê Khắc Thanh Hoài

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú. HT Thích Minh Châu (dịch)
2. Ghét mà phải sống chung, gập gờ.
3. Il vaut mieux être seul que mal accompagné. (Ngạn ngữ Pháp)
4. Sáu nẻo luân hồi, Lục đạo, gồm 3 cõi thiện và 3 cõi ác: Thiên, Thần A tu La, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục.

Kỷ ức một thời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Thế rồi cái ngày ấy vẫn đến, cái ngày mà không một ai trên thế gian này muốn cả, cái ngày mà mọi người luôn né tránh nói đến. Dù cho có muốn hay không muốn thì nó vẫn cứ đến. Ngày ngoại tôi ra đi về miền vĩnh viễn.

Chín mươi sáu năm bốn ba trên cõi đời này, phần nhiều nhọc nhằn, khổ lụy. Ngoại một mình bươn chải nuôi lấy đàn con. Ngoại là người đàn bà cứng rắn và lạnh lợi. Ngay từ thời Pháp thuộc ngoại đã ra Bắc vào Nam buồn chuyển. Những chuyến hàng đường phèn, đường phổi, mạch nha... danh tiếng một thời! Cũng như những con dân nước Việt cùng thế hệ. Ngoại đã trải qua ba cuộc chiến long trời lở đất, vận nước lênh đên thì người dân cũng bấp bênh sống chết. Ấy vậy mà ngoại vẫn vững vàng vượt qua! những ngày còn thơ tôi vẫn thường được ngoại dắt về ngôi nhà trên quê ngủ, trên đường đi ngang qua một Đẽ Bô (depot) xe lửa, ở đây có những gánh hàng rong bán quà quê nào là: chè, bánh bèo, bánh dẻo, sương sa, sương xáo... Tôi là đứa trẻ thích ăn vặt hơn ăn cơm nên ngoại luôn luôn ghé mua quà cho tôi ăn. Ngoại kể ngày trước mấy anh em của ngoại tối tối phải về nhà ngoại ở thị trấn ngủ, không ai dám ngủ ở quê vì có thể bị bắt đi bắt cứ lúc nào hoặc là bị người ta chia sủng bắt đóng tiền nuôi quân... Ngôi nhà trên quê yên ả biết bao, hai hàng tre kéo kẹt mát rượi những trưa hè. Người xưa cất nhà rất khoa học, nhà nào cũng luôn luôn có một khoảng sân ở giữa nhà vừa thoáng mát, lấy ánh sáng, lại thoát nước mưa... Ngày nay những

ngôi nhà hiện đại không còn khoảng giếng trời giữa nhà tuyệt vời như vậy, kể cũng tiếc thay! Ngoại vẫn thường dạy con cái ăn chay niệm phật. Ngoại giữ thập trai rất nghiêm túc, dù thế nào cũng không vi phạm. Những ngày rằm, mừng một ngoại lên chùa lễ Phật. Có lẽ nhờ thế mà chúng tôi lớn lên ai ai cũng tin theo Phật, có lẽ đây là cái nhân duyên ban đầu tiếp xúc Phật pháp của tôi! Tạ ơn Phật, tạ ơn ngoại!

Chín mươi sáu năm trên cõi đời này kể cũng thương thọ rồi, đời người vốn thoát có thoát không; thời gian như bóng câu qua cửa sổ. Trải qua ba cuộc chiến, trải qua những tháng năm gian khó biết bao. Nuôi cả đàn con cháu, công lao như trời bể. Ngoại ra đi tôi không về viếng ngoại được, dù lòng tha thiết muốn biết bao. Lòng tôi đau nhưng lực bất tòng tâm. Lương công nhân ngày ngày kéo thẻ không là bao, rồi thẻ thì rỗng buộc; với tôi còn có cái khó hơn người khác vì nhân duyên của mình không tốt, lòng người không rộng rãi lại đa nghi... Nên đành vọng tử ngoài ngàn dặm xa xôi! Dẫu biết sống chết là lẽ thường nhưng khi biết ngoại ra đi lòng không sao cầm đặng! Chín mươi sáu năm trên cõi vô thường kể cũng phù du bèo bọt nếu so với chín vạn đại kiếp! Không biết đã bao bận thay hình đổi dạng, đã bao lần tử- sanh? Chỉ có con số là vô lượng mà thôi! Vẫn biết khứ, lai, hiện tại cùng thập phương hư không vẫn không ngoài một niệm nhưng cũng từ một niệm này mà trùng trùng vô

tận duyên khởi sanh ra. Tôi ở ngoài muôn dặm, ngoài tử trong cổ quận xa xăm nhưng lòng tôi vẫn luôn có bóng hình ngoại trong tâm. Cái thân tứ đại vô cùng thô này làm sao mà vượt không gian thời gian để về viếng ngoại? Tôi lên chùa lễ Phật, quỳ dưới chân Như lai nguyện cầu Tam Bảo gia hộ ngoại. Cầu mà không cầu, ở đây không phải cầu tài lộc; ở đây cầu năng lực từ bi, trí huệ vô biên của chư phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền gia hộ cho hương linh ngoại siêu thoát, tái sanh về cảnh giới an lành, tốt đẹp!

Thời gian như nước chảy, mây bay, như hoa rơi, lá rụng... Thấm thoát đã ba năm trôi qua. Không biết giờ ngoại đã tái sanh về đâu? Về Tây Phương Cực lạc, cõi thiên, cõi người?... Nhưng dù về đâu thì hình bóng ngoại vẫn mãi mãi trong tâm tôi! Ngoại đã về một vùng phương ngoại, ở đây không còn những khổ đau, phiền não của một kiếp người, nhất là thân phận con người ở những nước nhược tiểu, nơi ấy bị thao túng bởi cường quyền, nơi ấy thân phận con người càng nhỏ bé hăm hiu và bất an biết là bao! Vùng phương ngoại ấy vẫn lung linh huyền diệu như có như không, vùng phương ngoại ấy cũng không ngoài tâm mà cũng là thật có! Nếu không có cái vùng phương ngoại ấy thì ta biết sống làm sao nổi với cuộc đời này, nếu không có vùng phương ngoại ấy thì kiếp người sẽ cô đơn và khổ sở biết bao trong cõi đi về này! Thế gian này dù có ra sao đi nữa thì vùng phương ngoại vẫn lung linh trong tâm ngoại, tâm tôi, tâm tất cả mọi người!



Ngoại đã về với vùng phương ngoại ấy thì ngoại hãy yên lòng, rồi mai đây sẽ đến lượt con cháu. Mọi người sẽ lần lượt đến phiên mình; tử- sanh vốn bất tận. Kinh Phật từng cảm thán: “Sinh tử bì lao”! Dù thế nào ta cũng phải sống, sống trong từng phút giây hiện tại, an lạc trong từng phút giây hiện tại. Không có ai có thể biết được khi nào sẽ đến phiên mình. Điều quan trọng là hãy sống hết mình cho hôm nay!

Thời gian như nước qua cầu, năm xưa cụ Bá Trắc từng viết: “Hồ trường nay biết rót về đâu?” Người Phật tử không uống rượu nhưng “*nước xuôi làm rượu quan hà chuốc say*” (thơ Phạm Thiên Thư). Nhớ thương ngoại, nhớ quê hương thiết tha, dù sống ở hải ngoại vật chất có đủ đầy đi nữa vẫn không sao xoá mờ hình ảnh cổ quận trong tim tôi. Có danh nhân nào đó từng nói: “chỉ có thể rút người ta ra khỏi quê hương chứ không thể rút quê hương ra khỏi trái tim người.”

Hải ngoại những ngày cuối năm, người ta rộn ràng cho mùa lễ. Tôi vẫn lang thang như một người đi tìm một vùng phương ngoại nào đấy trong tâm hồn tôi! Không biết nhân duyên thế nào mà những người con nước Việt lao đao lận đận vậy? Người ở lại khổ, kẻ ra đi cũng chẳng hơn gì! Tâm tư vẫn đau đáu về cổ quận xa xôi. Người con nước Việt vốn ngàn đời sống với quê hương, tổ tiên đâu có ai muốn làm viễn khách ly hương. Nhân duyên thì trùng trùng vô tận, kiếp người thì ngắn hạn, trí tuệ thì không... Vô tình khách vẫn lang thang trên nẻo đường đời, vẫn mơ về cổ quận!

TIỂU LỤC THẦN PHONG
 Ất Lã thành, mùa đông
 2017

The Story of the Judge

(*Dhammapada, Verse 256 and 257*)

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (256) and (257) of this book with reference to some judges, who were corrupt.

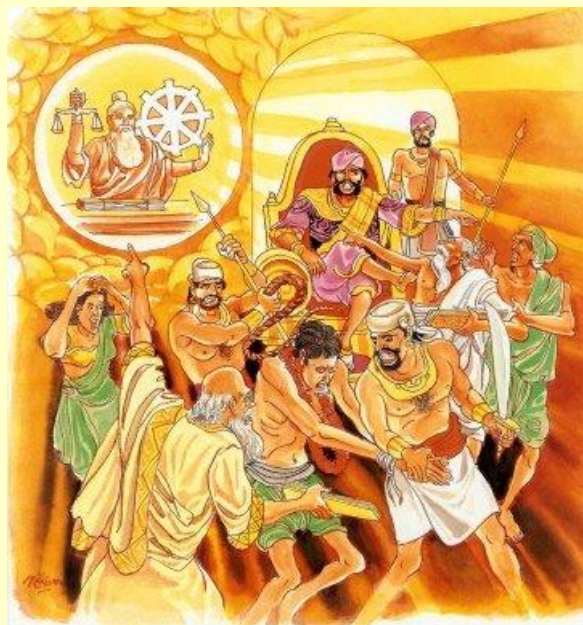
One day, some Bhikkhus were returning from their round of alms, when it rained and they went into a law court to take shelter. While they were there, they found out that some judges, having taken bribes, were deciding cases arbitrarily. They reported the matter to the Buddha and the Buddha replied: Bhikkhus! In deciding cases, if one is influenced by affection or by monetary consideration, he cannot be called 'the just', or 'a judge who abides by the law.' If one weighs the evidence intelligently and decides a case impartially, then he is to be called, 'the just' or 'a judge who abides by the law'.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 256: He is not just if he decides a case arbitrarily; the wise man should decide after considering both what is right and what is wrong.

Verse 257: The wise man, who does not decide arbitrarily, but in accordance with the law is one who safeguards the law; he is to be called 'one who abides by the law (dhammattho).

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
 Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



LỄ TƯỞNG NIỆM CỐ HT. THÍCH ĐỨC CHƠN TẠI CHÙA KHÁNH HỖ

Bình Sa



GARDEN GROVE (VB) -- Lễ tưởng niệm Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn, Viện Chủ Tu Viện Quảng Hương Già Lam tại Sài Gòn, Thượng Thủ Hội Đồng Tăng Già Bản Thệ của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, đã được long trọng tổ chức tại Chùa Khánh Hỷ, do Thượng Tọa Thích Pháp Tánh làm Trú Trì, tại thành phố Garden Grove, Miền Nam California, Hoa Kỳ, với sự quang lâm của nhiều chư tôn đức Tăng Ni, và sự tham dự của các Huynh Trưởng lãnh đạo và đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, quý Cư Sĩ, các cơ quan truyền thông báo chí và đồng hương Phật Tử, vào chiều tối Chủ Nhật, ngày 3 tháng 12 năm 2017.

Buổi lễ do Đại Đức Thích Trí Đức điều hợp chương trình tổng quát.

Trong phần giới thiệu chư tôn đức Tăng, Ni quang lâm gồm có Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, Santa Ana; HT Thích Thái Siêu từ Bắc California xuống; HT Thích Quảng Thanh, Viện Chủ Chùa Bảo Quang, Santa Ana; HT Thích Minh Dung, Viện Chủ Chùa Quang Thiện và Tu Viện Sơn Tùng, Ontario; HT Thích Bửu Lợi tại trú xứ Chùa Quang Thiện; TT. Thích Tâm Trường, Tu Viện Pháp Vương, Escondido; TT. Thích Tâm Lương, TT Thích Tín Mãn, Ni Sư Thích Nữ Tuệ Từ, Ni Sư Thích Nữ Tịnh Quang, Ni Sư Thích Nữ Huệ Thảo, v.v...

HT Thích Minh Dung cung tuyên tiểu sử của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn. Xin trích một vài đoạn về thân thế và hành hoạt của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng như sau:

"Cố Trưởng Lão Hòa Thượng húy thượng Nguyên hạ Mỹ, tự Đức Chơn, hiệu Hải Tánh, thế danh Phạm Hữu Thâm, sinh năm 1932 tại làng Quy Lai xã Phú Thạnh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xuất thân trong một gia đình nhiều đời chánh tín Tam bảo, thân phụ là cụ ông Phạm Hữu Vân, Pháp danh Nguyên Đàm, thân mẫu là cụ bà Hồ Thị Lành, pháp danh Nguyên Mãn. Thuở nhỏ, Hòa thượng thường theo song thân đến chùa lễ Phật, tu tập hạnh lành. Do ngưỡng mộ cao phong và tâm lượng hoằng pháp của bậc Thầy lớn húy thượng Trí hạ Thủ, Hòa thượng đã xin phép song thân xuất gia đầu Phật tại Chùa Ba La Mật, Cổ Đô Huế, được Thầy ban cho pháp danh Nguyên Mỹ.

"Sau khi thọ giới Cụ Túc, năm 1957, Hòa thượng theo Thầy Bồn Sư vào học tại Phật Học Viện Trung Phần, Hải Đức, Nha Trang.

"Sau mùa Pháp nạn 1963, Hòa thượng vào Sài Gòn tu học và hành đạo. Trong thời gian này, Hòa thượng đảm nhận các Phật sự: Trụ trì chùa Long Huệ – Gò Vấp, Trụ trì tu viện Quảng Hương Già Lam, Chánh Đại Diện GHPGVNTN xã Hạnh Thông Tây. Khi về trụ trì Chùa Long Huệ, Hòa thượng đã khai





sinh GDPT Quảng Hương (nay là GDPT Đức Chơn), trợ duyên và bảo bọc GDPT hết lòng.

“Sau khi nước nhà thống nhất, cũng chính là lúc lòng người ly tán, Hòa thượng được Bổn Sư giao phó trụ trì Quảng Hương Già Lam, phụ giúp Ân Sư trong công việc hoằng pháp. Đặc biệt, Ngài đã phụng hành ý chỉ của Tôn Sư, tổ chức và chăm lo cho lớp Cao Đẳng Phật Học, lớp Phật Học duy nhất trong cả nước thời ấy được đào tạo với trình độ ngang bằng đại học. Thời kỳ này nhờ có những bậc Giáo thọ uyên thâm, thạc học như Hòa Thượng Minh Châu, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Trí Siêu, Thầy Nguyên Hồng, nên tuy không phải Học Viện chính quy, nhưng rất nhiều Tăng sĩ trẻ đã vận tập về Già Lam tu học. Những giáo trình kinh luật, ngoại ngữ Phạn, Pali, cho đến việc biên soạn, ấn hành kinh sách vẫn được thực hiện dù hoàn cảnh vô cùng khó khăn, tất cả đều nhờ tâm nguyện lớn của Đức Trưởng lão thượng Trí hạ Thủ và sự chăm lo của Hòa thượng trụ trì. Rất nhiều học tăng thành danh sau này, từ trong nước đến hải ngoại đều khắc ghi những năm tháng đáng nhớ này, những năm tháng kéo dài từ 1975 đến 1984, khi Đức trưởng lão thượng Trí hạ Thủ viên tịch.

“Từ năm 2004, Hòa thượng ủy thác Phật sự trụ trì Tu viện cho Hòa thượng Thích Nguyên Giác, Ngài được Môn phái suy tôn Viện chủ Tu viện Quảng Hương Già Lam, và Ngài cùng với Hòa thượng trú trì tổ chức đại trùng tu Tu viện dưới sự hộ trì của tứ chúng.

“Tại Đại hội bất thường GHPGVNTN tổ chức tại Tu viện Nguyên Thiều, Hòa thượng được cung thỉnh



đăng lâm pháp tịch thành viên Hội đồng trưởng lão Viện Tăng Thống, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ Viện Hóa Đạo GHPGVNTN.

“Trước chương duyên bữa trùm ngôi nhà Áo Lam Truyền Thống, Hòa thượng đã cùng Chư vị Tôn Đức thương yêu GDPTVN công bố Bản Thệ Tăng Già làm nơi quy ngưỡng cho tứ chúng, đồng thời kiến lập Hội Đồng Tăng Già Bản Thệ, Hội Đồng Cổ Vắn Giáo Hạnh GDPTVN, tác thành mọi Phật sự của GDPTVN trên toàn Thế giới. Bằng công hạnh và đức độ cao vời, ân thâm nghĩa trọng, Chư tôn Thiền Đức đã cung thỉnh Ngài đăng lâm pháp tịch Thượng Thủ Hội Đồng Tăng Già Bản Thệ từ năm 2012 cho đến ngày viên tịch.

“Bốn giờ sáng ngày 27 tháng 11 năm 2017 (nhằm ngày 10 tháng 10 năm Đinh Dậu), Hòa thượng đã thuận thế vô thường, an nhiên thu thần xả báo thân tại Phương trượng Tu Viện Quảng Hương Già Lam, thọ thế 86 năm, 62 hạ lạc.”

Trong phần đạo từ cho thất chúng tham dự lễ, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí nói rằng trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước và đạo pháp sau năm 1975, Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn đã cùng với Bổn Sư là Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ hy sinh hết mình để thực hiện việc đào tạo Tăng tài tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam và nỗ lực không ngừng để bảo bọc và nuôi dưỡng Gia Đình Phật Tử Việt Nam là điều vô cùng quý giá. Vì theo HT Thích Nguyên Trí, nếu không có những hy sinh như Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Cố HT Thích Đức Chơn thì làm sao ngày nay có được nhiều Tăng Ni đang đảm nhận nhiều trọng trách hoằng pháp trong



và ngoài nước. HT Thích Nguyên Trí cũng khuyên quý anh chị em Gia Đình Phật Tử hãy noi gương Cố HT Thích Đức Chơn để tiếp tục sứ mạng dạy dỗ và nuôi dưỡng thế hệ con em người Việt tại hải ngoại.

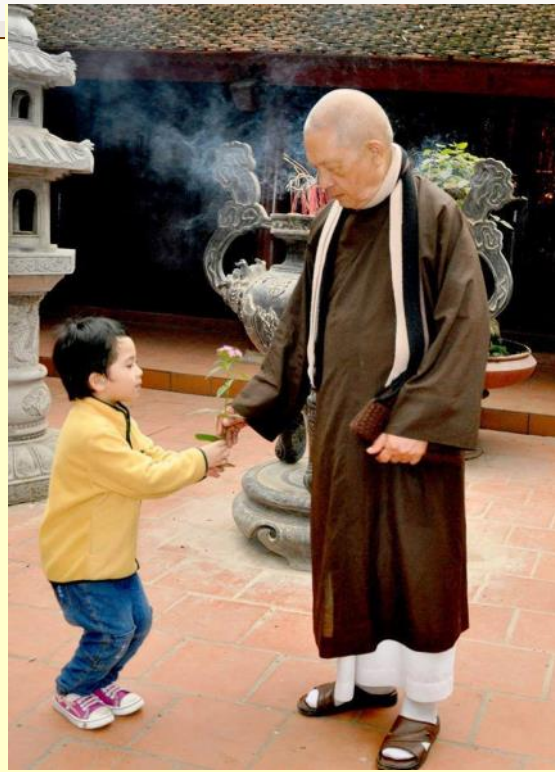
TT Thích Pháp Tánh cũng đã bậc bạch niềm tri ân sâu xa lên Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn từ lúc Thượng Tọa còn là chủ điều ở Già Lam cho đến khi thường trú tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam để theo học các trường Đại Học Phật Giáo. Thượng Tọa cũng nhắc đến những năm tháng khó khăn của Tu Viện Quảng Hương Già Lam sau khi Cố HT. Thích Trí Thủ viên tịch vào tháng 4 năm 1984, nhưng nhờ Cố HT. Thích Đức Chơn lãnh đạo và duy trì sinh hoạt của Chùa Già Lam mà sau đó có thể tiếp tục làm trú xứ cho chư học Tăng lưu trú để đi học.

Hòa Thượng Thích Quảng Thanh đã thay mặt tất cả quý Thầy và Cư Sĩ của Hội Thân Hữu Già Lam tại hải ngoại dâng lời tri ân lên Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn là vị Trú Trì lo chỗ ăn chỗ ở cho các học Tăng của Lớp Cao Cấp Phật Học tại Vu Viện Quảng Hương Già Lam trong những năm từ 1980 tới 1984, mà trong đó Hòa Thượng Thích Quảng Thanh cũng là một học tăng tham dự. HT Thích Quảng Thanh nói rằng các cựu học Tăng tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam hiện có mặt và hành đạo khắp nơi trên thế giới đều cảm niệm ân đức của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn.

Các Huynh Trưởng Cấp Dững cùng với các Huynh Trưởng lãnh đạo và đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ đã đến trước Giác Linh Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Ân Sư Thích Đức Chơn để dâng hoa, dâng lễ tri ân và dâng lời cảm niệm và thọ tang trong tâm khảm đau buồn trước sự ra đi và mất mát lớn lao cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Tất cả Anh Chị Em Gia Đình Phật Tử Việt Nam có mặt trong buổi lễ đều đồng ca bài hát chính thức của GDPTVN là bài Sen Trắng để dâng lên cúng dường bậc Ân Sư đã dày công bảo bọc và nuôi dưỡng GDPTVN.

Chư tôn đức Tăng, Ni đã trang nghiêm cử hành nghi thức tưởng niệm và Tiến Giác Linh Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn. Qua lời xướng lễ của TT. Thích Tâm Lương, đại chúng đồng kính lễ Giác Linh Cố Hòa Thượng Tân Viên Tịch để tri ân công đức lớn lao của Ngài đối với Đạo Pháp và Dân Tộc.

Sau Lễ Tưởng Niệm, chư tôn đức Tăng, Ni và Phật Tử các giới được mời ở lại cùng dùng bữa ăn tối tại Chùa Khánh Hy.



NHỚ ÔN

*Trời thu lạnh nhớ người... vừa khuất bóng
Đóa hoa đầm rơi rụng dấu an nhiên
Vững chãi, thanh thoi giữa ngũ trước ưu phiền
Trì giới, nghiêm thân, hành bồ tát đạo
Hương dẫn tài bồi bao thế hệ Tăng Ni
Cuộc thế đổi thay Ôn vẫn vẹn từ bi
Bảo bọc đỡ nâng đàn con Lam tiến bước
Nhắc chúng con:
“đời ngũ trước xin nguyện vào trước”
Thương mến, quan tâm từng Phật sự khêu đèn
Đồng hành cùng Nhà Lam qua những đêm đen
Để hôm nay khắp năm châu cờ sen tỏa rạng
Bi-Trí-Dững tâm để thấp nối hạnh lành
Tu học, phụng sự, đền ơn Ôn trong muôn một.*

Thành kính đánh lễ giác linh Ôn

thơ

TTTT

(Huynh trưởng Bậc Lực 1/HN)

Mụt ghê nói tiếng người

Sọan giả: THÍCH MINH CHIỀU
(Truyện Cổ Phật Giáo)



Đời Đường vua Ý Tôn ở đất Trường An có một nhà sư mắc phải bệnh cùi, hằng ngày thất tha thất thiếu trong bộ quần áo lang thang, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở lói, ai trông thấy cũng gớm nhờm. Thịnh thoảng, một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít quà bánh không đáng giá, ngoài ra không ai buồn đá động đến, hoặc hỏi han điều gì cả, vì vậy chẳng ai biết nguyên quán nhà sư ở đâu. Một hôm, trên con đường lớn xuôi về cổng chùa An Quốc, nhà sư tình cờ gặp Ngô Đạt, lúc ấy chưa phải là một tu sĩ nổi danh.

Thấy người đồng đạo trong cơn hoạn nạn, Ngô Đạt quá đau thương cố thỉnh về ở với mình. Trước tâm tình chân thật, lời lẽ thiết tha của Ngô Đạt, nhà sư nhận chịu. Ngô Đạt rước về chùa, kính như bậc thầy, hết lòng cung phụng. Mỗi ngày sáng dậy,

Ngô Đạt lấy nước nóng, rửa lau ghê lở, tuyệt đối không tỏ vẻ gì nhờm gớm cả. Sau một thời gian khá lâu, nhà sư từ giã ra đi, Ngô Đạt tỏ lòng quyến luyến, cầm cọng lăm lờ, nhưng nhà sư không đổi ý. Thấy thế Ngô Đạt thiết tha xin theo để sớm hôm giúp đỡ, nhà sư cũng từ chối nốt, bảo rằng: "Trên đường danh đức, ông ngày sau sẽ được hiển đạt, ông nên ở lại, đừng nghĩ việc theo tôi mà phải trôi nổi bênh bồng, mai một khả năng siêu tuyệt của mình. Nhưng điều này nên để da: 'Hãy cẩn thận trong khi hưởng thụ những phần hưởng danh dự, vì nó có thể làm tổn thương đạo niệm của mình.' Tôi hết sức cảm nghĩa tốt của ông, vậy nếu sau này có bị tai nạn gì hãy nhớ qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu, núi Trà Lung mà tìm tôi. Cứ đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tùng to tục gọi là 'Song tòng lãnh' chúng ta sẽ gặp nhau."

Dặn dò xong, nhà sư từ biệt, Ngô Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới quay gót trở về.

Ngày qua tháng lại, Ngô Đạt đến thời kỳ hiển đạt. Bấy giờ ở kinh đô, người người đều quen biết và khâm phục danh đức của Ngài. Một vị sư có tài, có đức, giảng pháp hay, hiểu biết rộng, tiếng tăm vang dậy, khắp nơi.

Vua Ý Tôn qua nhiều lần thăm dò, trải bao cơn thử thách, mới chịu thỉnh Ngài vào cung giảng đạo. Cách ít lâu lại phong Ngài lên làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quý. Danh vọng này còn danh

vọng nào hơn!

Một hôm, nhân lên ngồi trên ghế trầm, nghĩ mình tài đức không ai bằng, vua kiêu, quan phục, trăm họ kính nhường, Ngô Đạt thấy thật không còn nắc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, Quốc sư vội bảo đồ đệ dìu vào phòng thượng, nằm mê man suốt hai ba giờ mới tỉnh lại. Cảm nghe trong mình khó chịu biết đã thọ bệnh, chợt rờ xuống gối nghe đau vén quần lên, thật là hết sức kinh ngạc. Một mụn ghê giống tạc như mặt người, có mày mắt, miệng, tai, mũi đủ cả. Ghê tởm quá! Kinh sợ quá! Quốc sư ngất đi, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụn ghê nghiến răng, đau buốt thấu xương, khổ sở quá không phương gì cứu chữa. Các danh y và Quốc y đều được vua mời đến chữa cho Ngài, mà mỗi lần thoa thuốc men là mỗi lần chết giấc

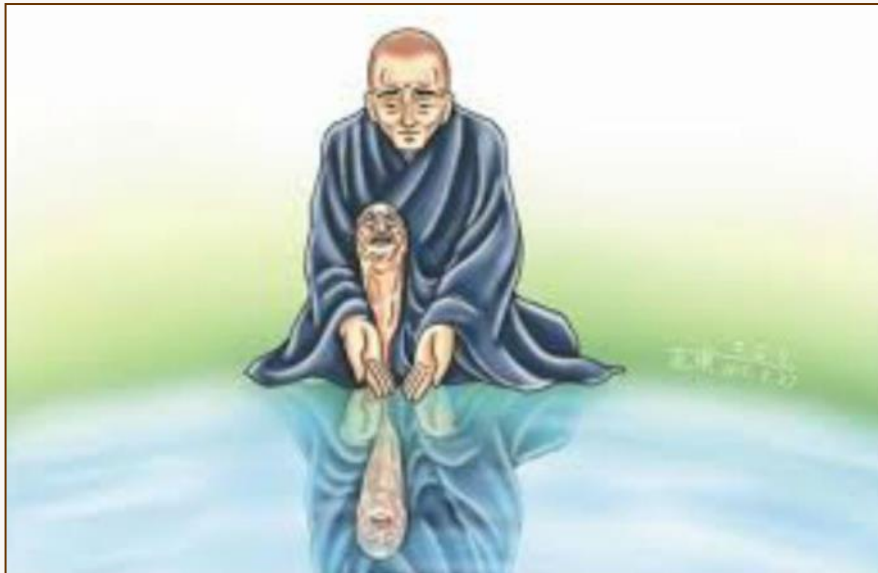


chớ không thấy thuyên giảm phần nào cả. Nhưng lạ, hề mỗi lần dứt thịt vào thì lại thấy mọt ghẻ ăn ngay và lại nghe trong mình êm ái dễ chịu. Thật là một quái bệnh xưa nay chưa từng thấy. Các danh y, quốc y đều thúc thủ. Quốc sư lần lóc chịu khổ sở mãi như thế đến hơn tháng trời, nằm nghĩ cuộc đời chả ra chi, thân như bọt nước thoát có, thoát không, thoát còn, thoát mất, đáng ghê sợ. Nhân nhớ đến vị sư bệnh khi xưa, ôn lại những lời dặn dò thiết yếu, Quốc sư sức tình, bèn cố gắng một thân bị đau nhức, cắn răng lần mò qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến chân núi Trà Lung. Bởi đường dốc quanh co, nên mãi đến lúc hoàng hôn mới tìm ra được dấu. Kia hai cây tùng đả lộ bóng, nhưng vị sư đâu chẳng thấy hình dạng; nếu không tìm gặp, thì đêm nay không khỏi dã thú nhai xương giữa chốn rừng núi hoang vu, không một bóng người thấp thoáng. Ngộ Đạt đang ngơ ngác đoán nhìn bốn phía, lòng những lo sợ bồi hồi, thì may quá, hình bóng thân yêu và quen thuộc khi xưa của vị sư, bỗng hiện ra trong một gộp đá gần đấy. Một tiếng kêu rú thất thanh vì mừng, Ngài Ngộ Đạt bất chấp đau đớn, chạy lại và leo nhanh lên gộp đá, ôm choàng lấy vị sư hỏi han rồi rít. Khi bọc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, Ngài bèn kể bằng nước mắt sự khổ sở đau đớn của mình cho vị sư nghe. Vị sư thốt lời an ủi và dìu dẫn Ngộ Đạt về Thảo am trên lưng chừng núi, Ngộ Đạt thưa:

“Bạch Thầy, kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khốn nạn, bức bách, khổ sở không còn bút mực nào tả xiết, xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức Thầy thật vô lượng vô biên.”

“Không hại gì,” vị sư đáp, “oan oan nghiệp chướng của ông đã vay từ nhiều đời về kiếp trước, ngày nay phải đến thời kỳ đền trả. Ông phải nhẫn nại trả xong mỗi nợ máu tiền



kiếp ấy, mới có thể giải thoát được. Đức Thế Tôn ta khi xưa còn thị hiện nạn gươm vàng đâm vết, ăn lúa ngựa thay, huống chúng ta là hạng người phạm phu làm sao mà thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng cần thiết là đừng nên vay nữa mới được.”

“Thưa thầy, thầy nói nợ máu là thế nào đệ tử không hiểu ra sao cả, xin thầy hoan hỷ giảng cho.”

“Chuyện ấy rồi ông tất sẽ rõ, vì đã có người sẽ nói cho ông nghe giờ khắc rất gần đây.”

Rạng ngày hôm sau, nhà sư dạy đồng tử dẫn Ngộ Đạt xuống ngọn suối dựa triền, lấy nước rửa ghẻ. Đồng tử vừa toan khoát nước thì thoát nghe tiếng thét từ trong mọt ghẻ phát ra:

“Khoan, hãy khoan đã, ta có việc cần muốn nói với ông.”

Ngộ Đạt và đồng tử đang cơn kinh ngạc, thì mọt ghẻ tiếp lời:

“Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy ông đã từng đọc sách Tây Hán chưa?”

“Đã có xem qua vài lượt,” Ngộ Đạt đáp.

“Vậy ông có nhớ chuyện người Viên An dìm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ chăng?”

“Nhớ lắm, nhớ lắm. Nhưng hỏi thế để làm gì?”

“Chính ông là Viên An còn Triệu Thố là tôi, ông giết tôi oan đến dường nào, ông có biết chăng? Thù ấy, oan ấy, thâm xương thấu cốt tôi đã

từng mười đời theo dõi bên ông để tìm dịp báo oán, nhưng suốt mười đời ông luôn luôn làm bậc cao tăng, tinh nghiêm giới luật, tôi đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mỗi thù, đòi xong món nợ máu mới thôi. Mới vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm đến Quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bừng khởi, khuyết phần đức hạnh, tôi mới nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ nần trên. Ngày nay, nhờ Ngài Ca Nặc Ca Tôn Giả thương xót ra tay cứu giải cho ông, lại cho dùng nước Tam muội rửa tội, nhờ thần lực của Ngài khiến cho ông và tôi, từ đây oán hận không còn, cứu thù tan mất, vậy kính khuyên ông, hãy cố gắng tinh tấn tu hành và chúc ông vuông tròn đạo nghiệp. Tôi xin chào vĩnh biệt.”

Ngộ Đạt nghe xong, đầy mình mọc ốc. Đồng thời với tay khoát nước rửa mọt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, Ngộ Đạt nghe đau buốt thấu xương, ngất lịm hồi lâu. Khi tỉnh lại, mọt ghẻ đã lành da thịt liền lại như xưa, không chút vết sẹo nào. Quốc sư mừng quá đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ơn dày của Tổ, tự thệ từ đó tinh tiến tu hành không dám chậm trễ nữa.

Bộ *Thủy sám* ba quyển vốn tự tay Ngộ Đạt viết ra để làm pháp sám sau khi lành bệnh.

TRÁCH NHIỆM CỦA HÀNG THÍCH NỮ

THÍCH NỮ GIỚI CHÂU

(Ghi lại buổi gặp gỡ thân mật của Chư Ni tại chùa Bát Nhã, Santa Ana, ngày 12 tháng 12 năm 2017)

Buổi gặp gỡ thân mật gồm có 40 Ni Sư và Sư Cô không phân chia giáo hội hay hệ phái, cùng với sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành (HĐĐH) Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK), Viện chủ chùa Bát Nhã, Santa Ana; Hoà Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH GHPGVNT-NHK, Viện chủ chùa Phật Đà, San Diego, CA; và sự hiện diện của Ni Sư Thích Nữ Như Tường, Viện chủ Ni viện Như Thị, Bình Tân, Việt Nam, cùng hai vị cư sĩ Tâm Huy, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH, và Tâm Quang, chủ bút nguyệt san Chánh Pháp.

Khai mạc buổi lễ với lời cầu nguyện chư Phật gia hộ của Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử. Tiếp đến, Ni trưởng Trưởng Ban Tổ Chức đọc lời khai mạc với mục đích của Chư Ni đang sinh hoạt tại Hoa Kỳ. Chư Ni Việt nam lấy Giới Định Tuệ làm nền tảng tu học; sống và sinh hoạt trong tinh thần lục hoà; cư xử với nhau bằng tình thương và sự tôn kính để làm gương mẫu cho Phật tử tại gia. Mục đích tối hậu của người xuất gia là giải thoát, giác ngộ, như Tổ Quy Sơn đã dạy: *"Là người xuất gia, một khi đã cất bước lên đường, phải hướng về phương trời cao rộng, tâm tư và hình dung khác người thế tục, hàng phục các thứ ma, tiếp nối giòng giống Phật tổ để báo đáp bốn ân..."* Đó là trách nhiệm của hàng Thích Nữ (con gái của Phật Thích Ca).



Để hội nhập đời sống tại Hoa Kỳ, chư Ni cần học Anh Văn, để tiếp thu văn hoá, luật pháp, và phong tục tập quán của người địa phương, để có thể giao tế, hướng dẫn, hoặc giảng dạy Phật pháp cho người bản xứ. Chư Ni trẻ tuổi, cố gắng theo học các trường đại học, chọn những môn phù hợp với người xuất gia, như giáo dục, tâm lý, xã hội, hoặc y tế để có thể đóng góp vai trò của nữ tu sĩ Phật giáo trong xã hội Hoa kỳ.

Chư Ni ước nguyện thành lập một trung tâm khiếm tốn, để giúp chư Ni trẻ có chỗ ở ổn định và sự tu học được thuận tiện. Chư ni lớn tuổi được sống chung với chư Ni trẻ trong tinh thần lục hoà, yên tâm tịnh dưỡng, và đi sâu vào thực hành Phật Pháp.

Sau lời khai mạc của Trưởng Ban Tổ Chức, Hoà Thượng Nguyên Trí dạy: "Chư Ni cùng nhau ngồi lại trong tinh thần đoàn kết, không phân biệt thành viên của giáo hội hay hệ phái nào. Đây là bước tiền của chư Ni, thầy rất hoan hỷ và ca ngợi sự đoàn kết của chư Ni. Tuy nhiên thầy xin nhắc, chư Ni phải đoàn kết thực sự, đừng làm hình thức."

Sau đó, Hoà Thượng Nguyên Siêu dạy: "Tôi rất vui khi thấy chư Ni cùng nhau ngồi lại trong tinh thần hòa hợp vui vẻ, lại còn làm kế hoạch cho tương lai. Kể từ ngày thành lập Giáo Hội tại chùa Bát Nhã, năm 2008, buổi gặp gỡ thân mật của chư Ni hôm nay đánh động tâm





thức của chư Tôn Đức trong Giáo Hội. Sự hiện diện của chư Ni là một bước tiến đáng ghi nhận. Điều này nói lên tinh thần pháp lữ, cùng nhau đoàn kết, bảo bọc cho nhau. Chư Ni cố gắng đoàn kết, ngồi lại với nhau, tương thân, tương kính, để giúp đỡ lẫn nhau nơi xứ lạ quê người."

Ni Sư Như Tường là người bạn thân của Ni trưởng Trưởng Ban Tổ Chức cũng được mời phát biểu: "Chúng ta là con gái của Đức Phật, cần suy tư lại! Nghĩ đến Đức Kiều Đàm Di, đi bộ hàng trăm cây số, bàn chân rướm máu, để được xuất gia. Mục đích của người xuất gia là gì? Chúng ta cần khắc cốt ghi tâm lời Tổ Quy Sơn dạy. Mục đích của người xuất gia là tiếp nối giống giống Phật tổ, để hoằng dương chánh pháp. Tự mình tu tập cho được giác ngộ, và giúp người khác được giác ngộ như mình. Làm được như vậy mới bảo đáp bốn ân."

Trong những thập niên 1950, 1960, Quý Sư Bà ở Việt Nam đã bỏ nhiều thì giờ để vận động, kết hợp chư Ni thành lập Ni Bộ. Lấy lực hoà làm nền tảng cho Ni giới. Chúng ta nên áp dụng kiến hoà đồng giải, thì chư Ni ngồi lại với nhau không khó khăn. Nhưng làm thế nào chúng ta có ý kiến được hoà giải trong khi ai cũng cho mình đúng? Phật dạy, nếu chúng ta buông bỏ thành kiến (ý kiến riêng tư của chính

mình), thì chúng ta dễ chấp nhận ý kiến của người khác. Như Tường hy vọng rằng chư Ni cùng nhau đồng tâm, hiệp lực xây dựng ngôi nhà Ni Giới Việt Nam tại Hoa Kỳ."

Trong số chư Ni tham dự, có sư Cô Nguyễn Giác phát biểu cảm tưởng của mình: "Mỗi người có hoàn cảnh và đời sống riêng, như con thuê nhà ở để đi học. Con cảm thấy rất hạnh phúc khi được ngồi lại với nhau. Mỗi năm Giáo hội tổ chức an cư mười ngày, con rất vui, nói lên tinh thần đoàn kết của Tăng Ni. Chúng con chư Ni trẻ, như Đức Huy, Phước Quang, và quý Sư cô khác có tâm niệm với Ni giới. Nếu làm được gì cho Ni giới chúng con cố gắng đóng góp. Con hy vọng quý Ni Sư lớn ở ngay đây đến tham dự chia sẻ với chư Ni."

Trước ngày chư Ni quy tụ, cư sĩ Tâm Quang có gửi ban tổ chức bài "Vài Góp Ý Về Việc Xây Dựng Và Phát Triển Ni Giới Việt Nam Tại Hoa Kỳ." Bài viết ngắn gọn, cô đọng, nhưng nội dung thiết thực, đầy ý nghĩa, do đó Ni Sư Như Tường đề nghị đọc trước đại chúng. (Xin xem bài viết của Tâm Quang, trang 71)

Cuối cùng, Hòa Thượng Nguyên Siêu kết thúc bằng những lời khuyến tấn trung thực, đầy cảm thông và đạo vị: "Nói về ý thức sinh tồn của động vật, khi có những nguy hiểm nào, các động vật tụ họp lại để bảo vệ, che chở cho nhau. Cũng thế, chư Ni hoà hợp, đoàn kết, ngồi lại với nhau hôm nay rất quý báu. Quý Ni Sư tới Hoa Kỳ lâu năm, có kinh nghiệm học hỏi và tu tập nên giúp đỡ quý sư cô mới đến Hoa Kỳ. Vài Sư Cô trẻ mới nhập cư tại Hoa Kỳ, bị sốc về đời sống và văn hoá. Do đó, buổi gặp gỡ thân thiện này, là cơ hội để chư Ni ngồi lại với nhau, chia sẻ những khó khăn, và giúp nhau trên đường phụng sự Phật Pháp."

Buổi họp mặt kết thúc vào lúc 11 giờ trưa cùng ngày với ý thức về trách nhiệm của hàng Thích Nữ đối với Ni đoàn nói riêng, và tiền đồ Phật giáo nói chung, trên xứ người.

Chư Ni đã hội họp và chia tay trong tinh thần tương thân tương kính cùng với bữa cơm trưa thanh đạm nhưng ấm áp tình đạo do Sư Cô Huệ Chiêu cúng dường.



VÀI GÓP Ý VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NI GIỚI VN TẠI HOA KỲ

Cư sĩ Tâm Quang

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Ni trưởng,

Nhân cuộc họp mặt của Ni giới VN tại Hoa Kỳ vào ngày mai, mà bản thân tôi trong tư cách một ưu-bà-tắc, không thể tham dự và góp ý trực tiếp trong các cuộc thảo luận của chư Ni, nên xin được trình bày vài ý kiến thô thiển đến Ni trưởng như sau:

1. Mục đích: Khởi từ tâm ban sơ là "cát ái từ sở thân, xuất gia hành Phật đạo, thế độ nhất thiết nhân," chư Ni dù hành đạo trong nước hay ngoài nước đều phải nhớ lấy bản nguyên của mình để làm kim chỉ nam trong cuộc sống. Tập hợp chư Ni trong một hội chúng trước hết là để khẳng định con đường của tự thân, cũng như trách nhiệm liên đới đối với tập thể Ni giới. Tăng sĩ không thể sống không mục đích. Mục đích chính của người xuất gia là tu học và độ nhân, tức hoằng pháp. Ngoài mục đích này, tất cả các hành xử khác đều là thứ yếu.

2. Xây dựng: Xây dựng hải đảo tự thân là điều Đức Thế Tôn đã dạy và bao đời chư Tổ cũng đã kinh qua và truyền dạy cho chúng ta. Mỗi cá nhân phải tự rèn luyện mình trong mỗi phút giây bằng Giới-Định-Tuệ để khai mở tuệ giác và giữ gìn đạo hạnh của mình trong mọi hoàn cảnh; từ đó mới có thể xây dựng được cho tập thể Ni giới, cũng như cho xã hội, cho tha nhân. Cần xây dựng tự thân vững chắc trước khi xây dựng tự viện và tiếp độ hậu lai. Xây dựng Ni viện có thể dung chứa được một Ni chúng tu học vững mạnh; nếu chưa xây dựng được cơ sở lớn, hãy sử dụng chính tự viện, tịnh thất nhỏ của mình để cứu mang, nâng đỡ các đàn em đến sau.

3. Quyền lợi: Bản thân người xuất gia vốn đã chọn trí tuệ giác ngộ làm sự nghiệp, nên sống đời vô tham, vô cầu, không lợi dưỡng. Nhưng trong tiếp cận thực tế với xã hội, chư Ni cần biết quyền lợi căn bản của cuộc sống mà mỗi người cần có để ổn định đời sống, từ đó mới yên tâm tu học và hành đạo không bị vướng mắc, trở ngại đối với nhân tâm và luật pháp thế gian.

- Quyền lợi tinh thần từ Ni đoàn: Nếu không ẩn t-u nơi thâm sơn cùng cốc mà dẫn thân sống giữa cuộc đời đầy phức tạp này, chư Ni cần nhớ rằng nếp sống của Tăng đoàn, Ni đoàn (Sangha) luôn cần sự trợ duyên trợ lực của tập thể từ 4 người trở lên. Sinh hoạt với Ni đoàn chúng ta sẽ được hưởng năng lực đạo đức vô hành của tập thể Ni. Giới hạnh và năng lượng tu tập của Ni đoàn bảo vệ chúng ta khỏi những chướng duyên, ác nghiệp, đồng thời làm trợ duyên tăng trưởng nội lực của chúng ta.

- Quyền lợi đời sống thực tế: Trong Ni đoàn luôn có những bậc cao đức trưởng thượng mà chúng ta cần nương tựa học hỏi, cũng như những vị đàn chị đi trước, có nhiều kinh nghiệm hơn ta, có cơ sở, tự viện và khả năng tài chánh có thể đùm bọc, nâng đỡ chúng ta vượt qua những hoàn cảnh khó khăn cá

biệt. Như công đoàn (union) của công nhân các xí nghiệp, Ni đoàn có thể đóng vai trò là tổ chức bảo vệ quyền lợi của cá nhân các Ni: nêu cao phẩm hạnh, giữ gìn thể diện và vị trí của mỗi vị Ni đối với chư Tăng cũng như đối với các cá nhân và tổ chức thế tục khác; không để chư Ni bị lạm dụng thời gian và công sức một cách phi lý và vô bổ cho những việc làm với mục đích riêng tư của ai đó; giúp đỡ hồ sơ pháp lý và tạo điều kiện cho chư Ni có được nơi ăn chốn ở ổn định để được tiếp tục tu học.

4. Phát triển: Xây dựng được tự thân và nơi chốn ổn định rồi, chư Ni mới có thể giốc lòng phụng đạo, hoằng pháp. Công việc thích hợp nhất cho đại đa số chư Ni ở trong cũng như ngoài nước là Giáo dục và Từ Thiện Xã Hội.

- Giáo dục: Việc giáo dục là việc dài lâu, to lớn nhưng trước mắt, chỉ cần tập trung vào các việc trong tầm tay của chư Ni được đào tạo từ Phật học viện và Học viện Phật giáo trong nước, mà thiếu sự giáo dục đào tạo từ Hoa Kỳ. Trở ngại ngôn ngữ làm giới hạn khả năng của chư Ni trong công tác giáo dục học đường. Nhưng những Ni trẻ còn cơ hội và khả năng theo học các trường đại học tại Mỹ, có thể chọn học về sư phạm, để giảng dạy hoặc mở trường tiểu học tư, trường mẫu giáo (kindergarten), là cách hay để gần gũi lớp mầm non, gieo trồng căn lành của Phật cho các cháu.

- Từ thiện Xã hội: Chư Ni cần làm việc từ thiện xã hội nhưng không lấy việc cứu tế làm sự nghiệp hay mục đích đời sống, mà chỉ xem như phương tiện hành đạo: vun bồi lòng từ bi, thực hiện hạnh bố thí. Các Ni trẻ nên học cách tạo ngân quỹ và xin tài trợ (funds) từ chính phủ hoặc các cơ quan từ thiện lớn để ủy lạo, cứu trợ khắp nơi với lòng từ bi không điều kiện. Không mong cầu báo đáp, cũng không ép buộc ai nhớ Phật hoặc cải đạo theo Phật, nhưng hình ảnh từ ái của chư Ni trước những cơn cùng khổ sẽ gián tiếp gieo niềm tin và khơi mầm Phật chủng cho nhân sinh.

Trên đây là vắn tắt những góp ý căn bản mà Ni trưởng có thể triển khai tùy theo tâm lý và điều kiện của đại chúng.

Điều quan trọng là làm sao nhắc nhở, khuyến tấn được chư Ni luôn nhớ bản nguyên của mình, đứng vì hoàn cảnh mà đánh mất bồ đề tâm.

Mặt khác, chư Ni đi trước cần mở rộng vòng tay, sẵn sàng đùm bọc và bảo vệ các thế hệ đi sau khi họ cần đến. Đừng đòi hỏi họ đóng góp gì cho mình hay cho Giáo hội mà hãy quan tâm, tìm hiểu, lắng nghe và cố gắng đáp ứng những nguyện vọng căn bản nhất của họ trong đời sống.

Thành kính đánh lễ và nguyện cầu chư Phật gia hộ cho Ni giới Việt Nam khắp năm châu, tâm bồ đề kiên cố, vững chãi tiến bước trên con đường tự lợi lợi tha.

Nam mô Thành tựu Trang nghiêm Công Đức Phật
Kính bái.

ĐI THĂM DHARAMSALA — SỰ VI DIỆU CỦA THÁNH ĐỊA TÂM LINH

Bạch Xuân Phế

Chúng tôi được cơ duyên trường Đại học Gautam Buddha University mời thuyết giảng với đề tài Đem Chân Thiện Mỹ qua Hình thức Chánh Niệm đến với Giáo viên, Học sinh và Học đường trong Hội nghị quốc tế về "Phật giáo: Các truyền thống, tư tưởng và bất đồng" từ ngày 7-9 tháng 9 năm 2017 tại Đại học Gautam Buddha. Trong dịp này chúng tôi có cơ duyên làm quen với một số Tăng Ni Việt Nam đang du học tại trường Đại học này. Chúng tôi có nhã ý với quý Thầy Cô là được đi thăm viếng những thánh tích Phật Giáo nơi này, thế là sau buổi chia sẻ của mình. Chúng tôi được thuận duyên đi thăm Dharamsala, xứ sở của người Tây Tạng tỵ nạn tại Ấn Độ mà Ngài Dalai Lama, người đã định cư ở đây từ năm 1959 khi phải ly hương cố Quốc.

Từ ký túc xá của Đại học Gautam Buddha, Thầy Nhật Hoà thuê chiếc xe Uber để đến trạm xe Buýt để đi Dharamsala. Chúng tôi được hân hạnh và diễm phúc được đi cùng với Thầy Đồng Lai, Thầy Nhật Hoá, Sư Cô Thích Nữ Phước Tuệ, Sư Cô Thích Nữ Minh Thức và dĩ nhiên là chúng tôi rất tiếc Sư cô Thích Nữ Liên Trúc không thể đi cùng. Chiếc xe Uber từ từ rời ký túc xá; đúng giờ cao điểm, nên bị kẹt xe như những thành phố lớn khác trên thế giới. Tôi tưởng giao thông ở New York và LA là kinh hồn rồi, ở đây còn kinh khiếp hơn nữa vì ai nấy chen chúc dành đường mà đi. Nó tựa tựa như ở Việt Nam vậy,

nhưng thay vì xe honda thì ở Ấn Độ toàn là xe hơi và đủ loại xe cộ khác. Tới nơi thì cũng đã chạm tối, bãi xe đông người chen chúc và dơ bẩn. Chúng tôi cũng tìm đến được chuyến xe Bus luxury theo những tấm vé mà Thầy Nhật Hoà đã mua trên mạng để đi Dharamsala. Trên chiếc xe du lịch cấp cao này, đa phần là khách du lịch thập phương, Đông Tây đầy đủ--có cả một cặp tình nhân đến từ Do Thái.

Từ New Delhi đến Dharamsala tốn khoảng 10 tiếng đồng hồ. Chúng tôi lên xe lúc 6:30 và 7:00 tối thì họ rời bến. Xa dần những con đường đông đúc và bụi bặm của New Delhi, vừa ra thủ phủ hoàng hôn cũng vừa tắt, nhưng khung cảnh ngoại ô thanh bình và im ả. Đường xá ngoại thành và không gian cũng giống như ở Việt Nam, buồn và tẻ nhạt. Thấp thoáng những quán cóc bên đường. Xe chạy tới tấp qua những làng mạc nhỏ hẻo lánh và chúng tôi cũng thiếp dần trong giấc ngủ. Hơn 3 giờ sau, thì chúng tôi vừa tỉnh giấc để được nghỉ ngơi và dùng cơm tối trước khi tiếp tục. Tự nhiên trong đầu, mình mừng tặc là sẽ có những cái quán nhỏ như bên Việt Nam vậy; nhưng không, đây là một nơi nghỉ thoáng mát và sang trọng. Xuống xe thì có nhạc Ấn Độ mở to như nhạc Mễ Tây Cơ, tự nhiên cũng hết buồn ngủ luôn. Ở đây, người ta bán quán, quà lưu niệm và thức ăn vân vân như các nước Tây phương. Chúng tôi chọn nhà hàng để vào ăn để với đi





Toàn cảnh phía ngoài tư dinh Đức Đạt Lạt Ma

tiếng nhạc. Ở Ấn Độ, đa phần thức ăn là những món chay thuần túy, ít có thịt như những nơi khác. Nên rất hợp vị, chỉ có điều là họ không có đậu hủ như ở nước ta.

Sau khi buổi cơm chay thanh tịnh và đậm bạc. Chúng tôi chơi với nhau vài trò chơi nhỏ của Gia đình Phật tử trước khi lên xe. Đầu đó pha lẫn tiếng cười trong điệu nhạc phấn khởi ở xứ Ấn. Hành trình 6 tiếng đồng hồ kể tiếp trong đêm khuya nên chúng tôi cũng chập chờn trong giấc ngủ.

Trời đã sáng thì xe cũng đang trên con đèo quanh co. Nhìn xuống là thấy những hố xấu, cảnh vầy xanh um tùm và không khí thì dễ chịu. Mới đó, mà xe cũng đã đến thị trấn DHARAMSALA. Sau đó chúng tôi đến với Ngài Đạt Lai Lạt Ma thường trú, rất tiếc là hôm đó Ngài phải đi Âu Châu để giảng pháp. Ngồi chờ phái đoàn Thầy đi qua là lòng cũng hoan hỷ. Nếu được vào diện kiến Ngài và được Ngài thuyết giảng, tôi tin chắc là Ngài cũng nhắn nhủ cho mình và hàng Phật tử Việt Nam như những lời của anh Tầm Diệu viết trong **Bài Pháp Tuyệt Vời Của Đức Đạt Lai Lạt Ma Dành Cho Phật Tử Việt Nam Trên Đỉnh Dharamsala** như sau: *Khoảng 12 giờ trưa, Ngài ra trước dinh đón gặp và tự tay trao tặng cho từng người, mỗi người một bức hình tôn trọng đức Phật thờ tại Đại tháp Bồ Đề Đạo Tràng. Sau đó chụp hình chung lưu niệm với từng nhóm trong đoàn do đoàn quá đông, và cuối cùng ngài nói một bài pháp ngắn khoảng năm phút.*

Sau lời chào mừng ngắn gọn với đoàn Phật tử Việt Nam, ngài nói ngay rằng: "Đức Phật không phải là đấng tạo hóa (Creator). Ngài là một con người bình thường, đã tu hành và đã giác ngộ viên mãn, và đối với đạo Phật, mọi sự mọi vật đều do nhân duyên sinh khởi, do tác động của định luật nhân quả: "Law of Cause and Effect". Ngài nói tiếp rằng "muốn đạt được hạnh phúc chân thật thì cần phải có một tinh thần an lạc, và muốn có tinh thần an lạc, cần phải có tình thương và lòng từ bi (love and compassion)[1], làm sao để chúng ta phát triển được tình thương và lòng từ bi? Chỉ nghĩ đến cũng chưa đủ, chúng ta cần phải làm sao để chuyển hóa tâm niệm và hành động của mình trong đời sống hàng ngày. Chìa khóa cho một

thế giới hòa bình, hạnh phúc và an lạc bản thân chính là phát triển tình thương và lòng từ bi." Ngài cũng nhắc nhở "mỗi người chúng ta đều có Phật tánh và cần nỗ lực thực hành để trở thành vị giác ngộ như Phật đã thành". Ngài cũng không quên nhắc nhở Phật tử Việt Nam "nên đọc và thực hành kinh Đại Bát Nhã (Mahà Prajñāpāramitā Sūtra), nhất là những phẩm nói về Từ Bi, Trí Tuệ, Ba La Mật Đa (paramitas) và Tánh Không (emptiness)...".

Về với cái nỗi của người Tỵ nạn Tây Tạng tại Ấn Độ, lòng mình chùn xuống và những nỗi nằng hay suy nghĩ mông lung bỗng trở thành vô nghĩa. Thôi thì, chúng tôi đã ngồi im lặng chiêm.

NGỒI ĐÂY ĐẤT TỊNH

Ngồi thiền trên mảnh đất thiêng

Nghe đâu vạt nắng nghiêng nghiêng vô thường

Vai tròn còn đọng hạt sương

Hơi đều thở nhẹ tỏa hương ngát lòng

Để rồi, chúng tôi thấy được rằng, mọi thứ rồi cũng sẽ qua đi. Cái còn lại là gì thì? Thôi thì uống nước, nóng lạnh tự biết vậy. Xin kính mời quý vị, đến DHARAMSALA thăm một lần trong đời cho biết. Chúng tôi xin kết chúc bằng bài thơ này.

KHÔNG KHÔNG – SUNYATA SUNYATA

Tưởng rằng cõi có là không

Cõi không là có có-không bặt ngàn

Bây chừ sông núi rõ ràng

An vui tự tại buộc ràng chi mô!

Kính chúc tất cả chúng ta luôn bình an trong sáu thời, ba cõi. Xin chia sẻ một số ảnh chụp trong khuôn viên tư dinh của Đức Đạt Lai Lạt Ma và thị trấn DHARAMSALA.

Tham khảo / Reference:

1. Tầm Diệu, (2015). Bài Pháp Tuyệt Vời Của Đức Đạt Lai Lạt Ma Dành Cho Phật Tử Việt Nam Trên Đỉnh Dharamsala. Tải xuống từ <https://thuvienhoasen.org/a9575/bai-phap-cua-duc-dat-lai-lat-ma-danh-cho-phat-tu-viet-nam>

PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG

Thích Nữ Huệ Trân



Đối với người Phật tử, dù theo pháp môn nào, những ngày Lễ Vía của Chư Phật, Chư Bồ Tát đều là những ngày hoan hỷ, tâm cứ nao nức muốn tung một bốn kinh, tọa một thời thiền, thắp một nén nhang, cắm một bông hoa, tùy không gian, thời gian, phương tiện mà thể hiện tấm lòng cúng dường Chư Phật, Chư Bồ Tát.

Tại các tự viện lại càng không thể thiếu. Mùa nào thức nấy, chưng dọn đầy đủ, thời khóa trang nghiêm để đón tiếp Phật tử tới dự lễ.

Riêng Tháng Mười Hai, trong không khí nhộn nhịp chuẩn bị tổng cựu nghinh tân đón mừng năm mới, hàng Phật tử còn có Lễ Vía Đức Phật A Di Đà, vị Phật mà danh xưng Ngài đã thân thương kính quý, tới mức hòa vào hồn dân tộc, trở thành một mệnh đề chung, khi Phật tử chào hỏi nhau:

"A Di Đà Phật, có khỏe không? A Di Đà Phật, sao tuần trước không thấy lên chùa? A Di Đà Phật, nghe nói mới dọn nhà hả? có xa chùa không? ...A Di Đà Phật... A Di Đà Phật..."

Hầu như khi Phật tử gặp nhau thì câu nói đầu tiên là danh xưng vị Giáo Chủ Cõi Tây Phương Cực Lạc.

Năm nay, Lễ Vía Đức Phật A Di Đà tại một đạo tràng mới được tiếp nhận non hai tháng trước, đã vừa nỗ lực hoàn thành phẩm vật đặc

biệt để chuẩn bị cúng dường Lễ Vía Đức Phật A Di Đà.

Đó là Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng, tại tỉnh Perris, miền Nam California.

Bất động sản này rộng hơn 4 ngàn sq ft, khoảng 1.03 acres gồm một tòa nhà 2 tầng, 2 garage, sân trước, vườn sau, lối vào rộng rãi, thoải mái.

Khi quý thầy và một nhóm Phật tử được hướng dẫn tới xem nhà, ai cũng tin rằng đây sẽ là một đạo tràng tu Pháp môn Tịnh Độ. Nếu được hỏi tại sao tin

vậy thì câu trả lời của nhóm Phật tử mới dễ thương làm sao "Dạ, vì vừa bước vào đây là chỉ muốn niệm Phật."

Sự thỏa thuận giữa chủ nhà và quý thầy đã diễn ra nhanh chóng, thuận lợi hơn sự bình thường, khiến đôi bên đều hoan hỷ. Nhận đất mới chưa đầy một tháng, Thượng Tọa Thích Thường Tín đã mở Khóa Tu Vô Lượng Thọ một tuần để khẩn trình lên Chư Phật sự hiện diện của một đạo tràng khiêm tốn nhưng sẽ rất trang nghiêm.

Người chủ cũ dường như còn đang thiết kế nhiều đồ án cho căn nhà nhưng do một sự việc bất thường trong gia đình mà phải dời đi tiểu bang khác nên số vật liệu như xi măng, gỗ, gạch... họ để lại rất nhiều. Sân sau đã trồng nhiều loại cây, lối vào bên phải cũng đã rậm rạp cây cao bóng mát, nhưng phía bên trái, đối diện hông nhà lại là khoảng đất trống, rộng tới hơn 1000 sq ft mà họ chưa kịp xúc tiến.

Với khoảng đất trống đó, đa số Phật tử lên thăm đều nghĩ tới một vườn cây ăn trái. Ai cũng khởi tâm sẽ cúng dường, người thì lựu, người thì na, người thì táo, nhãn... Thầy Thường Tín chỉ mỉm cười bảo "Từ từ đã..."

Nhưng suốt khóa tu Vô Lượng Thọ, giờ chỉ tịnh là thấy Thầy quanh quần khu đất đó. Rồi không chỉ Thầy Thường Tín mà sau đó còn thêm Thầy Thiện Đức, cũng như không có gì đáng ngạc nhiên hơn khu đất trống. Rồi tới ngày cuối khóa tu, Phật tử hiện diện được quý thầy chia sẻ là nơi đó không phải vườn cây ăn trái mà quý thầy sẽ thực hiện 4 chữ nổi "A DI ĐÀ PHẬT" thật lớn, trực thăng bay ngang có thể thấy. Số lượng vật liệu chủ cũ để lại sẽ được dùng vào việc này.

Thầy Thiện Đức là một nghệ nhân nhiều kinh nghiệm trong việc thiết kế cảnh trí tại các tự viện, nên khi quý thầy đã đồng thuận thì dự án này được bắt đầu ngay.

Ngày đầu chỉ có hai thầy vừa san đất, vừa đo đạc, đóng khung chữ. Ngày sau, có thầy Quảng Đạo từ chùa Bảo Sơn, nghe tin bèn xuống giúp. Rồi sau đó, lại có nhị vị sơn tăng là quý thầy Thường Định và thầy Thường Quang cũng hạ sơn tiếp sức.

Chỉ trong tuần lễ đó, khu đất bình thường đã trở thành thiêng liêng, màu nhiệm với tứ tôn tự A DI ĐÀ PHẬT màu trắng tinh khôi trên nền xanh tươi mát.

Trong suốt tuần lễ làm việc, nào là đào, sỏi, sơn, phết... thôi thì cát bụi, gạch đá ngổn





ngang, nhưng vừa xong bốn chữ A DI ĐÀ PHẬT thì chiều hôm đó bỗng thấy mây xám bay ngang, rồi mưa! Mưa, như phẩm "Dược Thảo Dụ" trong kinh Pháp Hoa, thấm thấu đồng đều từng tấc đất, dù là đại thụ hay một nhánh cây non, tùy sức hút của mình mà tiếp nhận. Mưa tắm gội vạn hữu, tẩy sạch hồng trần, ươm mầm nụ mới.

Đứng giữa đất trời tinh khôi, bát ngát hương đạo vị, hành giả chỉ cần một chút lắng tâm cũng có thể cảm nhận tiếng thì thầm của những đợt lá phong đổi màu đang rơi xuống "Em đâu có mất. Em đang hòa thành đất, để lại nuôi cây. Em đang chuyển hóa thôi mà!"

Hành giả cũng đang chuyển hóa, đến hay đi cũng như bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông và với lòng tin sâu, thành kính, thì mỗi bước chân trên đại địa có thể là mỗi bước trở về. Trở về để gặp lại chính mình, để được thở không khí trên đỉnh Linh Sơn, được nghe pháp thoại trong trang nghiêm Trùng Các, được tọa thiền trong tinh thần tĩnh lặng Kỳ Viên, được thọ thực chánh niệm với lòng biết ơn trời đất và những khó nhọc lao tác để có bát cơm đầy...

Cơn mưa bất ngờ đến với Trang Nghiêm Tịnh Độ. Tịnh Độ Đạo Tràng tỉnh Perris như khoác lên cảnh trí một tà áo mới tinh khôi, như tắm lòng thành kính của quý Thầy vừa được Chư Phật hoan hỷ chứng minh.

Trang Nghiêm Tịnh Độ
Một ngày chớp đông

Quý thầy chung sức
Tạo nên kỳ công

A DI ĐÀ PHẬT
Tứ tự uy nghi
Thổi luồng gió mới
Vào tỉnh Perris

Âm thanh chuông mõ
Nhẹ nhẹ ngân vang
Lời kinh mẫn ái
Giúp người bình an

Từ Bi Hỷ Xả
Lan tỏa không gian
A DI ĐÀ PHẬT
Màu nhiệm vô vân.

Quý thầy dự tính sẽ mở khóa tu 3 ngày, dâng phẩm vật tối thượng vừa hoàn tất, cúng dường Lễ Vía Đức Phật A Di Đà và cũng là Lễ An Vị hồng danh Đức Phật Giáo Chủ cõi Tây Phương Cực Lạc.

Khóa tu sẽ bắt đầu vào ngày đầu năm dương lịch, tức là ngày Thứ Hai 01 Tháng Một, năm 2018 và hoàn mãn ngày Thứ Tư 03 Tháng Một, năm 2018.

Ngưỡng nguyện mười phương Chư Phật chứng minh.

Ngưỡng nguyện Đức Phật A Di Đà gia hộ cho chúng sanh, với tín tâm hành trì, tin sâu nguyện thiết, xin chỉ một đời này, được vãng sanh về miền Tịnh Độ.

Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Phật
Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Pháp
Nam Mô Thường Trụ Thập Phương Tăng

Thích nữ Huệ Trân
(Tào-Kê Tịnh Thất, Đông Chí, Đình Dụ niên)



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Bốn

Chúng tôi cùng ra vườn rau ở phía phải của chánh điện. Khoảnh vườn này rộng hơn hai mẫu tây. Trước năm 1975, chùa cho một gia đình nghèo canh tác, nay người canh tác đã bỏ đi, chùa lấy lại để trồng rau lang và đậu phụng. Đất vườn rất xấu, loại đất cát y như cát dưới biển, chẳng có màu mỡ gì. Mỗi giống rau hay đậu gieo tía xuống đều phải có phân chuồng hay phân u-rê thúc vào mới chịu phát triển. Tôi và chú Tửu được đặc trách tưới vườn rau hai mẫu này hàng ngày trong thời gian mới xuống giống. Nay rau, đậu đã lên cao, có củ, có trái, chúng tôi không phải tưới mỗi ngày nữa.

Ở góc vườn có một cái ao sâu do người trong chùa tự đào lấy. Bằng con đường nhỏ lầy lội dẫn xuống ao, chúng tôi gánh nước lên để tưới cho cả vườn rau rộng. Đất này cũng lạ, cứ đào đại xuống chừng ba, bốn thước là có nước mạch tuôn ra, tạo thành ao. Ao không rộng lắm, đường kính chỉ độ chừng năm, sáu thước, nhưng có chỗ sâu lút đầu người. Vì ao sâu, nước sạch, lại nằm biệt lập trong khuôn viên chùa, nên có những buổi trưa trời nắng gắt, tôi và chú Tửu không ngăn được ý thích

ngâm mình dưới lòng nước mát rượi ấy, và cũng bơi được vòng vòng trong ao như những đứa trẻ chăn trâu vậy. Chỗ đó vắng vẻ, không người qua lại. Thỉnh thoảng quên chuyện oai nghi tế hạnh, làm những ông Phật con tằm ao kể cũng thú vị.

Chúng tôi ngồi xuống trên bờ ao. Nước ao trong vắt. Lâu lâu mới thấy một con chuồn chuồn tinh nghịch làm gợn lên những vòng sóng nhỏ, lan nhanh trên mặt nước.

"Chú hết bệnh, tôi thực là mừng," chú Tửu nói. Thấy tôi không nói gì, chú tiếp:

"Ngày đầu tiên, thấy chú ngồi mãi trong phòng... tôi thực e ngại. Sợ là đủ thứ bệnh khác lại nổi lên. Có khi tôi nghĩ bậy bạ là chú sẽ ngồi thiền rồi... tịch luân. Mà sao lại có điều thần diệu như vậy nhỉ? Mấy thứ bệnh, không thuốc trị, tự dưng kéo đi hết. Có phải nhờ chú trì tụng thần chú không? Thần chú nào mà linh quá vậy?"

Tôi chỉ mỉm cười, không trả lời chú Tửu. Mặc dù tôi đã trì tụng thần chú Chuẩn Đề - một trong năm bộ chú thông dụng và nổi tiếng của Mật tông - trong suốt ba ngày ba đêm vừa qua, nhưng tôi biết rằng, chỉ có sự định tâm, không tạp niệm, mới đem lại hiệu quả bất ngờ (mà người

ta quen gọi là sự linh nghiệm). Có nghĩa rằng nếu tôi trì tụng một câu thần chú khác, hay một câu niệm Phật khác một cách chú tâm trong ba ngày ấy, kết quả cũng y hệt. Điều quan trọng vẫn là sự định tâm, bất loạn. Có điều, câu thần chú Chuẩn Đề tôi đã quen niệm từ nhiều năm, hẳn là dễ đưa tôi đến trạng thái nhất tâm hơn.

"Có một lá thư và một cái điện tín trên bàn, chú đã đọc chưa? Của thầy Thông Chánh, từ Phật học viện Hải Đức Nha Trang. Lá thư đến trước, điện tín đến sau. Điện tín nói thầy Thông Chánh sẽ đến đây trong vòng một, hai ngày nữa."

"Thiệt sao? Thầy ấy ra chơi hay có việc gì không? À, chắc đọc thư thì biết."

"Ra thăm xem chú bệnh hoạn làm sao đó mà."

"Sao chú biết?"

"Thì... thì tại tôi nóng ruột nên gửi thư về Phật học viện Hải Đức báo cho thầy Thông Chánh..."

"Mô Phật, chuyện đó có gì đâu mà phải báo. Chú làm vậy lỡ đến tai gia đình tôi, ba mẹ tôi lo lắng, đâu có ích gì."

"Thôi lỡ rồi, sau này tôi không làm như vậy nữa. Nhưng phải nói thực rằng lúc thấy chú bệnh mà không thuốc chữa, tôi nóng ruột

nóng gan lắm. Chẳng còn cách nào khác hơn là báo về Nha Trang để thầy Thông Chánh hay gia đình tìm cách...”

“Cám ơn chú. Chỉ sợ là mất công thầy Thông Chánh phải ra đến đây chỉ để thăm khi mình đã hết bệnh, và bệnh cũng đâu có nặng nề gì lắm đâu!”

“Nặng chứ sao không. Xương hàm tê cứng, ê răng không nhai được, miệng không thể há, cả tuần phải nhịn ăn... còn chờ nặng đến cỡ nào mới báo!”

Trở về phòng, bóc lá thư của thầy Thông Chánh ra xem, tôi mới biết rằng thầy ấy dự định đi Hội An đưa tôi về Nha Trang để trị bệnh chứ không phải chỉ ra thăm. Thư cũng cho biết bốn sư của thầy Thông Chánh là Hòa thượng Thích Trí Hữu, vị trụ trì khai sơn chùa Ân Quang, đã viên tịch. Linh cốt của Hòa thượng đã được đưa ra chùa Linh Ứng ở Ngũ Hành Sơn Non Nước để xây tháp thờ tại đó. Thầy Thông Chánh nhân dịp tháp tùng phái đoàn đưa linh cốt ra Non Nước, ghé chùa Long Tuyền để đưa tôi về Nha Trang.

Nhiều tháng nay, từ khi phải bỏ trường lớp, lao động ruộng vườn, tôi không có thì giờ để bận tâm nghĩ đến Nha Trang và những người thân thuộc của tôi nơi thành phố đẹp và hiền hòa ấy. Tôi không nhớ và cũng không hiểu rõ do đâu mà tôi quyết định ở lại, không về Nha Trang, khi Phật học viện nơi đây đã giải tán. Hình như quyết định ở lại chỉ là để chứng tỏ tâm chí của mình không bị lung lay bởi hoàn cảnh, thời thế — không phải những người cộng sản kéo vào miền Nam thì cái thằng tôi này kinh hoàng, tất tả bỏ trường, chạy về quê để nương bóng thầy bốn sư, gần gũi gia đình thân thuộc; không phải hoàn cảnh lao động cực nhọc lam lũ, ăn uống cực khổ thiếu thốn ở ngôi chùa Long Tuyền này khiến cho thằng tôi này phải chán ngán bỏ đi... Tóm lại, chuyện tôi không về Nha Trang thực ra đâu có gì

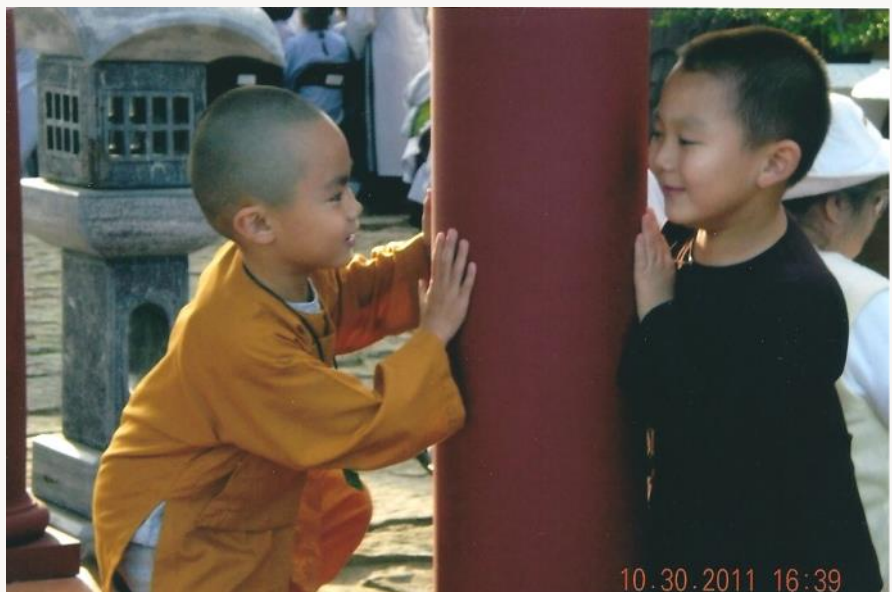
cao thượng, ý nghĩa, như những bức thư từ Nha Trang gửi ra, khen ngợi.

Đã có một thời tôi được thầy bốn sư gởi đến chùa Linh Phong để học làm việc, học gian khổ. Lúc đó tôi đã học việc một cách miên cưỡng. Nay tôi tự ý ở lại chùa Long Tuyền, cũng là một cách học việc, mà cũng là để chứng tỏ mình đã trưởng thành, sẵn sàng phóng mình vào những lò trui luyện khả năng chịu đựng khổ nhọc. Cái tâm chí ngạo nghễ của đứa con trai mới lớn thường như vậy. Thích gian nan, thích khổ nhọc, để chứng tỏ mức độ trưởng thành của mình. Nay tôi ôn lại những điều đó với một nụ cười nhạt. Tôi thấy không cần phải chứng tỏ với mọi người bất cứ điều gì về *thằng tôi* này nữa.

Tất cả các chú từ Nha Trang ra Hội An học cùng một khóa với tôi, đều đã trở về từ những ngày đầu của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời. Chú Sáng về Nha Trang trễ hơn các chú khác, nhưng cũng từ hôm tháng sáu, hai tháng sau biến cố ba mươi tháng tư. Bây giờ là tháng mười hai âm lịch, tức là đã qua tháng giêng năm mới chín bảy sáu. Có nghĩa là tôi đã sống chín tháng dưới chế độ mới mà chưa nhìn lại được bộ mặt của Nha Trang, chưa thăm lại chùa xưa, thầy bạn

cũ và nhất là gia đình ruột thịt của mình trong hoàn cảnh mới của đất nước. Ngay cả chuyện viết thư về Nha Trang tôi còn không giữ được mức độ thường xuyên mỗi tuần một lần như xưa. Có khi hai tháng tôi mới viết về cho gia đình một lần; và ba, bốn tháng mới viết thư cho thầy bốn sư của tôi—thầy Hải Tuệ, và người anh tinh thần hướng dẫn tôi du học từ lúc mới xuất gia—thầy Thông Chánh.

Bây giờ đọc là thư của thầy Thông Chánh viết từ Nha Trang, trong trí tôi bỗng hiện lên rõ ràng ngôi chùa Hải Đức trên núi cao, cây cối xanh um, đẹp đẽ... Và bỗng thấy một nỗi niềm gì đó rộn rã, băng khuâng, dâng nhẹ nhẹ trong lòng. Tôi tưởng tôi đã như một tượng đồng, tượng gỗ, bất động trước hoàn cảnh. Nhưng không phải vậy. Sau ba ngày im lặng chú tâm thiền định và trì tụng kinh chú, tôi như một kẻ mộng muội vừa bước ra khỏi cơn mê dài với một tâm hồn và một thể xác dường như là mới mẻ, tinh anh, vui không tả được. Chẳng phải tôi thành Phật thành Thánh gì đâu. Chỉ đơn giản là một con người mới, với tâm tư sáng khoái, nhẹ nhàng và yêu đời hơn. Cho nên, đọc bức thư của thầy Thông Chánh gợi ý là nên trở về Nha Trang, tự dưng tôi thấy là tôi muốn trở về thật. Tôi vẫn thường thích đi đây đi đó,



xa cách quê hương chừng nào tốt chừng đó. Nhưng đã xa Nha Trang một thời gian khá lâu rồi, bây giờ tôi nhìn về xứ ấy như nhìn về một thế giới mới lạ, đầy quyến rũ, mới mẻ. Một thế giới mới lạ trong cái nhìn mới, của một con người mới trong tôi. Tôi biết tôi không còn thuộc về ngôi chùa Long Tuyên này nữa.

Thầy Thông Chánh đến chùa Long Tuyên vào buổi sáng, khi những người trong chùa đều đã ra ruộng. Tôi vẫn còn được dưỡng bệnh trong chùa với vài công tác nhẹ nên đã có nhiều thì giờ để ngồi nói chuyện với thầy ấy. Thầy Thông Chánh có mang theo thư của thầy bốn sư gởi tôi, trong đó kèm một ít tiền xe. Mẹ tôi cũng gởi một lá thư ngắn, hẹn tôi về sẽ nói chuyện nhiều hơn. Cả thầy bốn sư lần phía bên gia đình tôi, đều mong tôi. Thầy Thông Chánh cũng khuyên tôi nên về lại Nha Trang. Dĩ nhiên là tôi không từ chối.

Tôi bỏ lại tất cả sách vở, đồ đạc của mình, biểu chú Tửu. Hành lý mang theo của tôi chỉ là tấm y và bộ đồ vật hồ để thay đổi. Vốn vẹn chỉ có vậy. Có cái gì thật vui thú, sáng khoái trong hành động xách hành lý ra đi, và nhất là hành động bỏ lại tất cả "tài sản" của mình. Có lẽ đây là lần thứ hai trong đời, tôi nhìn rõ được nỗi vui của sự ra đi và buông bỏ. Lần thứ nhất, cách đây cũng chỉ gần sáu năm, lúc tôi trốn nhà đi tu với hai bàn tay không, vứt sách vở vào thùng rác của bến xe đò.

Tuy nhiên, lần này, trong những kinh sách tôi để lại, có bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán tôi chép tay đã hơn hai phần ba, còn dang dở. Chú Tửu nói để chú chép tiếp cho trọn và sẽ mang bản kinh gốc trả lại cho chùa Phước Lâm. Đó là công việc nửa chừng duy nhất mà tôi đành phải gác qua, bỏ lại, tại ngôi chùa Long Tuyên này. Điều đó làm cho nỗi vui ra đi của tôi bị giảm

khá nhiều. Và không hiểu sao, trong nhiều năm, tôi vẫn không quên được rằng có một bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán do tôi chép tay chưa trọn, đã để lại nơi ngôi chùa ấy. Có lẽ trên thực tế cuộc đời cũng vậy, hễ có một nguyện ước không thành thì con người sẽ ngậm ngùi ôm mãi nỗi bất an, buồn lắng, không nói được với ai, không giữ bỏ được, đành chôn sâu ở đáy lòng bằng sự chông chất của thời gian. Một nguyện ước nhỏ, hay một lời hứa nhỏ mà không giữ được, có thể sẽ khiến tâm trí mình buông lơi, dễ dãi, để rồi không giữ được nguyện ước và lời hứa lớn.

Buổi chiều cùng ngày, tôi theo thầy Thông Chánh ra bến xe Hội An, đi Non Nước. Thầy Thông Chánh vẫn còn chút việc phải làm ở đó trước khi đưa tôi về lại Nha Trang. Nghe nói đi Ngũ Hành Sơn Non Nước, tôi càng thích thú. Sau một thời gian làm nông, bây giờ mới có dịp thưởng ngoạn phong cảnh đẹp nhất của xứ Quảng.

Chúng tôi đến Non Nước vào lúc chập choạng tối. Lèo tam cấp đến chùa Linh Ứng thì màn đêm cũng vừa buông. Muôn sao rực rỡ giữa tấm màn nhung đen huyền ảo ấy. Lên đến sân chùa rồi, tôi vẫn còn nghe được tiếng sóng

biển vỗ lên bờ cát dưới chân núi. Âm thanh có khi như những tiếng gầm thịnh nộ của một hung thần, nhưng cũng thực hùng tráng, ngạo nghễ, và cao thượng đến nỗi tôi có thể cảm được trong đó vẻ diêm lệ, huy hoàng của bộ mặt, của dáng dấp thiên nhiên, hay của một khúc anh hùng ca bất tận mà chỉ thiên nhiên mới là chàng nhạc sĩ duy nhất có thể tấu lên nổi.

Trên chùa đang có ba vị thầy khác từ Sài Gòn ra, cùng ở lại với chúng tôi. Họ đều là đệ tử của Hòa thượng Trí Hữu, tức là huynh đệ đồng môn của thầy Thông Chánh. Quý thầy họp mặt, trò chuyện vui vẻ, luôn tiện bàn việc xây tháp thờ cổ Hòa thượng bên hông chùa.

Chùa không đủ chỗ ngủ cho nhiều khách, chúng tôi phải nằm chung trên một bộ ván rộng bằng gỗ lim. Gió từ biển thổi vào cửa sổ khiến cho cái mừng cứ bị thụng vào phía trong, có khi chân mừng hổng lên khỏi chiếu. Chúng tôi phải lấy sách chặn lại. Dù sao, gió mát cũng dễ chịu. Trước khi ngủ, tôi vẫn còn nghe được tiếng sóng biển đập mạnh lên bờ. Hùng tráng, kiêu sa, bất tận. Chưa có đêm không ngủ nào lại thú vị đối với tôi như đêm nay.

(còn tiếp)





LỜI CUỐI NĂM

Giờ mới bước phong trần neo bến đỗ
 Đấng quân vương ngự trị đáy lòng em
 Vẫn thôn thức bởi chữ tình rồi rắm
 Vẫn bàng hoàng trước thực mộng đan xen
 Giữa thời nay người xênh xang xứng xứng
 Trong tình tươm bóng bấy lắm mưu cầu
 Lòng vẫn khoác bộ vía ngàn năm cũ
 Như cô thành nơi thủ phủ Luy Lâu
 Tự đây thôi trong trận đồ cơm áo
 Trong miên miên khổ hạnh giữa thân tâm
 Công thiếu đủ đời con như công đạo
 Giữ chiếu chăn như thể giữ mê lầm
 Mười năm rồi trở về thăm đất mẹ
 Ấn Trà xưa! Đâu non nước mỹ miều
 Phường phố rộng thênh thang người tắt bật
 Sông núi trầm u quạnh quẽ hoang liêu
 Ghì lưng mẹ lệ ròng câu hiếu hạnh
 Thông vai hùm cho nước mắt chảy xuôi
 Lòng chán ngấy no những lời thiện thánh
 Phía trăm năm bóng nguyệt luống ngậm ngùi
 Tuốt kiếm báu chém như ba tác lược
 Lột xiêm y cho lỏa thể cuộc đời
 Thấy trần trụi một biển người làm lỗi
 Thấy người về trong manh giáp tả toại
 Bởi quá muốn lòng vui như mở hội
 Nên quá buồn như một cỗ xe tang
 Thấy ai độ ngang qua miền đất trích
 Chiều cuối năm người cũng chẳng vội vàng.

NĂM MỚI CHƯA VỀ

Em tôi là nông dân
 Neo đời nơi bầu bãi
 Đoạn Trà Giang phân vân
 Để nhánh sâu ngoảnh lại
 Tuổi thơ em đi mãi
 Cho khô vàng đôi tay
 Nhúng đời nghèo vạn đại
 Biết làm gì đổi thay
 Nay thiên tai bão lũ
 Mai mẹ ốm cha đau
 Quen mất mùa đói kém
 Từ khi cha bạc đầu
 Đà những ngày giáp tết
 Sao lòng đầy tịch dương
 Sao mắt đầy bão lũ
 Sao nhà đầy tai ương
 Nuôi gà thì gà dịch
 Nuôi thân thì thân tàn
 Nuôi mẹ cha sớm tối
 Chẳng một lời than van

Tôi về Đông đã hết
 Tết rộn ràng sơn khê
 Nhìn em tôi chợt hiểu
 Ô! Năm mới chưa về.

thơ

DUY TOÀN